

SÁNG TẠO

THÁNG CHÍN 1958

KHẢO LUẬN

LÊ HUY OANH. Khảo về thơ Baudelaire
VIỆT TỬ. Cao Bá Quát
LỮ HỒ. Có chăng một bà Hồ Xuân Hương

SÁNG TÁC

THANH TÂM TUYẾN. . . Những người đã chết đều có thực
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG. Con đường
DOÃN QUỐC SỸ. Khu vườn bên cửa sổ

THƠ TỰ DO

TÔ THÙY YÊN – TUÂN HUY – DUY THANH
TRẦN LÊ NGUYỄN – VƯƠNG TÂN
NGUYỄN DUY DIỄN – VŨ NGUYÊN – MAI TRUNG TĨNH

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

THANH NAM: ĐỌC SÁCH: HOA BÊN VƯỜN CŨ của **TRẦN**
PHƯƠNG NHƯ – THÁI TUẤN: TRIỂN LÃM SƠN DẦU của
BON NGUYEN – TRIỂN LÃM NGUYỄN VĂN PHƯƠNG – DUY
THANH: TRIỂN LÃM PHẠM KIM KHẢI - TRIỂN LÃM VÕ MINH
NGHIÊM – HỒ NAM: ĐỌC SÁCH: THUYỀN THƠ THI TUYỂN
của **ĐÔNG XUYỀN.**

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ: 133B KÝ CON - SAIGON

số 24

80 trang GIÁ: 10\$00

tạp chí văn nghệ

Sáng Tạo

số 24

tháng Chín 1958

**lê huy oanh - doãn quốc sỹ -
nguyễn duy diễn - thái tuấn
trần lê nguyên - thanh nam
lữ hồ - người sông thương
duy thanh - mai trung tĩnh
vương tân - thanh tâm tuyền
việt tử - vũ nguyên
thái tuấn - hồ nam**

Sáng Tạo số 24 tháng 9 - 1958

bìa: *Tạp chí Sáng Tạo*
trình bày: ***Muôn Phương***
nguồn: *Internet*

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 24
tháng 9 - 1958

MỤC LỤC

	Trang
1. NHỮNG NGƯỜI ĐÃ CHẾT THANH TÂM TUYỀN	9
2. NHÂN NÓI VỀ MỘT DANH TỪ TÔ THÙY YÊN	37
3. CÂU HỎI - THU DUY THANH	39
4. BÂY GIỜ - BUỔI SÁNG MAI TRUNG TĨNH	42
5. SÁNG THẾ KỶ NGUYỄN DUY DIỄN	45
6. HÀNH TRÌNH NGÀY MAI TUẤN HUY	48
7. CON ĐƯỜNG NGƯỜI SÔNG THƯỜNG	51
8. KHẢO VỀ THƠ BAUDELAIRE LÊ HUY OANH	74
9. KHU VƯỜN BÊN CỬA SỔ DOÃN QUỐC SỸ	103
10. MỆNH MANG - VỜI VỘI VƯƠNG TÂN	138
11. ANH TRẦN LÊ NGUYỄN	142
12. MÙA XUÂN XA VŨ NGUYÊN	147
13. NHỮNG Ý NGHĨ VÀO BUỔI CHIỀU TÔ THÙY YÊN	149
14. CAO BÁ QUÁT VIỆT TỬ	152

15. CỐ CHĂNG MỘT BÀ HỒ XUÂN HƯƠNG 208
LỮ HỒ

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

THÁI TUẤN: TRIỂN LÃM SƠN DẦU của BON NGUYEN - TRIỂN LÃM NGUYỄN VĂN PHƯƠNG (trang 232) - **THANH NAM:** ĐỌC SÁCH: HOA BÊN VƯỜN CŨ của **TRẦN PHƯƠNG NHƯ** (trang 239) - **DUY THANH:** TRIỂN LÃM PHẠM KIM KHẢI - TRIỂN LÃM VÕ MINH NGHIÊM (trang 247) - **HỒ NAM:** ĐỌC SÁCH: THUYỀN THƠ THI TUYỂN của **ĐÔNG XUYỀN** (trang 249).

ĐÃ PHÁT HÀNH SÁNG TẠO TẬP BA:

TỪ SỐ 13 ĐẾN SỐ 18

Thế theo lời của độc giả khắp nơi gửi về hỏi mua những số báo thiếu, chúng tôi đã cho đóng và phát hành toàn quốc:

SÁNG TẠO TẬP BA: TỪ SỐ 13 ĐẾN SỐ 18

Bìa cứng, dày 480 trang. Trình bày đẹp. Giá 40\$. Các bạn hỏi mua ở các hiệu sách, sạp báo hoặc biên thư kèm theo bưu phiếu gửi về. Ty quản lý sẽ gửi báo đến các bạn.

o O o

Thư từ và bài vở gửi cho: MAI THẢO

Tiền bạc và ngân phiếu cho: ĐẶNG LÊ KIM

TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO:

133B, đường Ký Con – SAIGON

NHỮNG NGƯỜI ĐÃ CHẾT ĐỀU CÓ THỰC

THANH TÂM TUYỀN

I.

ĐỒNG sinh ngày 8 tháng 7 năm 1931. Năm 1943 Đồng bắt đầu lên ban Trung học, theo học lớp đệ nhất niên cấp phổ thông tại trường Gia Long Hà Nội. Bây giờ ngôi trường ấy đã chia thành nhiều gian cho thuê làm nhà ở. Mỗi lần qua đấy, Đồng vẫn liếc nhìn vào cái ngõ khuất khúc với cái cổng trường gồm hai cánh cửa gỗ đỏ đã phai màu nín lặng. Hình như tuổi ngây thơ của Đồng còn ở sau hai cánh cửa ấy, cái sân đất dơ bẩn về mùa mưa, cái hầm trú ẩn bằng xi măng bỏ hoang nơi Đồng chơi

đùa. Năm sau Đồng học lớp đệ nhị niên được hai tháng thì phải theo gia đình tản cư về quê ngoại ở Hà Đông.

Cuộc chiến tranh vào cuối năm đưa đẩy gia đình Đồng lên tận miền rừng núi Phú Thọ. Những ngày đi bộ hàng vài chục cây số trên những bờ ruộng mấp mô, những khúc dốc trải đá qua những cơn mưa nắng thất thường dưới những bầu trời cháy nắng hay mù sương chỉ có thể khiến bà mẹ già của Đồng phải than thân trách phận mà thôi, còn đối với người con trai tuổi vừa mười lăm mười sáu thì là một cuộc phiêu lưu lãng mạn kỳ thú hơn hẳn sách vở. Đồng sống cực nhọc về vật chất không thể xóa mờ được vẻ thơ mộng của thời gian ấy. Tuổi mới lớn được đặt vào giữa một thế giới mộng tưởng có không gian bát ngát trong thân thể, có những hình bóng anh hùng ngay trước mắt, có lý tưởng để sống trong tầm tay mình. Tất cả cái lãng mạn của tâm hồn gặp dịp được mang tô lên trên mọi đồ vật, trên mọi thảm khốc. Đến cái chết lúc bấy giờ cũng không còn là bi đát, nó

trở thành hào quang của đời người. Cuộc chiến tranh khùng khiếp, đối với kẻ xâm lược là vô lý và hèn hạ, đối với kẻ chống cự là ý nghĩa cao quý của kiếp sống. Sức chịu đựng những đau đớn hành hạ tương đương với đức lớn của bậc thánh, cuộc kháng chiến cũng muốn chứng tỏ điều này.

Rừng núi miền thượng du là khung cảnh cho mới tinh thứ nhất của Đồng. Đồng yêu Hà. Hai gia đình cùng tản cư và ngụ chung một nhà. Hà cùng tuổi với Đồng, nhưng con gái có những lúc trông vẫn người lớn hơn con trai. Đó là những khi bộ đội hay thương binh chuyển qua địa phương mà Hà được cử vào đoàn phụ nữ đón tiếp, hay những đêm diễn kịch thanh niên cán bộ vây quanh giọng hát của Hà – Hà có giọng hát thật hay. Trong những trường hợp ấy Đồng ghen tức bực dọc vì thấy mình còn nhỏ quá. Bởi vậy Đồng chưa bao giờ dám ngỏ một lời với Hà – và nghĩa là chẳng bao giờ nữa. Những phút sung sướng nhất của Đồng là được một mình với Hà, vì

lúc đó Hà lại chỉ là một cô gái nhỏ ngây thơ. Hai người theo dân làng đi kiếm củi khô trong rừng hay lên đồi hái chè, khi rảnh rang. Đồng mang ứng dụng những bài học về thảo mộc vào thực tế và giảng giải cho Hà nghe hay kể những câu chuyện vui khiến Hà cười ngặt nghẽo. Một buổi chiều hai người ngồi trên tảng đá bên bờ sông. Đồng mang kể Paul et Virginie với Hà. Hà im lặng rất lâu rồi ném những hòn đá nhỏ xuống dòng nước sông Thao đục ngầu. Hà hỏi:

– Ngày sau anh muốn làm gì?

Không suy nghĩ Đồng nói mộng tưởng của mình:

– Yên ổn về Hà Nội tôi sẽ cố học thành tài. Tôi muốn làm bác sĩ, có một căn trại ở thôn quê để trồng cây nuôi súc vật, rảnh rỗi tôi vẽ cảnh vật nơi tôi sống.

Hà không nói gì.

Đồng không bao giờ quên được những buổi tối an nhàn người ta quây quần ở ngoài sân bên đồng rạ, Hà cất tiếng hát cho mọi người. Đồng và Hà thường ngồi trên đỉnh cao. Đồng nghĩ Hà hát cho một mình Đồng nghe mà thôi. Có những lúc Đồng thu hết can đảm nhìn xóng vào mắt Hà nhưng chỉ được vài giây. Hà hay hát bài Nhớ người thương binh của Phạm Duy. Đồng ảm ức vì Đồng không phải là thương binh, không phải là anh hùng.

Cuối năm 48 cả hai gia đình cùng hồi cư. Về Hà Nội, đời sống thành thị làm hai người xa cách nhau. Thỉnh thoảng gặp Hà ngoài phố, trông vẻ mặt nghiêm trang lãnh đạm và người lớn của bạn, Đồng không muốn hỏi chuyện và cũng chẳng chào. Rồi Hà lấy chồng theo chồng vào Sài Gòn làm ăn. Mỗi tình thú nhất âm thầm dục dề chỉ còn lại những tiếc nhớ đại khờ. Đồng bắt đầu có cảm tưởng cuộc đời vượt khỏi tầm tay.

Sau đó ba năm liên miệt mài với sách vở

rút ngắn ban Trung học vào ba kỳ thi liên tiếp. Xong tú tài thì Đồng đau ngực phải tạm nghỉ. Trong niên học sửa soạn thi phần thứ nhất, Đồng yêu Phương, cô bạn cùng lớp. Phương cũng có cặp mắt tinh nghịch, giọng nói thanh cao và khỏ người mảnh khảnh như Hà. Phương lại có cùng những ước vọng như Đồng. Phương muốn trở thành bác sĩ sống ở thôn quê và được nghe âm nhạc.

Mỗi tình thứ hai cũng chưa kịp ngỏ. Đỗ phần thứ nhất Phương được gia đình gửi sang Pháp. Hôm Phương đi, Đồng đưa tiễn Phương ra sân bay. Phương khóc mắt đỏ hoe — ở người đàn bà nào chẳng khóc trong bất cứ cuộc chia ly nào — Đồng nắm lấy tay Phương hay Phương nắm lấy tay Đồng? Hay là một cái bắt tay thường tình không biết. Nhưng Đồng bồi hồi và nghe cay ở khóe mắt. Phương nói:

– Phương sẽ viết thư cho anh địa chỉ và anh phải viết thư luôn cho Phương.

Nửa tháng sau Đồng nhận được tấm bưu thiếp của Phương khi vừa đặt chân xuống Paris. Một tháng sau một bức thư. Hai tháng sau khi bắt đầu nhập học. Và cái học bay lên vút tận trời. Trời đất từ nay...

Khi được bác sĩ báo cho biết mình mắc bệnh phổi. Đồng tưởng chừng tuyệt vọng. Hai mối tình tan vỡ — tại sao không cứ cho là thế? — một thể xác bệnh hoạn, đời sống còn lại của Đồng chẳng còn nghĩa gì. Lúc bấy giờ cuộc chiến tranh chống Pháp đã chuyển từ du kích sang trận địa. Những chiến thắng liên tiếp ở Cao Bắc Lạng dồn quân Pháp xuống đồng bằng và hy vọng tổng phản công về Hà Nội sắp thực hiện nay mai. Đồng thấy mình thừa, vô ích và phi lý. Đồng dọn về Thụy Khê ở với mẹ và em trai nhỏ xa lánh bè bạn chờ chết; trước kia Đồng ở trên nhà người anh mở hiệu xe đạp ở khu chợ Hôm.

Đồng có ba đứa bạn thân: Thạch, An và Cảnh. An là con bác sĩ Trần Quang Tân, một

ông bác sĩ thích làm chính trị hơn hành nghề, một nhà chính trị “quốc gia”. An học luật. Thạch và Cảnh cả hai đứa gia đình đều còn ở hậu phương phải tự mưu sinh để theo học. Cảnh theo khoa toán học, còn Thạch lận đận mãi với phần thứ hai. Đồng thân với Thạch hơn cả.

Trong một năm vừa qua nghỉ nhà tĩnh dưỡng chữa bệnh Đồng đọc rất nhiều sách. Đồng thường ngồi hàng buổi sau đình Thụy Khê trông ra mặt hồ Tây nước rộng để nghiền ngẫm tư tưởng. Cùng với thể xác đau ốm, cuộc đời như tách lìa khỏi Đồng đứng trên một bờ vực. Thế giới mộng tưởng đã tan vỡ, lý tưởng sống không còn ở trong tâm với. Những giây phút hoang mang chóng mặt vì tương lai ám ảnh thường trực. Đồng không thấy được vị trí của mình ở hiện tại, nói gì đến tương lai. Đồng đã hỏi Thạch:

– Tại sao mình lại đi đến cực tả?

– Không biết

– Tôi cho là tại mình không tham dự kháng chiến và mình đọc sách. Cuộc kháng chiến không phải là công trình của thế hệ chúng ta, mà mỗi thế hệ muốn có một công trình độc đáo góp vào lịch sử nên chúng ta muốn vượt trước cuộc kháng chiến bằng cực tả. Ngay cả vấn đề cộng sản cũng vậy. Những kẻ đã trói mình bằng hành động vào công trình của họ không bao giờ muốn thay đổi cả. Rồi khi hành động chúng ta cũng như thế.

– Cũng có lẽ. Chúng ta đi tìm ý nghĩa của thế hệ chúng ta, nhưng vấn đề cộng sản thì khác.

Thạch ngừng lại để suy nghĩ trước khi tiếp lời:

– Tôi thành thực mà nói chính khi tôi sinh ra đã là cộng sản rồi. Bản chất của tôi không thể nào thích hợp được với cái xã hội này. Cứ nói ngay thẳng An là bạn thân mà vẫn có lúc tôi không thể chịu nổi – rất tự nhiên, tôi cần

nói rõ sự thù hằn hồn nhiên – cái dáng dấp quý phái của nó. Tôi không thể bước chân vào một nơi sang trọng mà không thấy lạc lõng lực đợc, suốt đời tôi chỉ muốn sống chui rúc bản thủ như loài chuột. Tôi là type mà Dostoiewski đã nói: không thể an tâm khi biết còn một người chịu đau khổ trên thế gian. Nhưng cũng chính khởi đi từ cái khát vọng tuyệt đối không tưởng ấy mà tôi lại không thể theo đợc cộng sản. Cái khổ tâm của tôi là tôi phải đứng vào hàng ngũ những người tôi không ưa để chống lại những người đáng lẽ là bạn bè của tôi. Chỉ vì họ thiếu khát vọng tuyệt đối. Tôi khác thằng Cảnh ở chỗ đó.

Đồng nhận rằng Thạch có lý. Người thanh niên tri thức nào chẳng theo đuổi một chân lý vĩnh viễn, chẳng khinh ghét thứ chân lý tạm thời và họ đáng thương biết bao vì chẳng nơi nào muốn dung nạp họ, vì họ là một thứ lương tâm dày vò người ta.

Đêm hôm trước Thạch xuống thăm Đồng

báo tin mừng Thạch qua thoát phần thứ hai, An đỗ phần thứ hai cử nhân luật, Cảnh chiếm được chứng chỉ Cơ học thuần lý sau chứng chỉ Vật lý đại cương ở kỳ thứ nhất. Đồng giữ Thạch ngủ lại, hai người nằm chung giường. Đồng ôm chặt lấy Thạch, Đồng yêu Thạch. Nhưng Thạch không thích những cử chỉ thân ái xuống xã. Và cả hai người đều cô độc như nhau. Tình yêu giữa đàn ông không thể biểu hiện được nếu không muốn là kỳ cục bệnh hoạn. Thạch nằm ngửa nhìn lên đỉnh màn nói:

– Tôi biết thằng Cảnh hoạt động trong một tiểu tổ nội thành.

Trong khi ấy Đồng nghĩ. Đồng cần được yêu một người, cần một người yêu mình. Đồng không thể chịu đựng sự cô độc như Thạch. Thạch lại nói:

– Tôi muốn được hoạt động.

– Sao?

– Tôi muốn được hoạt động. Tôi khó có thể ngồi yên học hành được nữa.

– Làm gì?

– Chưa biết.

Đồng trở mình buột miệng:

– Tôi muốn được yêu.

– Yêu ai?

– Một người nào đó.

Thạch thở dài chậm chậm nói bằng giọng trung lập:

– Cậu còn sung sướng vì nghĩ được rằng sẽ yêu một người. Tôi nghĩ tôi không thể yêu được ai và cũng chẳng ai thêm yêu tôi.

Sự thực không phải tình cảm đã chết trong lòng Thạch, nhưng cái vỏ cứng của người sống

nhiều bằng tư tưởng đã không để lộ được tình cảm ra ngoài, nên Thạch có bộ dạng lạnh lùng ác cảm. Đồng thương Thạch quá và muốn quay ra ôm lấy Thạch nhưng không dám. Đồng nói:

– Phải tôi là con gái tôi lấy anh ngay.

Thạch cười sung sướng.

Buổi sáng tháng chín, thời tiết ở vào giữa mùa thu. Gió ào ào qua cây lá nghe như mưa đổ. Trời đất lên cơn sốt mê sảng. Khí hậu như độc được tiêm vào máu người ta sự bất hoại ngây ngất, cái chết ngấm trong cơ thể không sao cưỡng được. Đồng hơi thấy khó thở khi thức giấc. Thạch đã dậy và đang nói chuyện với mẹ Đồng ở ngoài sân. Bà cụ mời Thạch dọn xuống ở chung với Đồng cho có bạn. Lát sau mẹ Đồng mang vào buồng cho hai người hai cốc sữa nóng với hai cái bánh tây. Ăn điểm tâm xong Đồng đi chân đưa Thạch đến vườn Bách Thảo theo con đường dốc lên Quán ngựa. Từ trên cao nhìn xuống Thụy Khê chạy với những

lùm cây xanh thấp thoáng những nóc nhà kiểu cổ. Xa là mặt hồ Tây bốc khói lạnh. Gió buổi sáng vẫn còn dữ dội làm lạc cả hơi thở của Đồng. Thạch lên xe đạp, Đồng trở về nhà.

Đồng đọc hết cuốn *Adieu aux armes* và ngồi mơ mộng trước cửa sổ nhìn ra vườn. Khóa sĩ quan Nam Định đã ra trường. Trong những người bạn học cùng lớp đã nghe nói có người gặp tai nạn trong khi tập luyện, có người tử trận, người mất tích, có người đào ngũ. Rồi sẽ đến lượt bọn Đồng. Phải chọn, phải cầm khí giới. Đồng chưa biết mình sẽ định thái độ như thế nào. Đồng bị bệnh và Đồng sẽ thoát khỏi. Nhưng Đồng không muốn bệnh hoạn là một lối thoát cho mình. Còn Thạch? Còn Cảnh. Còn An? Cảnh chắc chắn sẽ bỏ ra hậu phương. Thế lực của bác sĩ Tân giúp An được yên ổn. Chỉ còn Thạch! Hắn sẽ làm gì? Đồng lo lắng cho Thạch.

Mối tình của hai nhân vật trong cuốn tiểu thuyết truyền vào tâm hồn Đồng những xúc

động yêu đương bông bột. Đồng muốn yêu một người, có một người yêu mình, Đồng không chịu được sự cô độc như Thạch. “Có lẽ tại mình ốm yếu” Đồng tự bảo thầm. “Nhưng tôi muốn được yêu. Hà và Phương đã mất rồi. Ai? Tôi sẽ yêu ai?” Đồng không thấy một hình bóng nào hiện lên trong óc. Đồng nằm xuống giường, thân thể bồn chồn một nỗi nhớ nhung da diết. Đồng ngủ thiếp đi và mơ thấy một khuôn mặt quen quen. Tỉnh dậy Đồng tưởng tượng mãi khuôn mặt ấy trong trí nhớ. Nga! Nga! Phải tại sao Đồng không yêu Nga? Tại sao không?

Lúc ấy vào ba giờ chiều, Đồng mặc quần áo đi xe điện lên phố. Đồng xuống chỗ tránh tàu ở con dốc Quan Thánh, đi bộ đến nhà An – Nga là em gái của An. Khi đứng trước cổng biệt thự của bác sĩ Trần Quang Tân Đồng mới thấy mình vô lý hết sức. Đồng chỉ gặp Nga một lần khi đang đi phố với An, cũng như các bạn Đồng chưa đến chơi nhà An lần nào. Nhưng chuông đã kêu, cổng sắt đã mở và kìa Nga đứng

trước mặt Đồng. Nga dẫn Đồng qua một lối sỏi trắng – gót chân Nga trắng hồng quý phái – vào phòng khách. Gian phòng trang hoàng theo kiểu Tây phương sang trọng. Đồng ngồi xuống, cảm giác hoang mang ngầy ngất dụi đi. Đồng thấy hơi thở nóng trong cổ họng và mệt mệt, mồ hôi lấm tấm trên trán. Nga vào trong vài phút rồi ra ngồi đối diện với Đồng. An vắng nhà. Nga hỏi Đồng bằng giọng dịu dàng xem Đồng có muốn nhắn gì cho An không hay Đồng viết vài chữ để lại cho An. Không đợi Đồng trả lời Nga lại trở vào trong lấy giấy bút cho Đồng. Đồng nhận lấy giấy bút song không viết, Đồng nhìn thấy hào quang trong mắt Nga.

Ngực Đồng bỗng mệt lắm, Đồng nghĩ Đồng không đứng lên được. Đồng nghe thấy tiếng Nga kêu: “Anh bị mệt”. Hình như Đồng lắc đầu xua tay nói: “Không, tôi không việc gì hết”. Nga chạy vào trong lên cầu thang. Đồng tựa vào lưng ghế duỗi chân thở lấy hơi rất chậm, nước mắt đầm đìa. Không được chảy nước mắt Nga sẽ trông thấy. Một lát Nga trở xuống thì Đồng

đã tỉnh và mỉm cười. Nga đưa cho Đồng cốc nước lọc và hai viên thuốc, Đồng uống ngoan ngoãn. Nga vẫn đứng yên – nhìn Đồng chăm chú, Đồng không dám lau hai khóe mắt cay xè.

Rời khỏi nhà Nga, Đồng cảm thấy dễ chịu nhưng lòng buồn vô hạn. Đồng biết rằng Đồng phải yêu Nga. Không còn là thứ tình vui sướng bay bổng như thời mười lăm mười sáu, tình yêu mở lên cho Đồng thấy rõ thân phận của mình. Người ta không được quyền từ chối (Thạch muốn từ chối chẳng?), người ta phải chấp nhận tình yêu, bởi làm sao chạy trốn nổi thân phận của mình? Nếu tình yêu chân thật là sâu bi, không có gì bắt người ta phải sống đúng thân phận mình hơn tình yêu. Đồng khám phá chân lý trong giây phút Nga nhìn thẳng thẫn vào mắt rưng rưng của Đồng. Đồng ngược lên chỗ tránh tàu đợi chuyển xuống phố, Đồng không muốn về nhà.

II.

Chiều dao động trong ánh sáng màu chì. Thành phố vẫn nhiều những tiếng động thường ngày nhưng dường như bị nghe qua một tấm kính dày là sự trống vắng dừng dừng. Con phố Tràng Thi mãi miết im lặng. Cây đa um tùm trong sân thư viện Pasquier đổ đầy lá và búp xuống cỏ. Viên lối đi trong sân những luống hoa thấp bé, màu vàng màu đỏ kín đáo. Phòng đọc sách hiu quạnh, một vài người chăm chú làm việc bên những chồng sách, Đồng không gặp người nào quen. Đồng quay ra đứng trên thềm phân vân. Vừa lúc Thạch, An, Cảnh từ cổng vào. Họ đang bàn cãi về một vấn đề gì đó. Đồng nhập bọn và họ ra lối sau thư viện ngược đường Hai Bà Trưng về phía trường Đại học.

Câu chuyện quay quanh tác phẩm *La nausée* của Sartre. Cảnh nói:

– Tôi không chịu nổi Sartre. Thứ triết lý đó là thứ sặc mùi tiểu xảo của tiểu tư sản. Ngồi mà

ngắm khuôn mặt bàn tay ngón tay mình, cái rễ cây, vườn hoa, rồi rình rập để quan sát từng cử chỉ nhỏ nhất của người khác khi người ta ăn uống, người ta ngủ với nhau để thấy lợm giọng, để nhận ra cái chân lý cuộc đời là phi lý thì phải bảo người ta đã phi lý ngay trong những hành vi ấy. Tại sao không đếm xem mình có bao nhiêu cái lông mà nghĩ về đời sống? Như thế còn thấy phi lý hơn nữa. Theo tôi khi người ta quay vào mình lấy ý thức chủ quan để quan sát mình cũng như sự vật, tìm hiểu ý nghĩa đời sống là làm một cuộc rượt bắt vô ích. Ý thức chủ quan tách rời ngoại giới đứng ngay trong nó là vô nghĩa, ý thức chủ quan đã vô nghĩa thì còn cái gì là có nghĩa. Trước hết phải tìm ý nghĩa cho cái ý thức chủ quan của mình đi, tìm bằng hành động, nhập vào ngoại giới. Thay đổi ngoại giới; cho ngoại giới có ý nghĩa của nó phải thành, đạt được đến cái devenir (trở nên) của sự vật thì ý thức chủ quan mới thấy nghĩa lý của chính nó. Đời sống của người ta hữu lý ở chỗ tìm đến sự thành hình tất yếu của mình chứ không phải là quay vào với từng giây phút

thoáng qua sẽ mất đi, sự thành hình trong một toàn thể xã hội nhân loại. Còn với cá nhân thì tất nhiên là thừa là phi lý là lão toét.

Giọng nói của Cảnh nhất gừng nhưng đanh thép. Mọi người im lặng đều bước. An lên tiếng cãi:

– Nhưng cậu phải công nhận Sartre đặt rất đúng vấn đề tự do. Tự do là bản thể của người ta, người ta không thể nào khước từ tự do.

– Nếu bảo người ta được tự do để rồi bởi cái tự do tuyệt đối không cơ sở ấy dẫn người ta đến cái phi lý của đời sống thì thà người ta không tự do mà đời sống có ý nghĩa còn hơn.

Cảnh ngắt lời An:

– Không tôi nhất định thấy phải tự do dù từ đó phải nhận luôn là cuộc đời phi lý còn hơn cái ý nghĩa của đời sống khi không có tự do.

An cãi bướng:

– Biết đâu ý nghĩa của đời sống chẳng chính là ở chỗ phi lý của nó.

– Đó là quan niệm của tư sản. Cảnh trả lời giọng gay gắt.

An đỏ mặt không nói được nữa, và lấy thuốc lá hút. Đồng dứt hai tay vào túi quần bước trầm tĩnh. Thạch không bày tỏ ý kiến. Cả họn ngồi lại trên chiếc ghế đá ở vườn hoa trước viện bảo tàng Finot, thẳng mặt là con đường bờ sông với bờ đê cao. Thạch khơi lại câu chuyện bỏ dở với Cảnh:

– Tôi đồng ý là chúng ta phải đi tìm ý nghĩa đời sống trong cách nhập làm một với ngoại giới bằng hành động. Phải nhận thức được sự trưởng thành của xã hội để tham dự thì cái ý thức chủ quan mới có nghĩa của tự do, vì tự do là biết chấp nhận sự tất yếu. Nhưng tôi hỏi cậu sự trưởng thành của xã hội có bắt buộc phải là chế độ cộng sản hay không?

– Cậu muốn đi tới đâu? Cảnh hỏi gặng lại.

– Cậu hãy trả lời câu hỏi của tôi đã.

– Tất nhiên.

– Tôi hỏi cậu trong cái quá trình vận động của xã hội để tiến tới cộng sản, ý thức chủ quan của người ta có quyền tự do để nhận thức sự tất yếu mà tham dự hay đã bị quy định bởi những tương quan xã hội từ trước?

– Cậu nhớ rằng tự do là lá bùa hộ mệnh của tư sản và nó sẽ chỉ đưa cậu tới chỗ phá quấy.

– Tại sao cậu không trả lời vào câu hỏi của tôi mà cứ dán cho nó những nhãn hiệu?

– Tôi không muốn trả lời vì cãi nhau mất thì giờ vô ích – Cảnh ngắt ngang đứng dậy – Hàng đồng sách của tư sản lải nhải về vấn đề ấy nhưng nó cứ nằm trong thư viện và trong đầu mấy cậu, còn lịch sử vẫn bước những bước khổng lồ ngoài kia.

– Vấn đề không phải là của tư sản – Thạch nổi nóng – Mà giả thử của tư sản chẳng nữa thì cũng cần phải xét nội dung của nó. Sao lại gạt bỏ một cách dễ dàng như vậy?

Cảnh lắc đầu hơi nhếch mép không đáp. Dáng người thấp bé của hắn lộ vẻ kiêu hãnh đáng ghét. Thạch cố hỏi:

– Tại sao cậu không trả lời tôi? Tôi không thích cái thái độ âm lạnh trịch thượng ấy.

– Tự tôi không thích tranh luận nữa. Chẳng đi đến đâu cả. Giọng Cảnh dừng dừng.

Nói xong Cảnh quay lưng bỏ đi vài bước. Thạch ngồi im giận dữ. Bỗng Thạch đứng lên đuổi theo Cảnh, nắm lấy cổ áo Cảnh giựt lại. Cảnh vừa quay mình thì Thạch vừa hét vừa đánh mạnh vào mặt Cảnh:

– Tao phải đánh vỡ mặt mày.

Việc xảy ra bất ngờ khiến Cảnh cũng như An và Đồng không kịp trở tay. Cảnh loạng choạng ngã ngồi bệt xuống cỏ, An và Đồng giữ tay Thạch. Cảnh đứng dậy giận tái mặt nhưng lại bình tĩnh phủi quần áo bỏ đi. Thạch lồm lộn:

– Bỏ ra, bỏ ra. Tao phải đánh vỡ cái mặt hỗn xược của nó.

Thạch gạt được Đồng ngã xuống thì Cảnh đã đi khuất. Ba người quay trở lại thư viện không ai nói một lời nào. Về đến thư viện Thạch chia tay bạn. An lấy xe Velo-Solex đèo Đồng phía sau lên hồ Tây. Hai Hai người ghé vào một quán nước ven hồ Trúc Bạch. Gió thật rộng và có lạnh. An nói với Đồng:

– Cậu có thấy chúng mình mất tuổi thanh niên hay không? Đáng lẽ những việc ấy phải để dành cho người lớn tuổi, mình chỉ lo học hành và hưởng lấy thú vui của tuổi trẻ, trái lại

mình già cỗi. Không có bụng dạ để học, bị xâm chiếm âu lo về những vấn đề vượt ngoài tầm sức mình, sống chật hẹp trong những thành kiến của thời đại. Ai bảo tuổi trẻ hoa mộng là sai với bọn mình. Tuổi trẻ không có mặt trời không có biển không có không gian với những lo nghĩ khoắc khoải đến vô lý. Đáng lẽ gặp nhau phải nói chuyện yêu đương mới phải, nhưng lại chẳng có nổi một mối tình cứ cho là viễn vông đi để mà kể nữa. C'est triste (thật đáng buồn).

Đồng mỉm cười không nói. An lại tiếp lời:

– Lúc này tôi định bàn với các cậu là chúng mình có thể chung nhau ra một tờ tuần báo. Mỗi thằng chịu khó dạy học kiếm tiền mỗi tháng trích một ít là đủ. Thằng Cảnh sẽ viết lý luận và phê bình, thằng Thạch có thể viết tiểu thuyết được, tôi làm thơ và cậu vẽ, như thế đủ bộ.

– Mỗi thằng một ý làm thế nào đứng chung nhau. Cậu xem mới chỉ nói chơi chúng nó còn choảng nhau, nếu làm việc chúng nó dám giết nhau lắm.

– Tôi cũng đã nghĩ đến điều ấy ngay từ đầu. Nhưng tôi vẫn chủ trương phải tự do.

Đồng gật đầu tỏ ý tán thành. Nghĩ ngợi một lát, An lại nói:

– Tìm cho mình một bản ngã độc đáo là tự nhất mình trong một nhà tù kiên cố nhất, không thể liên lạc với kẻ khác bằng cách nào khác hơn là sự khinh ghét thù hằn. Tôi biết thằng Cảnh khinh bọn mình, coi là thứ học trò sáo mép kiêu ngạo. Thằng Thạch đánh thằng Cảnh và thằng Cảnh đã dám coi thường cái bản ngã độc đáo của nó. Tôi nhớ tôi có ngỏ ý định muốn viết văn với thằng Thạch, nó mỉm cười bảo tôi là tôi sẽ chẳng làm nên chuyện gì khi tôi còn ngồi trong cái biệt thự của tôi, nó cũng khinh tôi. Tôi chỉ có mỗi sự thành thật và nhu nhược,

cái thế của tôi là tôi không khinh được thằng Cảnh thằng Thạch nên tôi khinh tôi.

Đồng chỉ lẳng lặng ngồi nghe để cho An nói. An còn nói nhiều nữa. An nói về trường hợp của Gide. An đọc thơ Apollinaire:

Ouvrez moi celle porte du je frappe en pleurant...

Bài thơ hỏi người nhìn giải máy thấp xuống với chiếc tàu mồ côi về phía những con sóng sắp tới và người có còn nhớ những niềm luyến tiếc ấy những nỗi ân hận ấy... Một đêm là biển cả... Tôi còn nhớ tôi còn nhớ lắm.. Một buổi chiều đi xuống một quán rượu buồn gần vườn Lu xembourg, cuối phòng bay lên một đấng Christ. Một người có một con chồn, một người khác một con dim, người ta đánh bài và người đã quên tôi rồi... nhớ không nhà ga như viện mồ côi, thành phố quay cuồng nôn ra những đêm tối, mặt trời, những ngày... Hai người thủy thủ không bao giờ rời nhau. Hai người thủy

thủ không bao giờ nói với nhau. Người trẻ nhất ngã chết... Rồi Đồng bất tỉnh trong đầu không còn hiểu ý nghĩa gì nữa dù An vẫn say sưa đọc. Đồng thấy lạnh cùng mình.

Ouvrez moi cette porte du je frappe en pleurant.

La vie est variable aussi bien que l'Europe....

Sau đó Đồng cử động trong trạng thái bấp bênh. An đèo Đồng về đến Thụy Khê, thả Đồng xuống đầu ngõ. Đồng bước những bước không vững. Vào được đến giường nằm, Đồng ngã xuống cơn sốt mê man.

(Trích chương thứ I)

THANH TÂM TUYỀN

NHÂN NÓI VỀ MỘT DANH TỪ RIÊNG

Anh cố mở to hoài đôi mắt ướt (người ta vẫn sống dù thế nào) đi suốt dãy hành lang bệnh viện tháng ngày trống trơn như lòng núi lửa. Anh thường tự cật vấn có phải bởi anh là quang cảnh bãi cát biển khơi mùa rét muối, có phải bởi anh là cánh chim lẻ bầy bị nhiễm hoàng hôn sao cuộc đời lại như triều nước con kinh, sao cuộc đời lại như ngày không hạt cơm nào? Chậm.

Anh biết ngổ thế nào đây cho em hiểu được rằng thế kỷ khốn khó này còn dọa nạt chúng ta bằng chiếc gậy kẻ ăn xin. Hoặc, cơn giông đầy cổ họng, anh đứng gác trên một đỉnh cao kiêu

hãnh và báo to lên những gì xuất hiện đằng xa,
Hoặc anh xới vỡ mái tóc hoang em mà hít căng
lồng phổi mùi hương quên lãng ngất ngây, mặc
tuổi trẻ cùng những nỗi đau buồn.

Chẳng qua cuộc đời lờm chớm khiến tâm
hồn anh tả tơi, bê bết máu me như là chiến kỳ
mà ở đấy bằng tiếng nỉ non và tiếng thất thanh.
Rồi đêm hồn mang sà xuống, những chiếc cánh
âm u của một bấy cú mèo trùm kín bưng con
môi thối rửa là số phận anh.

Nhưng người ta sống được nhờ đợi chờ dù
biết chắc rằng lịch sử xuôi dòng vĩnh cửu mà
lòng người như lòng sông, mãi mãi vẫn trơ trơ.
Anh kiên nhẫn, Lan ơi! Liệu chúng ta còn đủ
thời giờ cho một cái hôn và sự nghỉ ngơi?

TÔ THÙY YÊN

CÂU HỎI

Tôi làm chi trên đời

hay xuôi cùng năm tháng

Tôi làm chi cho đời

hay một bài thơ xuôi

Tôi còn chi trên đời

hay tiếng cười nức nở

Tôi còn chi cho đời

hay khúc hát thiên thu

THU

Dừa xanh trời ngó biếc

Mây bay lòng sông dài

Bờ xa thuyền lẳng đợi

Về đây mùa thu ơi

Ta nằm trên rừng cỏ

Nhớ mùi thơm núi ngàn

Nhớ dòng dòng ruộng cũ

Vời vợi tình thu sang

Bước ai xanh lối nhỏ

Tiếng ai cười như trăng

Phải em về đấy chứ

Ngạt ngào hương di lẳng

Ô mùa thu mùa thu

Nhớ nhung đây Hà Nội

Ta hôn đây lên môi

Dịu em vào mở hội

Mùa thu mùa thu ơi

DUY THANH

BÂY GIỜ

*Bây giờ mùa Xuân là mùa thanh bình.
Người làm vườn để vườn lại về quê hương. Người
về qua những con đường thành phố làng mạc
ruộng đồng.*

*Người nói rằng: tôi nhớ buổi mai còn ngàn
vạn con mắt đỏ hoe cúi xuống phảng phất u
buồn của cỏ cây chim muông trái quả.*

*Người về đi trong buổi mai gió sớm thổi
đượm buồn. Có phải người cúi đầu nhớ lại ngày
nào khi người mới đến đất trời cùng nhau than
khóc vì những nhát búa, những mũi giày quân
thù táp lên.*

*Nhưng nụ cười nào đã nở trên đôi môi trữu
nặng mưa lây gió thấm. Con cháu là những
người ở lại gìn giữ mảnh vườn vừa tưới bón
đang sửa soạn những mùa sau quả tròn củ bằm.*

Có phải người hình dung một ngày nào xa

thành phố ruộng đồng đã là sân khấu trên đó nhân vật chính đang cố đóng trọn những vai tuồng. Và đây đường máu chảy xương phơi thây nằm thảm khốc!

Có phải người nghĩ rằng đó là cơn ác mộng đã qua. Người về trên con đường mùa xuân qua ngàn thung lũng muốt xanh cùng núi rừng chim muông mãnh thú ngủ hiền từ như bằng hữu như chiêm lành.

Có phải đến lúc rẽ khỏi một khúc quanh xa tắp, người ngoảnh lại để nhìn con cháu giờ tay vẫy và mắt thoáng buồn. Lệ là những viên ngọc người vừa thấy sáng long lanh trong gió mai.

Bây giờ mùa đông với những cành khô trần trụi rét muốt không còn. Chúng tôi ra vườn cảm mùa xuân ngủ trên những cành hoa mới, những môi tươi, những mắt cười, những vòng tay, những chút hôn.

Em có nhớ gì không buổi nay? Nhớ người thi sĩ đã một lần bỏ đi, đã một lần đến đây.

BUỔI SÁNG

*Buổi sáng anh trở dậy ra lan can nhìn xuống
đường*

Anh nhìn cuộc đời ở dưới ấy

Không khí trong lành đất trời cỏ cây chim chóc

Và tiếng nói của người vào châu thành

Tâm hồn anh đã ngủ giữa đám ồn ào

Con ngựa khỏe lành gõ móng nhịp đều buổi mai

Người thợ rảo chân trong gió sớm

Mỗi ngã tư như hội học trò

Chao! Tương lai như gần gũi

*Buổi sáng anh trở dậy ra lan can nhìn xuống
đường*

Để quên mình úp mặt khóc đêm qua.

MAI TRUNG TĨNH

SÁNG THỂ KỶ

Người hiện tới bên ta,

Hỡi ngàn xưa kỳ dị!

Người hiện tới bên ta,

Ồi hình hài ma quỷ!

Cặp mắt vọ cuồng mi viễn bóng tối,

Má trứng sâu: đôi huyết thảm đương khơi,

Tay run run hàng móng nhọn vườn dài,

Che ánh nển bập bùng đôi cánh rộng!

Ta chỗi dậy tư bề vang gió rống.

Đất hỗn mang quân quai dưới chân đi.

Nước chưa khơi từng mảng sệt đen chì,

Và ánh sáng mung lung màu bạc cũ.

Núi sơ dựng lăm lì nghe bóng đổ.

Hồn linh thiêng chưa thuộc nẻo đi về.

Dẫm hành tinh bùng lửa chiếu vô vi

Đương ướm thử cuộc hành trình vũ trụ.

Ta mất hút giữa một vùng núi lở,

Vì sao rơi nằm ghếch mái xiêu xiêu

Đoàn man di đầu tựa về hùm beo,

Mơ..., bọt mép xùi loang từng vũng đọng!

Ta bắt gặp những con rồng đất lớn,

Mắt lim dim nằm chặn lối đi vào:

Chân bước qua, lòng gót đọng hang sâu:

Đôi chim phượng nhìn ta trong bóng tối!

Trời! Đây đó những hình hài cổ quái!

Mắt đàn dơi thao láo, cánh mênh mang.

Chân mất đường ra, ngun ngút kinh hoàng,

Ta tỉnh giấc

Khắp thân thể mọc dài nanh vuốt sắc!

NGUYỄN DUY DIỄM

HÀNH TRÌNH NGÀY MAI

Rồi một chiều nào tôi sẽ bỏ lại kinh thành

*Những đáy mắt màu trời, những mái tóc như
hàng thùy dương xanh*

Đi thật xa không mang theo hành lý

*Chắc em muốn hỏi đi đâu? — Tôi không trả lời,
vì không cần biết nữa*

*Lấy vé “lữ hành” để thấy những chân trời đang
mở*

*Có thể là về đại dương, hay lên miền rừng thiêng
đất đỏ*

*Cũng có thể là ngồi trong tùy tinh bay xa trái đất
hình tròn bé nhỏ*

*Xin em đừng tiễn tôi, vì không muốn nhìn em
nức nở*

Vì không muốn nghe những lời than thở

Câu chuyện buồn muôn thuở: lúa đôi

Con tàu đêm ấy sẽ chở thêm một người

*Từ khởi điểm, băng đôi vượt núi đi về muôn
phương*

Không ngừng lại ở ga nào

Dù ga ấy có thấp đèn chờ đợi

Cũng không hỏi xem đường dài bao nhiêu dặm

*Đầu tàu và tất cả những toa (hay tùy-tính) đều
sơn màu trắng*

Như mũi tên lao vào hư không

Cho thỏa lòng trai yêu thích cái vô cùng

Nếu run sợ, em đừng bước qua ô chẵn

Từ bỏ ra đi không có nghĩa là trốn tránh

Cuộc đời tẻ lạnh giữa chốn phồn hoa

*Đôi mi dài đen, những vòng cung cong, những
nét kỷ hà*

Những vực thẳm nằm bên bờ thành phố

*— Hỡi người trưởng đoàn, hút hết điếu thuốc
này, xin ông giở sổ*

Để tôi ghi tên vào cuộc hành trình Ngày Mai

Và nhớ xếp cho tôi ngồi bên một khung cửa ngõ

TUẤN HUY

CON ĐƯỜNG

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG

TUẤN thở dài khoan khoái, buông một tay lái, cho chiếc xe đi chậm lại. Con đường – con đường của Tuấn – bắt đầu. Vẫn chỉ là con đường ấy, con đường rời đô thị về ngoại châu thành quen thuộc. Đã xê dịch trên con đường đó từ ba năm nay, trung bình mỗi ngày bốn lần để đi từ nhà đến sở hay ngược lại, Tuấn nhớ từng căn nhà, từng vỉa hè, từng chỗ quanh co bất thường, từng nhân vật, từng quang cảnh.

Tuấn tìm ra một thú vui ngộ nghĩnh là đánh đố với mình về từng sự việc sẽ xảy ra trên

con đường: này đây sắp gặp một vũng lội khó tránh hay một đám phân ngựa hôi hám; đây một anh hàng phở sắp từ một ngõ hẻm ra với gánh hàng um khói và tiếng rao hàng đồng dục ngân vang. Tuấn nghĩ đến những gánh phở rong nơi thành phố quê hương, một buổi sáng mùa đông. Khói còn um hơn nhiều, mà cả vòm cây, ngọt ngào một góc phố. Và những bát phở thì ngon làm sao, ăn trong mưa phùn, gió bắc và nước mắt nước mũi dàn dụa.

Thú vui đoán biết quang cảnh dọc đường đó, Tuấn thường chia sẻ với chiếc xe đạp cũ của chàng, như với một người thân. Không phải là Tuấn không có phương tiện mua một thứ xe khác. Tuấn thích đi xe đạp để được suy ngẫm theo thói quen và ngắm cảnh một cách dễ dàng hơn. Chàng có thể ra đi và trở về mỗi lúc muốn. Cho nên thấy Tuấn đâu, người ta thấy chiếc xe đạp của chàng đó. Chiếc xe đạp dần dần trở nên một thành phần bất khả ly khai trong cuộc sống bình thường, tế nhị của người thanh niên tư chức ấy.

Thực ra, Tuấn cũng không chắc chàng có còn là thanh niên không và phải nên tự xếp mình vào thành phần nào của xã hội. Tuấn đã vượt ba mươi tuổi rồi. Công chức tất nhiên không phải, còn tư chức thì cũng không đúng hẳn. Tuấn làm cho một cơ quan công của ngoại quốc. Trong cơ quan công ngoại đó, quy chế làm việc của mọi người cũng chẳng có gì là bảo đảm. Tuấn có thể thôi việc bất kỳ lúc nào, cũng như người ta có thể cho chàng thôi việc bất kỳ lúc nào. Riêng Tuấn, chàng thấy âu đó cũng là một điều tiện lợi cho cả đôi bên vậy. Hơn nữa nhiệm vụ của Tuấn trong cơ quan không phải là công việc cạo giấy như ai. Chàng làm việc trong một ban có nhiều tự do và sáng kiến hơn, phụ trách một công tác đỡ máy móc hơn: hội họa. Nói là hội họa cho thêm sang, song thực ra. Tuấn chỉ phải vẽ những bức hình nhỏ có màu sắc lòe loẹt trang trí cho những cuốn sách, những tờ báo, những tờ quảng cáo. Tuấn không ngờ rằng những năm đi du học ngoại quốc về môn nghệ thuật yêu dấu của chàng lại chỉ đưa chàng tới cái công việc đó!

Thường thường Tuấn nghĩ rằng chỉ có một tiêu chuẩn để đo biết một người có phải là công hay tư chức không, đó là tính cách đều đặn của cuộc đời người đó. Cuộc sống của Tuấn kể ra cũng đều đặn, mặc dầu chàng có quyền không đều đặn miễn là chàng sẽ không ăn lương về những chỗ không đều đặn ấy. Lại nữa sự đều đặn của cuộc đời, Tuấn muốn tính nó vào cuộc sống nội tâm hơn là vào cuộc sống bề ngoài. Cuộc sống bề ngoài của Tuấn có thể là đều đặn, nhưng còn cuộc sống nội tâm của chàng? Về nếp sống này, đôi lúc Tuấn bắt chợt thấy mình lo ngại về chỗ bắt đầu rơi vào một cái khuôn cố định của nó. Cho nên Tuấn vẫn sợ khung cảnh một gia đình, mặc dầu bao năm sống xa gia đình chàng vẫn thèm khát cái không khí gia đình. Hình ảnh một người vợ, một đàn con vừa làm chàng mũi lòng vừa làm chàng sợ hãi.

Bằng ấy điều dồn lại làm cho Tuấn có cái cảm tưởng rằng chàng chỉ là một thằng vô công rồi nghề hơn ai hết.

* * *

Chiếc xe đạp vấp phải một viên đá giữa đường, nhảy chồm lên rồi lao xuống một vũng nước. Bùn bắn lên tung toé. Vài người đi đường tránh vội, càu nhàu nói gì Tuấn không nghe rõ. Chính một ống quần của Tuấn cũng bị dơ đến nửa đùi. Bọn trẻ con chung quanh reo hò thích thú. Dường như chúng nhận ra người khách quen thuộc đi lại trên con đường. Tuấn chia sẻ với chúng một nụ cười gương gạo rồi nhấn mạnh chân trên bàn đạp.

Một bức mình thứ nhất trên con đường của Tuấn. Một khó chịu nhỏ của buổi chiều so sánh với những khó chịu đã từng đầy rẫy trong cuộc sống gần đây của chàng. Cũng may mà mười năm chinh chiến đau thương đã làm Tuấn dạn dày, quen với bao ngang trái của cuộc đời. Tuấn khám phá ra một lối nguôi quên hận sâu của sự vật là nhìn hẳn sự vật đó dưới một góc cạnh khác biệt, càng hiền triết càng hay. Và Tuấn thấy vui vui gọi lại những mẫu đời ngộ

ngõnh nơi chàng làm việc.

– Xin các ông cứ để nguyên cái cuốn tự điển ấy ở cái bàn công cộng đồng này cho. Mỗi khi cần tra cứu chữ gì xin thân hành lại đây mà dùng sách thì công việc được mau chóng và hợp lý hơn, khỏi mất công chuyển sách từ bàn này qua bàn khác vừa mệt người vừa mất thì giờ – Người đồng nghiệp kể lại câu chuyện cho Tuấn nghe đi hết sức so sánh hai lẽ lối động tác đó với nhau, vẫn tuyệt nhiên chẳng thấy lẽ lối động tác nào có lợi hơn lẽ lối động tác nào. Tuấn nghĩ đến nghề vẽ của chàng: “Nếu người ta cũng muốn hợp lý hóa những động tác của ta thì không biết kết quả sẽ đi tới đâu? Chưa chắc đã dở nhé, miễn là khi vẽ mình đừng ngộ nhận rằng mình họa!” Rồi Tuấn vui đùa giải thích tào lao cho người bạn:

– Để ở đằng bàn công cộng lợi chứ. Anh chưa có ý thức toán học và đầu óc tổ chức công việc đó. Này nhé, đến cái bàn công cộng tra sách anh sẽ tránh được cái nạn « hân hạnh »

phải truyện trò với đồng nghiệp khác mất thì giờ. Hơn nữa chuyển dịch nhiều để đi tra cứu như thế anh sẽ sinh ra ngại, ngại tất anh phải cố gắng cải thiện trí nhớ và thế là bó buộc anh phải giỏi sinh ngữ.

Hai người cười vang. Anh bạn tiếp:

– Ấy nói thế chứ cái nghề đời hễ có một đạo luật được ban bố là thế nào cũng có người tìm được một lối chạy vòng quanh đạo luật đó; hễ có vỏ quýt dầy ắt có móng tay nhọn. Tôi lấy một thí dụ. Anh giao cho tôi một công việc dịch văn, chẳng hạn bảo trả tiền tôi tính theo giờ, tôi sẽ có cách tính giờ, nhược bằng bảo tính theo trang thì tôi lại có cách tính theo trang, chẳng khi nào tôi chịu thiệt nhiều để cho anh lợi lắm. Đã lập tâm thì thế nào mà chẳng có cách.

Cho nên đã lâu nay Tuấn không quá bức bối, mặc dầu có ngạc nhiên, trước những sự lên xuống quắt quay mà Tuấn cố cho là bình thường của cuộc đời.

Tuấn nhớ một buổi tối kia đi dự bữa tiệc tiễn hồi một chị bạn thôi việc. Đây là bữa tiệc chính thức do sở Tuấn tổ chức và đài thọ phí tổn, nghĩa là một bữa có Đông Tây gặp gỡ nhau. Ban đầu Tuấn hơi tò mò chờ đợi nội dung bữa ăn, sau chàng cũng thấy thân nhiên khi ngồi vào bàn, đọc cái thực đơn: « Khoai xào kem – Ngô xào đậu – Cơm sốt cà chua – Dưa chuột xào xà lách - Phô mát hộp » Bên cạnh Tuấn, người ta thì thảo bàn tán với nhau: « Ăn như thế để giữ ligne mà lỵ! — Nhưng còn tôi? — Còn anh ư, để cho nó khỏi đau dạ dày”.

Cũng nhân bữa tiệc đó, quả tình Tuấn có hơi ngạc nhiên về một truyện khác. Dừng ở một góc phố dưới đèn, trước khi chia tay nhau, chị bạn thôi việc giơ ra cho Tuấn và một người đồng nghiệp khác xem một lọ nước hoa nho nhỏ, xinh xinh. Tuấn đưa ra ánh đèn đọc cái nhãn hiệu của lọ nước hoa mà không dám tin nữa ở cái “lực lượng sinh ngữ” của chàng. Số là cái nhãn hiệu đó mang những dòng chữ lai căng như sau: Opening Night – Lucien Lelong

– New York – Paris – Distributeurs..... Chị bạn vẫn không thôi nói đùa:

– Đây là sự đánh dấu công lao, thừa các bạn, không phải của nửa thế kỷ tôi đòi, mà là của nửa chục năm phục vụ liên tiếp trong cơ quan. Lễ học nhưng lòng thành. Của người ăn lấy thơm lấy tho, chứ có đâu lấy no lấy béo. Cho nên phu quân tôi chí lý vậy thay khi người bảo tôi quay về đi học cái nghề cao đản hoàn tán Tây sau này may ra mở được cửa hiệu dung thân có lẽ lại hay hơn.

Người bạn của Tuấn phá ra cười:

– Ấy của chị thế mà còn thơm tho thực sự, chẳng bù với anh chàng Hạnh đạo nào lúc ra đi chỉ còn một đôi vớ!

Tuấn xuýt bật ra tiếng cười lần nữa. Nhưng rồi Tuấn lại thấy rằng nếu như nếp sống đó có điều dở ngớ, bất tiện cho ai thì trái lại cũng có những điều lợi ích thực tiễn khác. Tuấn vẫn

ghét lối sống quá nặng về đường tình cảm. Tuấn thay đổi nghề luôn. Và nhất là có một điều ai cũng phải nhận rõ giá trị thực tế: người ta lĩnh lương 2 tuần lễ một lần, tính ra một năm có 52 tuần lễ vì chỉ là đi 13 chứ không phải 12 tháng như những nơi khác.

– Mỗi nơi có một phong tục tập quán, một lễ lối sống. Chẳng hơi đâu mà so bì mệ xác.

Một người nào đó, một hôm nào đó, kết luận như vậy. Duy Tuấn vẫn chưa dám tin chắc rằng thái độ nhìn nhận sự vật như thế đã là một thái độ hiện triết hay còn là một thái độ thụ động, cầu an như có người trách cứ. Tuấn chỉ biết rằng, vượt một giới hạn nào đó, Tuấn có những phản ứng cực kỳ mạnh mẽ mà sau đó có thể chàng cũng không ưa.

* * *

Những vòng bánh xe đẹp dần cuối cùng. Tuấn đã bỏ xa khu phố chợ ở sau lưng. Con

đường trở nên quang đãng, bình lặng. Thành đường thì cao như một con đê cũ và hàng cây bên đường đâm tua lên nền trời xanh ngắt.

Trong khoảng rộng. Tuấn lấy lại được trầm bằng cho đầu óc. Mọi sự chỉ còn rút về một sự ngộ nghĩnh tới phi lý. Tuy nhiên Tuấn vẫn không giận mình khi bất chợt thấy sống trở lại những giờ phút ngộ nghĩnh của mấy năm qua. Nhìn con đường hiền lành trước mặt, Tuấn vui đùa trách: “Chỉ tại cái khu phố chợ!” Vì Tuấn từng nhận ra rằng cũng vẫn chỉ là con đường ấy, – con đường về ngoại châu thành của Tuấn – thế mà mỗi lúc, mỗi khúc lại có một hình thái khác nhau không khỏi kích động tâm tử chàng: nào những đoạn chật chội, đông đúc làm cho Tuấn thấy thiếu cái cảm tưởng mong muốn giải thoát khỏi đô thị, nào những đoạn an bình đến ru ngủ chàng trên chiếc xe; nào những lúc bình minh rộn ràng con đường vui như một chuyến xe khởi hành, nào những buổi nắng chói chang. Tuấn tưởng mình đang trèo non lặn suối. Tuấn ví con đường quay quắt như

những cánh tim của một người đàn bà. Nhưng rồi Tuấn cũng thấy tại mình một phần vì chính cuộc sống nội tâm của Tuấn cũng làm cho chàng nhìn thấy con đường dưới những trạng thái khác nhau: một khó chịu không đâu của Tuấn làm cho con đường lạnh lẽo; một thỏa mãn tâm tư vô nghĩa cũng đủ làm Tuấn yêu con đường; những chờ mong say đắm làm cho con đường trở nên thơ mộng thiết tha.

Tuấn nhìn lên. Bây giờ mặt trời đã xuống sau những làn mây hỗn độn ở chân trời. Ánh sáng dịu đi. Chiều dửng dưng tràn đầy cảnh vật. Một phút bàng hoàng, dưới mắt Tuấn ngoại châu thành có một sắc điệu

chêngh vênh như một bức tranh cổ. Âm ba dường như tắt ngấm. Đường nét và màu sắc sống vô cùng. Tuấn tưởng chừng lạc vào nơi hoang lạ. Và Tuấn nhận ra rằng dưới những điều kiện nào đó giác quan của con người có thể biến đổi được vũ trụ. Tuấn ước mong thêm một mảng nắng trên vòm cây cao. Con đường

sẽ tuyệt biết mấy nếu giẽ lui về phía tay trái, nhằm thẳng hướng mặt trời mà tiến. Không. Tuấn không thấy cần phải sửa đổi một đường nét hay màu sắc nào trong mấy ngọn đồi xa xa về phía tay mặt. Ngọn đồi thì thấp. Nét đồi hiền lành. Sườn đồi lờm chờm những lùm cây như một mái tóc hớt ngắn, và màu xanh tối mờ khi biển ở nơi đó là một sự nhịp nhàng với toàn thể lắm vậy.

Đã lâu lắm, Tuấn mới lại nhìn con đường dưới một bộ dạng khác lạ, tách rời khỏi những gấn bó hằng ngày của chàng. Tuấn thấy mình sống trong một niềm hạnh phúc chan hòa. Niềm sáng khoái của một nhà hội họa ngắm thiên nhiên đó chuyển thành niềm thương yêu vô hạn. Niềm thương yêu chuyển thành niềm thương nhớ mênh mông. Khởi đầu đối tượng còn hỗn độn: quê hương, những năm thơ ấu, những ngày say mê hội họa, những năm du học, những mối tình, những người đàn bà gặp gỡ... Nhất là những phút say mê hội họa. Tuấn tưởng chừng lẽ sống duy nhất của chàng ở đó.

Những ước mong, tủi hờn, bao nhiêu vinh nhục của một đam mê. Để rồi đam mê đó cũng lạt phai lần lần. Và sau rốt, trong đám hình ảnh hỗn độn quay cuồng đó, một hình ảnh sáng nhất, thơm nhất, hiện lên mỗi lúc một thấm thía.

Ngày ấy cách đây vừa đúng một năm. Tuấn không nhớ rõ một thỏa mãn hay xúc động nào đã làm cho Tuấn mơ mộng ngay chính trong việc làm, giữa căn phòng riêng của chàng ở sở. Tuấn vừa hoàn thành mấy bức hình vẽ cho một tờ báo định kỳ. Sẵn vật liệu hội họa, Tuấn ra ngồi trước giá vẽ, trên một cái ghế lùn tịt. Buổi chiều, ánh nắng lạt màu lợt qua cửa kính vào trong căn phòng lạnh. Tuấn thấy rộn rã trong lòng những ước muốn lạ kỳ. Và Tuấn đã quệt lia quệt lia từng tảng sơn dầu loạn sắc lên trên tấm vải căng. Tuấn như giận đối với mình và giận đối lây cả ngọn bút, hộp sơn. Tuấn hành động như trong một cơn điên. Chàng cũng chẳng hiểu mình vẽ gì và định vẽ gì nữa. Khi khung vải đã đầy gần hết những đường nét và

màu sắc quái đản, Tuấn bỗng ngừng tay suy nghĩ.

Tuấn ngồi nhìn cái công trình chớp loáng của mình không biết đã bao lâu. Có lúc những tảng màu như chết, có lúc những khối hình như chuyển động. Tới một lúc kia Tuấn có cái cảm giác rằng một con mắt thứ hai nào đó cũng đang nhìn bức họa cùng với chàng. Bức tranh bảo thế. Rồi Tuấn cảm thấy sự hiện diện của một người trong phòng, ngay sau lưng chàng. Người đó đang nhìn bức họa qua tróc vai Tuấn, không, qua hẳn đầu chàng. Tuấn tưởng chừng đầu mình trong suốt như thủy tinh. Có một khí ấm của hơi người lan từng đợt nhẹ trong không khí, rồi mùi nước hoa ngát nhẹ mà Tuấn chưa ngửi thấy bao giờ. Tuấn vẫn không quay đầu lại trước khi một tràng âm thanh buông ra:

– Ô kỳ diệu! Kỳ diệu!

Tuấn đã ý thức rõ rằng đó không phải chỉ là một tràng âm thanh mà là một tiếng người,

hơn nữa là một tiếng người phát biểu cảm nghĩ. Tuấn xoay mình từ từ trên chiếc ghế thấp. Chàng không tin ở con mắt mình nữa: một cô gái tóc vàng đứng trước mặt Tuấn, hai chân bắt chéo, một tay khoanh trước ngực, một bàn tay đỡ lấy cái cằm, con mắt không thôi nhìn bức họa. Người nàng mảnh mai nhỏ bé không như những người đàn bà ngoại quốc khác mà Tuấn thường gặp. Toàn thân hình nàng thoát ra một cái gì huyền diệu khó tả. Một phút, Tuấn tưởng chừng thấy một sự xuất hiện nhiệm màu. Mái tóc vàng xỏa ra phủ kín một phần mặt người con gái vẫn để lộ ra đôi con mắt sâu thăm thẳm.

– Ô kỳ diệu! Tuấn cũng kêu lên thế.

* * *

– Joyce có thể đi chơi với tôi được không?

– Tại sao không?

Tiếng lá xì xào trên đầu Tuấn. Con đường

cười dưới vành bánh xe đạp ...

Hình như hôm đi chơi đầu tiên đó, Tuấn có lẫn tã trong bộ áo “lin” trắng còn gấp nếp lục tù đáy hòm ra. Joyce cũng ngượng ngáp trong chiếc váy xòe vàng, đôi giày cao gót đỏ, chiếc sơ mi trắng viền đàng-ten để lộ hai cánh tay thon trắng mịn. Nàng không còn ảo huyền như hôm xưa nữa. Tuấn nghĩ thầm: “Người con gái Tây phương đầu tiên biết e lệ mà ta gặp”.

Hai người đi song song bên nhau không nói năng. Những hè phố, những rặng cây, những ánh đèn nối đuôi nhau qua đi. Tuấn có cảm tưởng sống lại những ngày Âu châu của chàng. Nhưng có một điều gì làm cho Tuấn kêu hãnh hơn thế: Tuấn bắt gặp một cái gì Đông phương nơi người con gái Tây phương đi bên chàng.

Và lúc ở tiệm khiêu vũ ra, trước khi chia tay nhau, Joyce nói với Tuấn một lời đầy săn sóc:

– Tại sao anh không tiếp tục vẽ?

Buổi hội ngộ đầu tiên chấm dứt trong một mối cảm thông lặng lẽ. Hai người vẫn chưa biết thêm về nhau một điều gì, và vẫn chưa nói với nhau quá ba lời nói.

Tuấn cho xe dừng lại bên đường, lấy thuốc lá ra châm hút trước gió. Trong giấc mộng ban đầu sống lại, Tuấn không muốn vội trở về nhà. Chàng chọn một đám cỏ, ngồi tựa một gốc cây, nhìn ánh mặt trời sắp tắt.

Thế là Tuấn nhớ ra rồi. Cái ảnh tượng chênh vênh của ngoại châu thành hiện dưới mắt Tuấn khi nãy, và đang trải ra chung quanh Tuấn bây giờ chính là ảnh tượng quê hương của Joyce mà đã bao lần trong lúc xa nhà, nàng thường phúc tả cho Tuấn nghe. Tuấn nhớ lại những cuộc gặp gỡ sau. Tuấn được biết Joyce có nguồn gốc nông thôn. Joyce ước mong một ngày kia được cơ hội đưa Tuấn về thăm tận mắt nơi nàng sinh trưởng. Theo nàng tả thì

quê nàng có những nội cỏ mượt bao la, những ngọn đồi thấp lổm chổm cây, một cái thung lũng quanh co, những hàng cây cao thẳng, con đường ẩn hiện trong cánh đồng. Tuấn kể cho Joyce nghe về những người dân quê của xứ sở với cảnh sống lam lũ, tính tính chất phác, đức nhẫn nại hy sinh của họ. Hai người phải cùng kết luận với nhau rằng: « Đâu đâu cũng dân chúng ấy. Ước gì gặp gỡ nhau! »

Những ngày tiếp sau sao mà êm đềm! Joyce đòi cho được đến thăm Tuấn tại nhà. Tuấn say mê vẽ tặng nàng một bức chân dung. Joyce làm những vần thơ rõ đẹp gửi Tuấn. Nhưng rồi mỗi tình – nếu có thể nói được một mối tình, — giữa hai người cũng chỉ dừng lại ở độ ước mong mà thôi. Một dạo lâu, hai người không cùng ra ngoài với nhau nữa. Những khi gặp nhau ở sở, hai người chỉ thuận tình nhìn nhau im lặng. Có những nét buồn thoáng trong mắt Joyce, và Tuấn cũng trở lại cô độc như cũ. Đôi lúc hai người còn tránh mặt nhau.

Tuấn đã đứng dậy. Tia nắng cuối cùng làm chói mắt chàng. Tuấn buồn bã dắt chiếc xe đạp đi theo bờ cỏ trên con đường về nhà. Tuấn ngại ngần không muốn lên xe. Cũng như Tuấn và Joyce ngại ngần trong cuộc giao du với nhau. Hai người đều có ý đợi chờ nhau, và rồi chẳng bên nào có cái can đảm đặt thành vấn đề thẳng với nhau. Cho nên cả sự ngổ ý thông thường giữa Tuấn và Joyce cũng không có nữa. Bởi vì vấn đề đã được đặt ra trọn vẹn với những nỗi khó khăn phiền toái của nó ở trong lòng mỗi người.

– Sự tiếp xúc giữa hai dân tộc phải được tác thành do sự trung gian của hai chính phủ.

Một anh bạn đồng nghiệp hôm nào lớn tiếng đọc câu văn có vẻ nguyên tắc trên không biết lấy ở đâu hay bịa ra, rồi nhìn Tuấn mỉm cười. Tuấn nửa đùa nửa nghiêm cũng cao giọng:

– Nhưng sự tìm đến với nhau của hai lòng

người thì không có một thế lực nào ngăn cản nổi...

Những tiếng cuối câu, Tuấn nói với một giọng thực cảm run run.

Là vì chẳng đợi anh bạn phải nêu thành nguyên tắc, Tuấn cũng đã thừa biết những sự thật đau lòng mà cảnh ngộ dành cho Tuấn. Tuấn bỗng thêm thương cái hạnh phúc của một người đồng hương trước kia cũng cảnh ngộ như Tuấn. Người con gái anh ta gặp can đảm xiết bao! Và họ đã thành đôi vợ chồng vui vẻ cùng nhau chịu đựng mọi đắng cay đau nhọc của số mệnh. Khi ấy Tuấn thấy giận Joyce vô cùng. Để rồi sau đó Tuấn lại thấy mình vô lý. Tại sao Tuấn lại bắt nàng phải khỏi sự khi mà chính chàng cũng ngại ngần trong tình yêu? Tuấn sinh ra giận đối chính mình. Một ý nghĩ làm Tuấn giật mình. Tuấn muốn tin rằng sự ngại ngần của mình là một ngại ngần bên trong như hằng có, hơn là một ngại ngần do ngoài. Tuấn đổ tại cái thói quen sống cô độc

lâu ngày của mình. Và Tuấn thấy mình già đi ghê gớm. Tuấn chán nản trong mọi công việc kể cả hội họa, sau cái tác phẩm duy nhất tặng Joyce.

Sau cùng Tuấn tự an ủi: “Mỗi tình đẹp quá để đi xa hơn! Tại sao theo đuổi một giấc mộng tầm thường như muôn ngàn giấc mộng tầm thường khác? Há phải nói với nhau là yêu nhau mới là yêu nhau?”

Lời an ủi đó trở thành một quyết định. Tuấn cũng đồ chùng một quyết định tương tự ở Joyce qua cái nhìn nhẵn nại và xa xôi của nàng. Từ đó hình ảnh Joyce lại hiện ra trong Tuấn qua một chiều hướng mới. Và hai người lại gặp gỡ nhau như trước, như thể không có chuyện gì xảy ra. Mà thực sự nào đã có chuyện gì xảy ra?

* * *

Chiều đã tắt chung quanh Tuấn. Màu hồng

đã chuyển sang màu tím xẫm. Cây cối bên đường in hình những tầng đen nặng suy tư. Những vì sao đầu tiên xuất hiện trên nền trời xám nhạt. Ngoại châu thành rất thấp dưới tầm mắt Tuấn, u huyền như một bức cảnh tiên. Giữa khoảng bao la, Tuấn thấy một sự an bình trong sáng tỏa ngát hồn chàng. Hình ảnh Joyce lại hiện lên trong trí óc Tuấn, với một vành ánh sáng không làm nhạt khỏi cái u trầm của đôi mắt nhìn rất sâu bên mớ tóc vàng. Tuấn như nghe thấy tiếng ai trong gió:

– Tại sao anh không tiếp tục vẽ?

Một nhu cầu nổi dậy trong Tuấn cũng cấp thiết như không khí, như ánh sáng, như tự do, như cuộc sống: Tuấn thấy thèm khát một cây bút lông, một hộp màu như những ngày còn ở quê hương. Tuấn nhẩy vội lên xe. Khoảnh khắc, Tuấn đã giẽ vào trong xóm. Vài tiếng chó sủa trắng rộn rã đón chào người trở về.

KHẢO VỀ THƠ BAUDELAIRE

LÊ HUY OANH

II.

SỐNG khắc khoải giữa xã hội, Baudelaire là kẻ ít được sự an ủi của người đồng loại. Loài người vốn hay bạc bẽo với nghệ sĩ, nghệ sĩ thường khi đã phải hi sinh cả cuộc đời để cung cấp những món ăn tinh thần cho thiên hạ. Người ta thường ít khi chịu đựng được cái lối sống quá phóng khoáng của nghệ sĩ. Trong khi những người khác đi trong lối mòn của cuộc đời, thì đa số nghệ sĩ lại thích đi lệch ra ngoài. Người ta tỏ vẻ ngạc nhiên và nhìn cái thái độ khác thường đó với cặp mắt thiếu thiện cảm. không mấy người muốn nhận rằng chính cái thái độ như vậy nhiều khi rất

cần thiết cho nghệ sĩ trong việc sáng tác những nghệ phẩm xứng đáng để dâng hiến cho loài người. Do đấy có những nghệ sĩ thường cảm thấy tủi cực vì thấy mình bị hắt hủi.

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương, trong một phút chua xót, hờn giận đã kêu lên rằng các thi nhân như ông chỉ là một bọn dăm bảy kẻ lạc loài giữa xã hội, bị giống nòi khinh, quê hương bỏ, hoặc như một bọn người đã “đầu thai lầm thế kỷ” (Xem bài. Phương Xa ở tập Thơ say - 1940. Hoài Thanh và Hoài Châu đã trích bài này vào cuốn Thi nhân Việt Nam -1943.)

Baudelaire cũng đã có một ý niệm chua xót như vậy khi ông tự thấy mình như một kẻ lạ mặt của trần thế, không bạn bè, không thân thích, không có lấy một chút tình thương (L'Etranger, P.P.P) (P.P.P Petits Poèmes en Prose). Có khi ông ví thi sĩ với một con chim hải âu đã sa cơ bị bắt. Người Thơ sống lạc lõng giữa xã hội có khác gì con chim khốn nạn kia bị đưa ra làm trò giữa đám thủy thủ tinh nghịch. Còn gì

đáng thương cho bằng một con chim vốn quen tung hoành trên từng không lộng gió, vốn coi thường bão, khinh bỉ cánh cung của nhà thiện xạ mà nay sa cơ bị dày ải giữa loài người độc ác. Một khi được bay trên bầu trời cao rộng nó oai hùng biết chừng nào! Nay phải sống dưới con tàu hẹp nó trở nên vụng về, xấu xa làm sao! Đôi cánh rộng thành ra một trở lực khiến nó không sao bước đi được nữa (l'Albatros, F.D.M).

Vì khổ đau, vì thường cảm thấy lẻ loi, cô độc nên Baudelaire nhiều khi khao khát được xa lánh xã hội loài người để đến sống ở bất cứ nơi nào hoang sơ vắng vẻ, hầu quên lãng cái mối sầu vạ cổ trong tâm hồn ông. Có lần ông mơ ước được đến ở tận cực địa cầu, nơi mà sự luân chuyển chậm chạp của ngày và đêm tiêu hủy hết sự đổi thay, biến cảnh vật thành một cõi bán hư vô (Any where out of the world, P.P.P). Đối với ông, cõi trần này là một nơi khổ ải tăm tối, đầy những bùn đen lầy lội vì nước mắt chúng sinh, nên có khi ông còn mơ ước cái chết. Ông cho rằng chỉ có sự chết mới là

nguồn an ủi thực sự, mới có thể đưa đến cho con người những hạnh phúc thành thật. Cái chết chính là cứu cánh của cuộc đời. Năm mồi kia phải chăng là một ngôi quán ấm cúng mà ở đấy, con người mệt mỏi được nghỉ ngơi, được ngủ những giấc ngon lành và mơ những giấc mơ êm ái. Lại nữa, Baudelaire không cho rằng chết là hết nhưng cho rằng chết còn là dịp để tâm hồn người ta bay vào cõi hư vô xa lạ mà thưởng thức những điều mới mẻ. Vì thế, có lần ông đã lên tiếng van nài thần Chết:

O Mort, vieux capitaine, il est temps! Levons l'ancre!

Ce pays nous ennuie; o Mort! Appareillons!

(Le Voyage, F.D.M)

(Hỡi thần Chết, hỡi vị thuyền trưởng lão thành, đã đến giờ rồi! chúng ta hãy nhổ neo thôi! Cõi đời này chán lắm, thần Chết ơi! chúng ta hãy-cho tàu chạy!)

Ông tưởng tượng mình sẽ là một người sung sướng khi được trở về với lòng đất để quên hết những nỗi u uất của tâm tư, quên hết những ê chề của cuộc sống. Dưới lớp đất êm ái kia, ông sẽ sẵn sàng đón bầy ròi bọ khi chúng đến đục khoét thân thể ông. Trong bài *Le mort Joyeur* (F.D.M), ông viết:

Dans une terre grasse et pleine d'escargots

Je veux creuser moi-même une fosse profonde,

Où je puisse à loisir étaler mes vieux os

Et dormir dans l'oubli comme un requin dans l'onde.

.

O vers! Noirs compagnons sans oreille et sans yeux,

Voyez venir à vous un mort libre et joyeux;

Philosophes viveurs, fils de la pourriture,

A travers ma ruine allez donc sans remords,

Et dites-moi s'il est encor quelque torture

*Pour ce vieux corps sans âme et mort parmi les
morts!*

(Tôi muốn tự tay đào lấy một lỗ huyết sâu trong một vùng đất phì nhiêu đầy ốc sên; ở đấy, tôi có thể tự ý giải bộ xương già cỗi của tôi và ngủ trong sự quên lãng như một con cá mập dưới làn sóng biển.

Hỡi bấy rồi bỏ! Hỡi những người bạn đen đui không tai, không mắt hãy nhìn xem, có một kẻ chết tự do và vui vẻ đang đến cùng các bạn; hỡi những triết gia ăn chơi đàn đấm, những con cháu của sự rửa nát, xin hãy ngoi qua đồng thân thể tàn rụi của tôi mà đừng hối hận gì hết, rồi sẽ cho tôi hay là đối với tấm thân tàn không hồn và đã chết giữa những kẻ chết này,

có còn sự khổ đau nữa chẳng. (Về tư tưởng, Baudelaire thường chịu ảnh hưởng sâu đậm Elper Poe, một nhà văn sĩ kiêm thi sĩ Hoa Kỳ, tác giả của nhiều truyện ngắn và nhiều bài thơ rất kỳ lạ rùng rợn. Poe chuyên ca ngợi những vẻ đẹp của Tử Thần. Trong các tác phẩm của ông, chỗ nào người ta cũng thấy thấp thoáng hình bóng của sự chết. Có lần, ông cho rằng cái chết là đầu đề tuyệt đích cho các văn thi sĩ. Như chúng ta đã biết, Baulelaire đã từng dịch rất nhiều truyện ngắn của Poe ra tiếng Pháp. Ông là người có công lớn trong việc truyền bá tư tưởng và nghệ thuật của Poe tại Âu Châu.)

Tuy nhiên, dù đau khổ, dù bị loài người lạnh nhạt, dù ưa thích được thoát khỏi cõi trần nhơ nhuốc, nhưng người nghệ sĩ lại vẫn phải sống và thấy mình cần phải sống để nuôi nấng tư tưởng của người đồng loại. Trong lĩnh vực nghệ thuật, nghệ sĩ có cái sứ mệnh thiêng liêng là dẫn loài người vào cái thế giới thực sự của Chân, Thiện, Mỹ, đưa họ tới những cánh đồng rung cảm phì nhiêu, bát ngát. Nghệ sĩ không

quyền để cho thể nhân bơ vơ giữa mê cung của nghệ thuật mà cần phải là một bó đuốc rực rỡ để soi sáng cho họ khỏi lạc lũng với mọi ngõ ngách của mê cung đó. Có đau khổ, hãy rán mà chịu đựng, có chán đời, hãy rán mà sống. Chịu đựng vì sứ mệnh cao cả. Sống vì bốn phận thiên liêng.

Cái tâm trạng phức tạp đến gần như mâu thuẫn ấy đã khiến cho Baudelaire trở thành một thi sĩ thực sự. Vì nghệ thuật mà ông phải sống, nhưng càng sống ông càng đau khổ, chán chường và càng đau khổ, chán chường thơ ông càng thêm thâm trầm, réo rắt. Lòng ông gần như lúc nào cũng tức bực vì không thỏa mãn. Nội tâm ông thường bị thôi thúc, bị vò xé khiến ông phải bật ra những lời ai oán, thiết tha. Đúng như lời một văn sĩ kiêm thi sĩ Trung quốc đời nhà Đường: vật gì hễ không được thỏa mãn thì tất phải kêu lên (Đại phạm vật bất đắc kỳ bênh tắc mình (Hàn-Dũ)).

Hễ nói đến vấn đề sáng tạo thi ca, tất nhiên

người ta nghĩ ngay đến hai yếu tố là nội dung và hình thức. Trong một bài thơ, cả hai yếu tố này đều cần thiết và nâng đỡ lẫn nhau. Nếu ý hay mà lời kém hay trái lại, lời được mà ý nhạt nhẽo, lủng củng, nông cạn thì bài thơ đó tất nhiên sẽ hỏng. Hình thức có nhiều khi còn cần thiết hơn cả nội dung vì nội dung không có giới hạn mà hình thức lại bị giới hạn ở mức truyền cảm. Cái giới hạn đó không bắt buộc phải đứng yên một chỗ. Nó có thể biến đổi, di động tùy theo không gian và thời gian, tùy theo tài sáng tạo của mỗi thi sĩ và tùy theo đối tượng của bài thơ. Vì hình thức phụ thuộc vào nhiều điểm như vậy nên nhà thơ cần phải hết sức tinh vi trong việc diễn tả nghĩa là phải biết dung hòa sự đòi hỏi của tất cả những điểm đó. Baudelaire chính là một nghệ sĩ có đủ tri thức để nhận định vấn đề này trong lúc ông làm thơ. Như tôi đã nói ở trên, các phái thơ thời ấy đã chê bai đả kích lẫn nhau. Trong chủ trương về đường lối sáng tác, không những các phái này có nhiều điểm dị về nội dung mà lại có nhiều điểm dị về hình thức nữa. Các nhà thơ lãng

mạn ưa dùng một thứ hình thức tương đối có vẻ khích động nhưng hơi bề bộn cốt để diễn tả những cảm xúc sôi nổi, nồng nhiệt, đăm đuối của lòng. Các nhà thơ Thi Sơn lại không thích nói lên những cảm xúc của linh hồn cá nhân mà chỉ ưa diễn tả ngoại cảnh đúng với thực thể của nó; vì thế, họ thường gọt rũa cho thơ có một hình thức vững chắc, cân đối, nhịp nhàng và chải chuốt tựa như những công trình kiến trúc trên cẩm thạch. Do đấy, thơ của họ trong sáng và mang một vẻ đẹp có tính cách thẩm mỹ (*beauté plastique*).

Trước vấn đề sáng tác, Baudelaire không bao giờ để ý đến những nguyên-tắc dị-biệt như vậy. Ông thấy rằng trong các lối diễn-tù, mỗi lối đều cần thiết tùy theo trạng thái tâm hồn từng lúc của nghệ sĩ. Nguồn cảm xúc của nghệ sĩ rất phức tạp: lúc sôi nổi, tha thiết, lúc huyền hoặc, thâm kín; cũng có lúc đứng trước thiên nhiên cảnh vật, nghệ sĩ không thấy lòng mình xôn xao gì hết mà chỉ thấy cảnh vật đẹp một cách câm lặng mà thôi. Bốn phận của nghệ sĩ là

trình bày tất cả những sắc cảm và những trạng thái tâm hồn, cho nên, họ có thể áp dụng được đủ mọi hình thức vào thơ, miễn sao những hình thức đó có thể làm thỏa mãn được độc giả. Cho nên, trong thơ Baudelaire, người ta thấy nội dung được hòa hợp một cách khéo léo với hình thức. Khi muốn diễn tả những tình cảm nồng nức, nồng cháy, rạo rực, ông thường dùng một thứ hình thức kích động, phóng khoáng. Khi muốn làm những bài thơ nhiều cảnh hơn tình, ông có thể ngồi gọt rũa, uốn nắn cho hình thức của chúng có vẻ chải chuốt, gọn gàng; và khi muốn diễn tả những tình cảm quá phức tạp, sâu kín, ẩn hiện trong đáy tâm tư, ông lại dùng một hình thức kín đáo, mờ ảo, huyền hoặc đầy tính chất gợi cảm. Nếu quan sát nghệ thuật diễn tả trong thơ Baudelaire một cách toàn diện, người ta thấy nó gần như hoàn bị. Dưới đây chúng tôi muốn nhấn mạnh đến vài điểm mà ở đó Baudelaire đã tỏ ra đặc biệt hơn cả.

Trước hết, ta thấy Baudelaire ưa dùng hình

ảnh để diễn tả. Các hình ảnh đó tuy rất nhiều nhưng mới mẻ, tự nhiên chứ không sáo hoặc kỳ cục. Chúng giúp cho thơ ông trở nên hoa mỹ, linh động lạ thường. Cảm quan của Baudelaire rất tinh vi, nhờ đấy, những kích thích ngoại giới dễ dàng truyền qua giác quan để biến thành ảnh tượng trong ý thức ông. Ông đã biết lợi dụng đến triệt để các cảm quan đó để kiếm ảnh tượng làm khởi điểm cho có tưởng tượng khiến nó trở nên rất phong phú. Ngồi bên những người đàn bà có khi ông thấy – để tả ra trong thơ cái nhìn của họ sâu và lạnh, có thể cắt và chẻ như một cái lao (*Ton regard, profond et froid, coupe et fend comme un dard*); mớ tóc của họ là chốn ốc đảo, nơi ông tới thả hồn mơ mộng hoặc là cái bình đựng rượu kỷ niệm để ông nâng lên môi mà uống từng hơi dài (*C'est l'oasis où je rêve et la gourde où je hume à longs traits le vin du souvenir*); khi thấy nước trong miệng họ dâng lên bờ răng. Ông nghĩ tới một ngọn nước triều lớn dần do sự tan rã của những giải băng hà đang gặm vì nứt nẻ (*L'eau de ta bouche remonte au bord de les dents comme un flot*

grosi par la fonte des glaciers grodants). Lần khác, ông có hứa với người yêu là sau khi chết đi, ông sẽ hiện về để ban cho nàng những cái hôn lạnh lẽo như mặt trăng (Des baisers froids comme la lune) và những cái vuốt ve của con rắn trườn mình chung quanh bờ hồ (des caresses de serpent autour d'une fosse rampant). Có một khi vì đau khổ, chán chường, ông đã ví tâm hồn ông với một cái lâu đài hư nát về sự ồn ào, hỗn độn mà ở đó, người ta ăn uống phè phỡn, người ta giết nhau, người nọ nắm tóc kẻ kia mà đánh đập nhau (Mon cœur est un palais flétri par là cohue; on s'y soûle, on s'y tue, on s'y prend aux cheveux) (Những câu Pháp văn trích trong ngoặc đều là thơ rút ra từ một số bài trong cuốn *Les Fleurs du mal*. Vì lý do kỹ thuật, chúng tôi đã xếp đặt một vài đoạn theo lối văn xuôi.), v...v...

Đặc biệt hơn nữa, ông còn ưa dùng những biểu tượng (symboles) để diễn tả. Ở một bài thơ nhan đề là *Correspondances* (F.D.M.), ông cho rằng trong vũ trụ này có đầy những biểu

tượng rất quen thuộc với chúng ta. Ông viết:

La Nature est un temple où de vivants piliers

Laissent parfois sortir de confuses paroles;

L'homme y passe à travers des forêts de symboles

Qui l'observent avec des regards familiers.

(Vũ trụ là một ngôi đền mà ở đấy những cây cột sống động đôi lúc để phát ra những tiếng nói mơ hồ. Con người đi trong nơi này qua những giải rừng biểu tượng đang ngó họ bằng những cái nhìn thân thuộc).

Dùng biểu tượng nghĩa là thế nào? Nghĩa là dùng những hình ảnh và những ý tưởng khác lạ có đủ ma lực gọi ra hay làm sáng tỏ những đối tượng khởi điểm hoặc trữu tượng hoặc cụ thể của bài thơ. Nói theo kiểu nôm na thì nó gần như lối nói bóng của Việt Nam. Chẳng hạn như trong đoạn thơ dưới đây của cụ Nguyễn Du:

Tiệc thay một đóa trà mi,

Con ong đã tỏ đường đi lối về!

Một cơn mưa gió nặng nề,

Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương.

(Truyện Kiều)

Đối tượng của đoạn thơ này là gì? Là cái cảnh chua xót của nàng Kiều sau khi đã bị tên họ Mã đoạt mất chữ trinh. Chắc không cần cắt nghĩa, các bạn cũng hiểu rằng những danh từ đóa trà mi, ngọc và hương ám chỉ cái tấm thân băng tuyết của cô Kiều; còn danh từ con ong ám chỉ Mã Giám Sinh v.v... Trong trường hợp này những danh từ đó đều là những biểu tượng.

Baudelaire cũng hay dùng cái lối diễn tả gợi ý như vậy. Chẳng hạn, như ta đã biết, khi muốn nói đến những tội lỗi trong tâm hồn con người ông dùng những con thú vật xấu xa, hung dữ,

bắn thủ như: cáo, khỉ, hùm, beo, bọ cạp, điều hâu, rắn rết... để làm biểu tượng (Au Lecteur). Khi muốn nói đến cái cảnh ghê sợ của ái tình, ông dùng biểu tượng hai « chiến sĩ » đang lăn xả vào nhau mà đánh đập một cách dã man để ám chỉ đôi « uyên ương » (Duetlum).

Không những hay vì các hình ảnh tân kỳ và các biểu tượng đặc sắc, thơ Baudelaire còn hay vì nhạc điệu. Ông coi nhạc điệu như một yếu tố cần thiết trong việc truyền cảm. Thơ ông có lúc rần rập; có lúc lê thê, vể oải; có lúc lại êm ái, thiết tha. Ông tạo ra những nhạc điệu đó bằng sự phối trí các câu thơ và các mệnh đề một cách tài tình, bằng lối dùng những vần hay những tiếng có âm thanh phù hợp với ý. Một bài Harmonie du soir (F.D.M.) chẳng hạn đã thành công nhờ những câu thơ được lấy đi lấy lại rất khéo léo, tạo nên một nhạc điệu hoàn toàn xứng hợp với ý tưởng trong nội dung. Bài thơ tả lại cái tâm trạng u uất của Baudelaire trước một cảnh chiều buồn bã trong tiếng nhạc valse; nhờ có nhạc điệu, nó đã khiến cho độc

giả càng đọc càng cảm thấy tê tái, rã rời và như chóng mặt, lão đảo vì điệu đàn nức nở đang quay lộn trong không khí. Do đấy, cái sâu của nghệ sĩ lúc làm thơ đã truyền sang tâm người đọc một cách dễ dàng.

Một bài khác như bài *L'invitation au voyage* (F.D.M.), nhờ có nhạc điệu, đã khiến cho độc giả khi đọc lên, cảm được cái tiếng thì thầm âu yếm của một gã đàn ông si mê và đau khổ đang rủ người tình lên đường viễn du, tìm đến những phương trời mới lạ. Tôi xin trích ra đây một đoạn của bài thơ này:

Mon enfant, ma sœur,

Songe à la douceur

D'aller là-bas vivre ensemble

Aimer à loisir

Aimer à mourir

Au pays qui le ressemble!

Les soleils mouillés

De ces ciels brouillés

Pour mon esprit ont les charmes

Si mystérieux

De les traitres yeux,

Brillant à travers leurs larmes.

Là, tout n'est qu'ordre et beauté,

Luxe, calme et volupté...

Mỗi khi đọc lên những câu thơ như vậy một cách sảng, ai mà chẳng cảm thấy tâm hồn ngất ngây vì cái âm điệu êm đềm, mơn trớn, thiết tha của chúng. Các âm thanh của các vần, các tiếng như ôm ấp, quấn quýt lấy nhau. Các câu thơ ngắn xen lẫn với các câu dài một cách phù hợp tạo nên một tiết điệu du dương tuyệt vời, khiến cho linh hồn độc giả dễ dàng vào cõi mộng (Theo De Grange, có một nhạc

sĩ danh tiếng đã đem bài *L'invitation au voyage* phổ nhạc, nhưng nhạc của bài ca lại kém cái nhạc tự nhiên trong thơ. Ở đây cũng vì trọng nhạc điệu, chúng tôi không dịch nghĩa đoạn thơ trích.).

Tuy còn muốn trích nhiều đoạn thơ khác của Baudelaire để các bạn có thể khảo sát một cách thấu đáo về nhạc điệu trong thơ ông, nhưng ở phạm vi bài khảo luận này, chúng tôi chỉ đơn cử một vài thí dụ đặc sắc như trên để làm tiêu biểu mà thôi. Có một điều ta cần biết thêm là không những Baudelaire chú trọng đến nhạc điệu trong văn vần mà ông còn chú trọng đến nhạc điệu trong văn xuôi. Ông đã sáng tác được nhiều bài đoản văn đặc biệt mà ông mệnh danh là thơ xuôi (*Poème en prose*). Theo ý ông thì đây là một lối thơ tuy không có vần, không có nhập tiết nhưng có đủ nhạc điệu để diễn tả những trạng thái nên thơ của tâm linh. Ở bài tựa cuốn *Petits Poèmes en prose*, ông viết: Trong những ngày tham vọng, có người nào trong chúng ta lại không mơ đến phép mầu

nhiệm của một thứ văn xuôi đầy thi vị và du dương, không có âm tiết, không có vần nhưng đủ mềm mại, đủ kích động để thích ứng với những hoạt động trữ tình của tâm hồn, những cái rập rờn của sự mơ mộng, những cái giật nảy của ý thức? (Quel est celui de nous qui n'a pas, dans ses jours d'ambition, rêvé le miracle d'une prose poétique, musicale sans rythme et sans rime, assez souple et assez heurtée pour s'adapter aux mouvements lyriques de l'âme, aux ondulations de la rêverie, aux soubresauts de la conscience?).

Trong loại thơ xuôi này, Baudelaire cũng đã thành công ít nhiều và gây được ảnh hưởng cho thế hệ thi sĩ về sau. Hiện nay ở Pháp cũng vẫn có một số thi sĩ ưa lối thơ này (ở Việt Nam ta cũng đã có một vài nhà thơ ưa làm thơ xuôi. Có người cho rằng đây là một hình thức cao nhất của thơ tự do.)

Cuốn *Petits poèmes en prove* của Baudelaire có tất cả chừng năm mươi bài trong đó có

nhiều bài diễn tả lại ý tưởng của những bài văn vần đã có trong cuốn *Les Fleurs du Mal*. Chúng tôi trích ra đây một bài để các bạn thưởng thức:

ENIVREZ-VOUS

Il faut être toujours ivre. Tout est là: c'est l'unique question. Pour ne pas sentir l'horrible fardeau du Temps qui brise vos épaules et vous penche vers la terre, il faut vous enivrer sans trêve.

Mais de quoi? De vin, de poésie ou de vertu, à votre guise. Mais enivrez-vous.

Et si quelquefois, sur les marches d'un palais, sur l'herbe verte d'un fossé, dans la solitude morne de votre chambre, vous vous réveillez, l'ivres se déjà diminuée ou disparue, demandez au vent, à la vague, à l'étoile, à l'oiseau, à l'horloge, à tout ce qui fuit, à tout ce qui gémit, à tout ce qui roule, à tout ce qui chante, tout ce qui parle, demandez quelle heure il est; et le vent,

la vague, l'étoile, l'oiseau, l'horloge vous répondront: « Il est l'heure de s'enivrer! Pour nêtre par les esclaves martyrisés du Temps, enivrez-vous; enivrez-vous sans cesse! De vin, de poésie ou de vertu, à votre guise.

SAY ĐI THÔI

(Phải say sưa luôn luôn. Mọi sự đều ở đấy: đó là vấn đề duy nhất. Để khỏi cảm thấy cái gánh nặng ghê sợ của Thời Gian đè gẫy vai bạn và dìm bạn xuống đất, bạn hãy say đi, hãy say sưa mãi mãi.

Mà say bằng gì? Bằng rượu, bằng thơ hay bằng đạo đức, tùy ý bạn. Nhưng hãy say thôi.

Nếu có khi nào bạn thức tỉnh trên những bậc thềm một lầu đài, trên đám cỏ xanh bờ hồ hay giữa cảnh cô tịch thâm đạm của tư phòng, mà lúc ấy cơn say đã giảm đi hay đã tan biến, bạn hãy hỏi gió, hỏi sóng, hỏi ánh sao, hỏi chim, hỏi đồng hồ, hỏi tất cả những gì đang

qua đi, tất cả những gì đang rên rỉ, tất cả những gì đang chuyển vận, tất cả những gì đang ca hát, tất cả những gì đang lên tiếng, hãy hỏi mấy giờ rồi; và gió, và sóng, và ánh sao, và chim, và đồng hồ sẽ trả lời bạn: “Đã đến giờ say! Để khỏi là những tên nô lệ bị Thời Gian hành hạ, bạn hãy say đi, hãy say mưa mãi mãi... Bằng rượu, bằng thơ, hay bằng đạo đức? Tùy ý bạn.”)

* * *

Có một điều ta phải nhận rằng, trong lĩnh vực nghệ thuật, quần chúng thường không nhận định ngay được những sự thay đổi quá đột ngột hay những cái mới lạ khi chúng thoát phát sinh ra (tôi không muốn nói đến những cái mới lạ kỳ cục, chỉ có tính chất lừa bịp). Trường hợp của một Mallarmé ((1842–1898) – Một trong những thị tiên phong của phái thơ Tượng trưng) chẳng hạn. Khi nhà thơ này rời bỏ nhóm Thi Sơn để đi vào một lối thơ kín đáo, mờ ảo mà có người mệnh danh là thơ thuần túy, ông đã bị nhiều độc giả đương thời coi là

lập dị rồi bị họ dè bủ, chỉ trích kịch liệt. Vốn quen đọc những vần thơ dễ dàng, sáng sủa, nên khi đọc thơ ông, người ta đâm ra bối ngỡ và kêu rằng nó có vẻ quá bí hiểm đến không thể hiểu được. Vì chưa quen cũng có, vì thiên kiến tự phát cũng có, nhiều người không thể hoặc không muốn nhận những điểm đặc sắc của lối thơ mới mẻ này. Nhưng với thời gian, quần chúng quen dần với thơ Mallarmé, trong khi thiên kiến của họ bớt đi; họ bắt đầu nhận thấy thơ ông không phải tầm thường như họ tưởng, mà trong đó, bên những cái dở, còn có nhiều cái hay rất tân kỳ.

Trường hợp Baudelaire cũng tương tự như thế: khi những bài thơ đầu tiên của ông được in trong các tạp chí đương thời và cả ngay sau khi tập *Les Fleurs du Mal* xuất hiện, đa số quần chúng chỉ thờ ơ đối với ông hoặc đọc thơ ông với một cặp mắt ngạc nhiên đượm vẻ khinh thị. Từ trước đến giờ, họ chưa từng đọc những câu thơ có ý tưởng quá táo bạo và thành thật đến thế, nên họ coi Baudelaire như một thứ

“quái thai” của xã hội. Theo ý họ, văn chương không thể đi đến chỗ vô luân lý một cách “ngổ ngáo, sống sượng” đến như vậy được; có lãng mạn đến đâu, nó thành thật đến đâu thì bất quả cũng như một Lamartine trong *Le Lac*, một Byron trong *Don Juan*, một Goethe trong *Werther* hay một Chateaubriand trong *René* là cùng. Có người còn cho rằng cái tư tưởng “trụy lạc đến điên khùng” cũng như cái hành động “bạt mạng” của Baudelaire trong việc sáng tạo thi ca đáng bị lên án. Thế rồi người ta lên án ông thật.

Ông bị gọi ra tòa để trả lời những câu chất vấn và nhận những lời buộc tội của nhà cầm quyền về những bài thơ trong *Les Fleurs du Mal*. Vào ngày 20 tháng 8 năm 187, ông bị phòng Tiểu hình số sáu (6^e Chambre correctionnelle) phạt 300 đồng phạt-lãng vì tội phạm đến thuần phong mỹ tục và bắt ông phải cắt bỏ đi 6 bài thơ mà tòa cho là đầy “tính chất đồi trụy và lảm lạc” trong thi phẩm *Les Fleurs du mal*.

Nhưng rồi với thời gian, nhất là từ sau khi póng đã mất, người ta dần nhận thấy rằng ông là một thiên tài can đảm đã dám phụng sự nghệ thuật một cách rất chân thành để có thể đưa vào thi ca một nguồn rung cảm đặc biệt mà Victor Hugo kêu là “những cái cảm giác gây gấy mới lạ” (des frissons nouveaux) cũng như có thể trình bày nhiều sự thực hiện nhiên của cuộc sống mà trước kia chưa từng ai dám nói ra. Đã đành rằng thơ ông cũng có tính chất vô luân lý thực nhưng chính cái vô luân lý đó lại có thể là một thứ luân lý đặc biệt nếu người đọc biết suy nghĩ về nó một cách tinh tế cũng như có thể hiểu nó một cách rõ ràng. Trong đa số các bài thơ của ông, Baudelaire đã trình bày tất cả những khía cạnh xấu xa của bản tính con người một cách vô tư nhưng không hề bắt buộc cũng như không trực tiếp khuyến khích con người phải làm điều lành, tránh điều dữ. Ông muốn để loài người tự tìm hiểu lấy mình qua thơ ông và theo đấy mà tự phán đoán. Ông nói lên những tội lỗi, đồng thời không quên nói tới cái xấu xa của chúng và những hậu quả

tai hại do chúng gây ra để người đọc thấy mà chừa bớt nét xấu, chế ngự con vật bản thủ trong lòng họ. Khi cãi cho Baudelaire trước tòa án, nữ luật sư Chaix d'Est-Ange đã viện cái lý do đó mà bào chữa cho thân chủ của bà. Bà nói:

“Baudelaire trình bày với các ngài những tính mê, nét xấu, nhưng ông trình bày chúng trong cái vẻ gớm ghiếc; ông vẽ ra chúng bằng những màu sắc ghê tởm, vì ông không ưa chúng và muốn khiến cho chúng trở nên khả ố, vì ông ghét chúng và muốn khiến cho chúng trở nên đáng ghét, vì ông khinh bỉ chúng và muốn các ngài khinh bỉ chúng”.

Về phương diện nghệ thuật và tư tưởng, thi phẩm của Baudelaire hầu như đã là cái cầu nối của hai lãnh vực thi ca: một lãnh vực cũ của các thi sĩ Cổ điển, Lãng mạn, Thi sơn và một lãnh vực mới của các phái thơ về sau như Tượng trưng, Siêu thực, Chủ tri v. v. . .

Trước Baudelaire, tuy các thi nhân cũng đã để ý đến phần nội tâm con người và cái ý nghĩa của cuộc sống nhưng họ mới chỉ làm công việc đó một cách hời hợt chứ chưa đi sâu hẳn vào vấn đề. Phần lớn thì ca lúc đó hãy còn là một thú nghệ thuật mà người ta dùng để tiêu khiển khi họ muốn cho tâm hồn được vỗ về hoặc được kích động một chút, cũng như muốn cho óc thẩm mỹ được thỏa mãn, thế thôi.

Thơ Baudelaire vẫn giữ được những cái tinh hoa cũ nhưng lại mở đường cho những lối thơ mới sâu sắc hơn, tế nhị hơn, chứa đựng đầy đủ thái độ sống hơn. Phái Tượng trưng đã đi theo ngã đường do ông vạch ra để tìm đến những chân trời sâu kín, bí ẩn của tâm linh. Phái Chủ trí (Ecole intellectualiste) với những nhà thơ như Paul Claudel hay Paul Valéry cũng chịu ảnh hưởng ông ít nhiều qua sự trung gian của nhà thi sĩ tượng trưng Arthur Rimbaud. Họ không còn quan niệm rằng thơ có thể là một trò chơi (un jeu) hoặc là một thú “kẹo” (confiserie poétique) mà cho rằng thơ phải

mang trong nó cái giá trị thực sự của tư tưởng, cái bản thể chính xác của sự hiện hữu của vạn vật. Phái Siêu thực (Ecole surréaliste) cũng chịu ảnh hưởng Baudelaire một phần nào qua Rimbaud cũng như qua Valéry, khi họ muốn đi tìm cái ý nghĩa đứng đắn của đời sống xã hội cũng như của đời sống nội tâm.

Không những gây được nhiều ảnh hưởng ở nước Pháp, Baudelaire còn gây được ảnh hưởng tại nhiều nước trên hoàn cầu, kể cả nước Việt Nam (ở nước ta, trong thời tiền chiến, có một số thi sĩ chẳng hạn như Xuân Diệu, Bích Khê v. v... đã chịu ảnh hưởng của Baudelaire ít nhiều.). Ông đã trở thành một “Thần tượng” của thế giới thi ca. Trong thời gian, một khi mà loài người còn ham chuộng nghệ thuật, còn thắc mắc về bản thể của cuộc đời thì thơ Baudelaire vẫn còn được người ta đọc với một sự mến phục.

LÊ HUY OANH

KHU VƯỜN BÊN CỬA SỔ

DOÃN QUỐC SỸ

V.

Tiệc trà ngày cưới Hùng, Thi vào hồi tám giờ rưỡi thứ Bảy, tổ chức tại Câu lạc bộ Sĩ quan đường Thành Thái Chợ Lớn, có khiêu vũ. Chàng nhận ra em và chào em trước, đồng thời Linh cũng tới với một số chị bạn cùng lớp. Sau đó từng cá nhân cảm thấy bị chìm nhấm trong đám đông quan khách với những lời chào đón thăm hỏi khách sáo. Lúc bắt đầu khiêu vũ, em và một số các chị em không biết nhảy bảo nhau ngồi khuất một góc phòng.

Em giật mình thấy Linh tươi cười đi vào giữa đám người đương hướng về Linh đầy vẻ

chào đón, trong số có chàng. Linh bỗng như quỵen lấy chàng, hai người luôn luôn đối diện nhau. Linh vừa nói vừa làm điệu khi nhanh khi chậm, chàng cũng vậy, thỉnh thoảng cả bọn cười rộ. Em không thể ngồi yên chỗ cũ, em làm bộ lững thững dọc theo bàn tiệc đi về phía đó. Em bắt được câu cuối cùng chàng nói:

– Yêu Hà Nội, tôi yêu cả cái hay lẫn cái dở của Hà Nội. Hơn thế tôi còn ơn những cái xấu bởi tôi biết chính vì những cái xấu đó mà Hà Nội thêm đẹp.

Linh ý chừng nói tiếp câu chuyện dang dở:

– Nhưng Paris quả có một linh hồn, có một trái tim, ai đã biết Paris, khi xa, lòng không khỏi vương vấn mãi.

À ra mọi người đương bàn về các thủ đô. Chàng cười hỏi tiếp ngay:

– Còn chị, hiển nhiên là chỉ có một linh

hồn và có một trái tim rung động dễ thương gấp bội, chẳng hay đã khiến ai xa mà lòng còn vương vẫn mãi chưa?

Linh đáp chẳng hề luống cuống:

– Điều đó chắc chỉ người nào đó hiểu thâm thôi, tôi làm sao biết được?

Khoảng phòng hơi tối, Linh bật nốt mấy ống đèn nê-ông. Một người reo:

– A... Cám ơn chị Linh cho ánh sáng!

Chàng nói:

– Chính chị là ánh sáng rồi, hà tất phải cho thêm ánh sáng làm gì!

Rồi hẳn đã biết Linh học ban gì, chàng vừa nhú lông mày vừa tìm cách dịch dần câu đó sang Anh văn.

You're light itself... What's the use... in having... anymore of it.

Linh nghiêng đầu rất tinh nghịch cảm ơn một câu bằng tiếng Anh trơn tru.

Hai người đó gặp nhau chẳng ai cần phải gọi chuyện ai!

Âm nhạc nổi lên. Từng cặp mời nhau xuống piste.

Chàng với Linh thành một cặp.

Em biết em đẹp nhất trong đám chị ạ, em đẹp hơn cả Linh nhưng em

thua Linh mất rồi. Với đàn ông, chỉ đẹp thôi không đủ! Em không bao giờ trách Linh lẳng lơ, thường thường Linh hồn nhiên như vậy nhưng trong trường hợp này sự hồn nhiên đó có hại cho em và đã đem ưu thế về cho Linh. Em ngồi xuống một chiếc ghế thấp để tiện theo dõi hai người.

Đã có một số không biết nhảy lác đác ra về. Dứt bản nhạc, chàng và Linh còn quay giỡn thêm một vòng ở giữa piste.

Chàng cúi xuống nói gì với Linh, em thấy Linh cười rất tươi - bao giờ nụ cười của Linh cũng tươi - rồi gật đầu. Hai người đi về phía cửa lớn. Chàng dừng lại trước bàn hoa quả nhắc lên một chùm nho trao cho Linh, chàng cầm thêm hai trái táo lớn vừa toan rảo bước thì lũ bạn cũ ủa tới xúm quanh. Hình như họ chế gì thì phải, em thấy Linh cười chao chát, chạy lại tắt mấy ống nê-ông mà khi nãy Linh bật sáng, rồi nói khá lớn khiến chỗ em ngồi cũng nghe rõ: “Đã thế tôi đòi lại ánh sáng!” Thế là hai người đi vút ra cửa, tiếng hò la của các bạn đuổi theo.

Em như mất hồn đứng lên và cũng tiến ra cửa. Em còn dừng lại tì tay ở cột hiên chờ cho chàng và Linh ra tới xe. Linh nói gì... Chàng nhường Linh cầm lái. Chiếc xe chuyển động rồi bon bon chui vào hàng cây thẳng tắp của con đường đi ra ngoài châu thành.

Em ngẩng nhìn trời. Trăng rằm đã lên cao nên càng nhỏ bé, càng u sầu như cô bé lạc đường giữa rừng mây. Cứ như vậy... cứ như vậy... Khi ngẩng lên cao nhìn trăng, khi cúi xuống nhìn bước chân lững thững, em như mang nỗi niềm chua xót mộng mênh của mình đi vào một nỗi niềm trống trải mênh mông hơn của vũ trụ.

Chàng đưa cho Linh chùm nho... Chùm nho thường tượng trưng tình yêu của người đàn ông. Chùm nho đôi khi mất cắp vài quả nhưng người đàn bà không để ý đến vì nếu chỉ mất đi vài quả, chùm nho vẫn như còn nguyên. Em mất cả chùm nho chị ạ, em mất chàng... em mất chàng. Chẳng cần phải tưởng tượng em cũng biết rõ hai người cho xe chạy dưới trăng, hai bên đường mờ mờ đồng ruộng. Tới một quãng nào đó, chàng hẳn bảo Linh cho xe dừng trên bờ cỏ... Hai người đó chẳng ai phải gọi chuyện? Họ có biết bao chuyện làm vui nhau. Trái táo xanh, chùm nho đỏ mọng... Họ nhìn mà là ăn, nhưng lúc ăn chưa chắc họ đã

nhớ ra vị của từng thứ vì họ còn mãi cười đón lời nhau.

Em, em của chị. Một con bé hiền lành đáng thương. Kể từ ngày lên chức Thanh tra Học chính, trong bao năm em chỉ biết ba đổi đến đâu thì cùng với mẹ và các em theo đến đấy. Hồi ba ở Huế, vào những chiều đẹp trời em thường thơ thẩn dọc theo quãng Phú Văn Lâu vừa ngắm dòng sông Hương êm rộng vừa nhâm ôn bài hoặc nghĩ vợ vắn. Sau ngày em đỗ Trung học đệ nhất cấp, ba đổi đi Đà Lạt. em tiếp tục theo Trung học đệ nhị cấp. Ở Đà Lạt em từng đã lẳng lẳng trồng hoa Dahlia là thứ hoa em thích trồng; thường lẳng bẻ cành Oeillet cắm vào bình ở buồng học, thứ hoa em ưa cả hương lẫn sắc; thường lẳng lẳng ngắt những bông pensées đẹp nhất, màu lạ nhất ướp vào sách, thứ hoa rất xinh, rất thơ mộng mà em ưa nhìn rất gần.

Có vụ hè ba cho em xuống Nha Trang đổi không khí, ở đấy em chỉ chọn những lúc bãi

biển vắng người để đi dạo theo và nhìn những vết chân còn in rõ trên nền cát ẩm. Em vừa đỗ xong Tú tài phần hai thì ba xuống Sài Gòn. Ở đây, mỗi khi đi tới đường phố nào có lễ cỏ, em thường chú ý em khóm trinh nữ lá xanh hoa tím: khi tìm thấy, em vui mừng như bắt được bạn hiền rồi cúi xuống dùng tay - không bao giờ em dùng chân - tinh nghịch chạm khẽ để được thấy các cành xanh e lệ cụp lại. Rồi ghi tên vào Đại học Văn khoa... rồi gặp chàng... rồi đêm dự trà vũ mừng cặp Hùng, Thi. Em chị như vậy mà Linh như vậy... Em thật mất chàng!

Trái táo xanh, chùm nho đỏ mọng... Họ nhìn mà là ăn, nhưng lúc ăn chưa chắc họ đã nhớ ra hương vị của từng thứ...

Chẳng biết chỗ cỏ vệ đường nào họ ngồi bên nhau, ánh trăng nào động nơi đó, ngọn gió nào khiến giọng nói câu cười của chàng và Linh quện lại với nhau rồi vang ra xa chút ít?

VI.

Em cam chịu nhẫn nại đợi ngày nhận thiệp báo hỉ và đi phù dâu Linh? Có lẽ nào? Em chưa hề một phút quên là em đẹp hơn Linh. Tới trường cũng chẳng muốn tìm gặp Linh nữa. Buổi tối hôm đó em không ngồi bàn học, em ngồi trước radio đón nghe một chương trình ca nhạc, lòng nhủ lòng nếu gặp lại bản tình ca ngày nào trên đường đi trại, ấy là đêm em chiếm lại chàng.

Em chiếm lại bằng cách nào nhỉ? Chàng hốt hoảng nhớ lại em đẹp hơn Linh và đến tận trường em em? Nếu không... em biết nhà chàng, em sợ gì mà không đi qua nhà chàng, chỉ đi qua thôi! Nhưng... bản tình ca không gặp! Có tiếng

giới thiệu kết thúc chương trình ca nhạc là bản Moulin rouge. Điệu nhạc ngậm ngùi nỉ non tựa hồ mình kể lể với mình, buồn như cảnh hai người yêu phải xa nhau và càng xa nhau càng yêu nhau nhiều, càng yêu nhau mãi. Vừa đúng một tuần qua, sau ngày lễ cưới Hùng, Thi, buổi chiều thứ bảy hôm đó em thoáng thấy chàng từ một tiệm trà đường Tự Do ra. Chàng thoát dừng lại ngoài vỉa hè dáng như ngơ ngác khiến em động lòng rồi vô tình đi về phía em. Chẳng hiểu sức mạnh huyền bí nào đẩy em đi ngược chiều để gặp chàng mà không xuôi chiều như chính ra em phải đi. Nhưng chỉ đi được vài bước thì em lúng túng... em lúng túng quá... cho đến lúc chàng tới. Cũng may chàng ngẩng đầu nhận ra em ngay.

– Kìa chị Huyền.

Em dừng lại - em chỉ đợi có vậy - và chào chàng.

– Chị đi đâu lên đây thế?

Giọng chàng hỏi thực trang nhã và ân cần. Nhưng chỉ trang nhã và ân cần thế đâu có đủ với em? Em đáp:

– Tôi lên đây tìm mua mấy thứ nhưng không có anh ạ.

– Bây giờ chị về chứ?

– Dạ.

– Để tôi đưa chị về, xe tôi ở trước Tòa Thị sảnh, như vậy có tiện không ạ?

Biết nói thế nào? Em đáp liều:

– Dạ.

– Xin mời chị quay lại với tôi.

Em quay lại đi bên chàng dập dìu như một vật gì bình bồng từ ngoài khơi đương bị các lớp sóng tuần tự xô dần vào bờ.

– Tiệc cưới Hùng, Thi hôm nọ, chị nghĩ sao? - Chàng hỏi.

Em quên sao được tiệc cưới đó và em biết nói gì bây giờ? Em yên lặng.

Chàng tiếp:

– Vui đấy chứ chị?

Vui với chàng, đâu với em! Tuy nhiên em cũng đáp:

– Dạ vui!

Suy nghĩ một chút chàng hỏi (nghe chàng hỏi mà em lạnh người):

– Chị biết chị Linh?

– Dạ chị Linh là bạn thân với tôi từ thuở nhỏ.

– Chị Linh cũng học Văn khoa?

– Vâng, hết niên học này chị ra Cử nhân giáo khoa Anh văn. Trước đây chị đã sang Mỹ gần bảy tháng.

Em đã vào trong xe ngồi bên chàng. Khi xe bắt đầu chạy chàng hỏi:

– Tôi cũng nghe nói vậy, nhưng sao chỉ có gần bảy tháng?

– Dạ vì đây chỉ là lớp tu nghiệp. Chị Linh cùng các bạn đồng khóa thoát đến Austin theo học ở University of Texas ba tháng, rồi đi tiểu bang khác, hình như Rhode Island thì phải, để thăm các trường cùng quan sát cách thức dạy và công việc tổ chức lớp học của từng địa phương. Tuần lễ cuối cùng mọi người về Washington họp bàn tại cơ quan giáo dục nêu những nhận xét của mình và làm tờ trình.

Em chợt mỉm cười, khuôn mặt em chắc cũng vụt sáng và em tiếp:

– Sau đó mọi người được mười lăm ngày tự do, chị Linh dời Washington trên bờ Đại Tây Dương, ngày đêm lái xe vượt theo hướng Tây tới California trên bờ Thái Bình Dương để gặp anh Huy.

Chàng hỏi:

– Anh Huy nào thế chị?

– Anh Huy người yêu của chị Linh - em đáp bằng một giọng rất bình thản - anh Huy học ở trường Caltech tức California Institute of Technology.

– Một trường kỹ thuật?

– Vâng, anh Huy học về kỹ thuật hàng không và chuyên về phản lực cơ thì phải.

Em thấy chàng lái quanh sang lối khác vắng hơn nhưng đường về vì vậy xa hơn nhiều, rồi hỏi:

– Như vậy chị Linh phải thuê xe?

– Không Linh học kinh nghiệm của các bạn đã từng ở Mỹ về, sang tới đó chị xin thi lấy bằng lái xe khác có giá trị quốc tế rồi mua lại một chiếc Chevrolet du lịch cũ có ba trăm đô-la - gọi là cũ nhưng thực ra còn tốt chán. Rồi trong những khoảng thời gian ở Austin thủ phủ xứ Texas, hoặc khi sang tiểu bang Rhode Island, hoặc khi về Washington, hễ có thì giờ rảnh là chị kéo một lô bạn lên xe đi xem thành phố, rồi ra ngoại vi châu thành. Vào những ngày nghỉ cuối tuần chị tổ chức đi thăm các danh lam thắng cảnh ngay tiểu bang chị ở, hoặc các tiểu bang lân cận. Chị nói những bản đồ chỉ dẫn bán cho khách du lịch của họ rõ ràng lắm không thể lạc đường được.

Chàng đã cho xe chạy sang hướng khác tự lúc nào. Em làm như không chú ý và coi nó là một cuộc ngẫu nhiên đi chơi quanh thành phố. Chàng hỏi:

– Khi rời Washington đi California chắc chị Linh đi một mình ?

Em mỉm cười - chàng không biết - và đáp:

– Vâng, chị đi một mình. Ngày đi đêm nghỉ, có khi đi thêm một phần nửa đêm hôm trước, hoặc dậy sớm đi từ nửa đêm về sáng hôm sau, cứ như vậy xe chạy sáu ngày liền mới tới California. Chị đã vượt hơn ba ngàn dặm qua nhiều tiểu bang Kentucky, Missouri, Kansas, Colorado...

Em không quên kể một vài chi tiết mà em còn nhớ như có lần đêm khuya đường vắng tưởng không ai kiểm soát, Linh dận hết ga cho xe chạy vun vút nuốt đường thiên lý, lập tức có mô-tô của Cảnh sát công lộ rượt theo bắt dừng lại. Vì thấy Linh là phụ nữ, hơn nữa phụ nữ ngoại quốc nên họ không biên phạt, chỉ nhắc lại cho Linh hay dù đường vắng Linh cũng không nên cho tốc lực vượt mức tối đa hạn định. Khi xe Linh qua miền núi các tiểu bang

Colorado, Utah và Nevada ban đêm, thỉnh thoảng ánh pha rọi vào tấm biển có chữ ‘DIP’ báo trước một quãng đường lòng chảo. Linh khẽ dận chân phanh, xe lao xuống rồi chồm lên ngay với ánh đèn vút chéo như ánh mắt một con vật bất kham trong khi toàn lò xo xe nhún nhẩy hết mức. Chị ạ, tự nhiên trí em vụt sáng, em kể thật hấp dẫn, lúc đó chưa chắc tài kể chuyện của Linh đã ăn đứt em. Tại sao thế chị nhỉ? Chị cũng đừng hỏi tại sao các chi tiết tuần tự đến đầy đủ và linh động như vậy; những gì Linh kể một lần, những gì Linh kể nhiều lần, em cũng không rõ, chỉ biết lúc đó em y hệt một học sinh đọc xong đề thi rồi vận dụng hết khả năng ký ức để tự so sánh mà lượm lấy mọi tình tiết cần thiết. Em tiếp tục kể chuyện hai người gặp nhau ở Caltech, cùng nhau đi Los Angeles qua Hollywood. Tiện dịp nghỉ cuối tuần, Huy đưa Linh đi xuống một thành phố nhỏ miền Nam: El Paso, rồi qua cầu biên giới sang thành phố Juarez của Mễ Tây Cơ; ở đây vì thấy cuộc sống hỗn độn, nhất là bầu không khí ăn chơi phóng túng quá lộ liễu nên Linh đòi về ngay.

Vì kíp ngày Linh không thể cùng Huy trở lại California, hai người chia tay ở El Paso, Huy lên xe hỏa. Tới Washington gửi bán xe xong, Linh còn được nghỉ một ngày mới lên máy bay đi Paris và ở lại đó hai tuần trước khi về nước.

Suốt câu chuyện chàng chỉ lẳng lẳng nghe, thỉnh thoảng khẽ gật gù nhưng không hỏi lại một câu nào. Những lúc em ngừng nói chỉ còn thấy tiếng máy chạy đều đều, tới khi em kết thúc câu chuyện chàng mới thốt ra câu: “Chị Linh lái xe giỏi thật!” rồi cho xe theo đường gần nhất đưa em về nhà.

Chị ạ, sự thực em thuật lại y hệt lời Linh nhưng cố tình không kể đoạn cuối là năm tháng sau Linh nhận được thư Huy báo còn tiếp tục học ở Caltech chưa biết bao giờ về. Biết ý, Linh coi cuộc tình duyên đến đây là hết. Đạo đó nghe Linh thuật xong em có hỏi sao Linh không viết thư chất vấn cho tường tận. Linh cười hơi đượm vẻ chua chát và đáp:

– Hỏi lại làm gì hử Huyền? Tình yêu như hương của hoa không phải là thứ đi ăn xin mà có. Trong tình yêu một bên thiếu tự trọng thì cả mối tình đó chỉ còn là một thứ hoa hữu sắc vô hương chẳng còn gì cao quý nữa. Có thể còn lâu Huy mới về nước thật, nhưng điều chắc chắn là Huy đã có người yêu khác rồi. Hỏi mà làm gì, Huyền?

Thái độ của Linh thật cao đẹp, càng về sau này em càng thán phục thái độ đó, nhưng giờ đây ngồi bên chàng em tạm xóa nhòa hình ảnh Linh trong trí. Xe đã dừng hẳn trước nhà, em mở cửa bước ra tay còn vịn vào thành kính để cúi xuống nói với chàng.

Em nói:

– Rất cảm ơn anh đã đưa về. Hôm nay quá muộn mất rồi chắc anh không còn thì giờ rồi, hôm nào thông thả mời anh lại chơi.

Mọi khi nghe nói vậy thế nào chàng chẳng

đáp đùa vài lời nhưng lần này trái lại chàng cũng khách sáo như mọi người, tâm trí chàng hẳn còn bị hút vào những tình tiết em vừa kể.

Em buông tay khỏi thành xe nhưng cúi xuống nhắc một lần nữa:

– Gặp dịp thông thả thế nào cũng mời anh lại chơi. Ba mẹ tôi bao giờ cũng rất quý các bạn bè của con cái.

Rồi em lùi lên vĩa hè mỉm cười đứng nguyên chờ cho xe chàng đi. Em không vội vã vào ngay như lần trước, em cần để chàng ngắm em, ngắm riêng em lúc này vào đúng giây phút chàng tương đối điềm tĩnh hơn cả, chàng sẽ thấy riêng em đẹp hơn Linh chứ.

Quả nhiên chàng chú ý nhìn em lâu... Đến lượt chàng mỉm cười chào em lần cuối.

Xe ra đi. Bịn rịn.

VII.

Em mang máng biết rằng mình bắt đầu có ưu thế nhưng em không ngờ ưu thế sớm được cụ thể hóa: Ngay chiều hôm sau, em mặc áo cánh vô tình ngồi quay lưng ra cửa đường chăm chú mở tập báo tranh ảnh thì có tiếng đập khế trên cửa sắt gấp. Quay lại em nhận ra chàng và chiếc xe của chàng đỗ bên kia đường. Vài lời xã giao thường lệ trao đổi trong khi em vội vàng lúng túng mở cửa sắt. Khi đã bước vào, chàng vừa giúp em đóng cửa sắt lại, vừa mỉm cười hóm hỉnh giây lâu mới nói:

– Khi đóng cửa sắt tôi có cảm tưởng đóng một lồng chim.

Em cười tiếp:

– Anh nói đúng, nhà tôi đứng ở ngoài trông như một lồng chim vuông thật là vuông.

Chàng hơi cúi xuống.

– Trong đó nhốt một con chim xinh!

Em không dám nhìn chàng chỉ chớp mắt và cúi xuống thấp hơn.

Chàng tiếp:

– Điều lý thú là trong khi đóng lồng chim lại tôi đã tự ý nhốt thêm cả mình vào nữa.

Không ngờ chàng bước xa thế! Em vẫn im lặng nhưng ngược mắt nhìn chàng hơi mỉm cười để tỏ rằng em không hề phật ý. Em chưa kịp mời, chàng đã ngồi xuống, tay khẽ nâng một bông hồng hơi ngả ở bình hoa. Chắc là mãi đến dịp nói chuyện này chàng mới biết trên em

còn người anh cả đã ra bác sĩ từ lâu hiện ở Đà Lạt, còn chị hiện theo chồng ở Cần Thơ, dưới em còn hai em nhỏ một trai, một gái sắp đi học về. Chàng rất tiếc lần này đến thăm nhà mẹ lại đi vắng và ba lại đi thanh tra các trường Trung học lục tỉnh ít nhất hai tuần nữa mới về. (Sự thực mẹ lúc đó ở trong nhà, em biết tính mẹ ít thích tiếp người lạ nên phải nói là người đi vắng.)

Nói chuyện được một lúc khá lâu, chàng đứng dậy thân mật đi quanh phòng khách ngắm tủ sách, ngắm bức sơn dầu của họa sĩ Duy. Chàng dừng lại bên cửa sổ kéo tấm màn xanh và reo khẽ:

– Trời, khu vườn xinh chưa kia?

Em cũng nói rất thích khu vườn đó bởi lẽ giản dị khu vườn ở ngay sát cửa sổ nên chẳng khác gì khu vườn của nhà.

Chàng khen cây hoa ngâu lá nhỏ, khen cây

roi còn thấp như vậy mà đã sai quả, khen luống hoa hồng, khen giậu bìm bìm có những bông hoa tím, màu tím mà chàng rất ưa... Chàng bỗng kết luận:

– Thực ra khu vườn tự nó cũng chẳng có giá trị, khu vườn sở dĩ đẹp vì ở ngay bên nhà người đẹp.

Em táo bạo nhìn chàng rồi mới cúi xuống mỉm cười vì em nghĩ chàng quả là con cá đã cắn câu và đương tưng bừng lôi miết chiếc phao trên mặt hồ xôn xao gợn sóng.

Chàng xin phép em ra về. Sự thực em cũng muốn chàng ra về. Tâm hồn em yếu đuối lắm, hạnh phúc ủa dồn dập làm em hốt hoảng. Em còn đương mãi suy nghĩ như vậy thì đã tiễn chàng tới cửa. Chàng dừng lại và nói khẽ câu sau cùng:

– Một trong những bốn phận cao quý của người đàn bà là đẹp dịu dàng, tôi chưa thấy ai

làm đủ bốn phận đó bằng... Huyền.

Em mím miệng giữ nụ cười, lắc đầu nhưng không nói.

Em quay vào ngay, không nhìn theo chàng nữa.

Chị nhĩ nếu hôm trước em không gặp chàng từ tiệm trà đường Tự Do ra, nếu trong lúc đưa em về chàng không hỏi về Linh thì chắc chẳng bao giờ tự nhiên em nói về Linh và như vậy chắc chắn em mất chàng vĩnh viễn. Đó là do ngẫu nhiên có lẽ với Linh thì đúng! Hay do một run rủi tiền định, trời thương em hiền lành? Có lẽ với em, em nên nghĩ thế thì hơn chị nhĩ.

Tuy em luôn luôn tự nhủ em được quyền chiếm hữu chàng vì em gặp chàng trước tiên, nhưng dầu sao em vẫn thấy là mình có lỗi với Linh. Em đã kém thắng thắn trong cuộc tranh chấp này. Em không thêm ra, cũng không bố trí

lại thứ tự câu chuyện mà Linh đã tâm sự nhiều lần với em, nhưng em đã khôn ngoan - có thể gọi là khôn ngoan được không? - ngừng lại vào lúc rất nên ngừng để kịp thời dập ngay ngọn lửa yêu đương chàng mới nhóm với Linh, và khi xuống xe - bản tính thật hiền lành mà sao chỗ này em đã khôn ngoan đến tuyệt luân, đời người chỉ cần một lần khôn ngoan đúng lúc như vậy đủ nắm vững hạnh phúc chị ạ - em đã đứng nguyên chỗ cũ để hình ảnh duy nhất của em đi thẳng vào tim chàng, cho tới lúc xe chàng bịn rịn chuyển bánh. Ngọn lửa Linh vừa tắt, ngọn lửa em nhóm ngay, hơi ấm còn lại trong tim chàng về Linh chỉ khiến ngọn lửa mới về em càng chóng nồng đượm.

Nay ưu thế đã thực tế chênh hẳn về em, hồi tâm nghĩ lại em thấy rằng có lẽ mình đã hèn, có thể là hèn lắm chứ? Điều đáng quý ở Linh là tuy đã từng đau đớn vì bị người tình phụ nhưng khi nhìn đời, giao thiệp với đời Linh không hẹp hòi nhuộm cả vạn sự qua màu sắc mối tình vỡ lở của mình. Trong thâm tâm, Linh

buồn thành thực, nhưng bề ngoài Linh cũng vui thành thực, buồn vui lẫn lộn cùng thành thực như nhau và có lẽ vì giữ kín cái buồn bên trong nên vẻ vui bên ngoài càng quyến rũ với một mãnh lực khó tả. Thực hiếm có một tâm hồn phức tạp một cách đáng yêu như Linh, người bạn của em, người bạn tự thời thơ ấu, người bạn mà khi xa nhau em đã nằm quay vào tường nhắm mắt lại để thấy rằng mình cô đơn rồi khóc òa trên vai mẹ. Và về phần Linh, Linh đã úp mặt vào thành ghế tấm tức khóc suốt từ Hà Nội vào Thanh Hóa. Nhưng rồi em nghĩ xuê xoa, em tự nhắc thầm một lần nữa. Em đã gặp chàng đầu tiên, em gặp chàng trước Linh. Vả với sắc đẹp của Linh, với vẻ quyến rũ của Linh, lúc nào bên lề cuộc đời Linh chẳng thường trực có biết bao kẻ xô tới quỳ dâng hạnh phúc. Quỳ dâng hạnh phúc! Phải hạnh phúc! Ờ mà đã chắc đâu em nắm được hạnh phúc? Hãy tưởng tượng từ biệt em xong ra khỏi đầu phố chàng gặp Linh. Đã từng ân cần lịch thiệp với em, ai cấm chàng không sẵn sàng ân cần lịch thiệp với người khác, nhất người khác đó lại

là Linh? Chàng dừng xe chào và mời Linh lên. Chị ơi, hai người đó mà lại ngồi bên nhau có ai cần phải gọi chuyện ai đâu! Họ giỡn lời, họ giỡn chữ, kẻ này tung, người kia hứng, cách họ nói chuyện lão luyện như đùa. Ai cấm họ dừng xe trước cửa hiệu hoa quả? Lại những trái táo xanh mơn, những chùm nho đỏ mọng. Nếu ưu thế đã dễ dàng được thì ưu thế cũng dễ dàng mất. Có gì bảo đảm cho em chiều nay chàng không gặp Linh? Có gì bảo đảm cho em mai hoặc một chàng không gặp Linh? Có gì bảo đảm chàng sẽ trở lại thăm em một ngày gần nhất? Em đã bắt được hạnh phúc đâu? Chưa, em chưa bắt được hạnh phúc chị ạ.

VIII.

Em chưa bắt được hạnh phúc! Em chưa phải hối hận đã kém thắng thắn với Linh. Nếu hành động lại có lẽ em còn em thắng thắn hơn thế nữa.

“Con trai như con tàu khao khát đường thiên lý, mỗi hình bóng đẹp mình gặp là một nhà ga, có lẽ nhà ga nào cũng là một hình ảnh đẹp của nghỉ ngơi, nhưng không vì thế mà con tàu quên đi để lại được dịp đỗ ở một nhà ga khác.”

Em tưởng đã quên ngay lời nói đó, đến nay

thì nó vang lên dần vặt hơn bao giờ hết. Em chưa bắt được hạnh phúc chị ạ.

Hai ngày bốn chồn qua đi... Ngày nào đến Đại học em cũng chú ý tìm gặp Linh, những không gặp! Chẳng hiểu là chệch giờ hay Linh nghỉ vì có hẹn với chàng. Trưa hôm đó ở trường về u già ra mở cửa cho em và nói:

– Có ông nào vừa lúc nãy tới hỏi cô rồi để danh thiếp lại.

Đó là tấm danh thiếp của chàng với mấy dòng chữ viết ngả (lần đầu tiên em đọc chữ chàng):

Chị Huyền,

Tôi tới thăm mà chị chưa về. Không sao, chiều nay xin lại đến. Hồi sáu giờ, chị Huyền nhé.

Thân.

Sáu giờ! Đúng giờ em phải có mặt tại nhà cậu Cả ở tận cuối đường Phan Đình Phùng, gần khu Bàn Cờ để tiếp khách, giúp cậu mợ trong dịp ăn hỏi chị Khang. (Me đã phải đến với cậu, mợ từ sáng sớm rồi.) Em sẽ đến muộn chút ít. Em được dịp trang điểm. Như vậy em vừa đẹp quyến rũ lên bội phần và vẫn kín đáo cho chàng hay em nhũn nhặn, chỉ trường hợp đích đáng em mới trang điểm như thế. Màu Bruyère N°58 em thoa lên má tự nhiên như chính màu má em ửng hồng, nhưng màu Rose Camélia em tô lên môi tươi thật là tươi.

Quả nhiên chàng đến đúng giờ, em đã mặc áo dài, chiếc áo màu dịu dàng nhất của em. Em làm ra vẻ vội vã mở cửa... “lồng chim”. Vừa mở cửa em vừa nói lý do vì sao em ăn mặc tế nhị như thế, nhưng em khuyên chàng cứ ngồi chơi, bởi tới bảy giờ em mới có mặt ở nhà cậu mợ cũng vừa. Chàng bước vào... “lồng chim” để cùng em thành đôi uyên ương, chính tay em phải đóng cửa lại. Chàng đứng sững trước mặt em... Trời, lần này trông chàng đứng sững vậy

em mới yên chí chị ạ, em thật yên chí là từ nay em không thể mất chàng nữa. Em quả có lỗi với Linh! Em quả đã không thẳng thắn trong cuộc tranh chấp này, mặc dầu Linh không hề biết một chút gì về chỗ em không thẳng thắn nhưng em cũng thầm cầu khẩn Linh tha lỗi cho em. Em xin lỗi Linh, em xin lỗi cả em nữa. Linh hãy nhường chàng cho em. Em sợ cô độc lắm rồi, em yếu đuối quá, mất chàng e rằng em sẽ cô độc vĩnh viễn mất.

Em mời chàng ngồi chàng mới ngồi. Em chỉ cho chàng những bông hồng em mới thay ở bình vừa tầm tay chàng với. Chàng cười và ngắm theo. Em có cảm tưởng em làm chủ cuộc đàm thoại, lần này chính em là người dẫn dắt cuộc đàm thoại. Chúng em vẫn nói chuyện nhưng vờ lơ đãng nhìn về phía khác vì em biết chàng không hề rời mắt ngắm em. Rồi chàng đứng dậy đi về phía cửa sổ. Em biết chàng ra ngắm khu vườn bên kia. Chàng khẽ gạt tấm màn xanh, em tiến lại. Chàng nhìn sang, vẻ chăm chú đấy mà sự thực chàng nhận thấy gì

đâu, em biết thế, chàng còn tâm địa nào mà nhận thức màu này sắc nọ! Chàng bỗng quay lại nhìn em, vẻ mặt trang trọng một cách vừa đau khổ vừa... buồn cười, rồi tiến vội lên nắm lấy tay em. Em hốt hoảng gỡ tay ra một cách yếu ớt, em nói, giọng bối rối lắm, em biết, nhưng không vì thế mà kém phần cương quyết. Em quên lời em nói rồi, nhưng đại ý em xin chàng đừng làm thế em sợ lắm, em không thể chiều chàng trừ khi chàng quyết định hỏi em làm vợ. Chàng đáp ngay bằng giọng hời hả rằng chính vì vậy mà chiều nay chàng đến báo với em là thứ Bảy tuần sau chú thím chàng sẽ đến hầu chuyện với ba mẹ, nhưng chàng cần hỏi ý kiến em trước. Chị có thấy không chàng chưa kịp hỏi, em đã lỡ nói mất rồi! Chàng ôm em, ôm chặt lắm. Giả sử chàng buông em ngay lúc ấy thì em chẳng thể đứng vững được. Chàng cúi xuống... chàng hôn em... Hình như em đã chờ phút này tự kiếp nào, tự bao nhiêu kiếp trước, xa lắm mà cũng gần lắm chị ạ. Em không chàng hôn em bao lâu - khoảng đó làm gì có thời gian mà đo? - chỉ biết khi mỗi chàng rời khỏi môi

em, em đã đứng vững được mặc dầu em còn ở gọn trong tay chàng. Không những em đứng vững được em còn rất tỉnh táo để cười và nói khê: “Trời ơi, anh làm lột cả môi em.”

Chàng cũng đáp rất khê: “Nhưng tình chúng ta thăm lại!”

Bao giờ chàng cũng trả lời nhanh như vậy. Chàng buông em ra – làm sao chàng vội buông em ra?

– Anh về em nhé, - Tiếng chàng thoảng bên tai em.

– Sau cuộc gặp gỡ chiều thứ Bảy giữa chú thím và ba mẹ (chàng gọi ngay là ba mẹ cho gần gũi tự bây giờ, chị ạ) anh sẽ đến thăm em luôn và cùng em đi chơi phố.

Rồi chàng vội vã tự mở cửa, tự khép cửa, hấp tấp ra xe... (Em biết chính chàng cũng cảm động nhiều.)

Em đứng nguyên chỗ cũ. Không nằm trên giường mà sao như đương ngủ thấp thỏm, từng mảnh mộng đẹp rơi tả tả như những cánh hoa rời chưa hóa thành bướm. Bức màn của chàng kéo để nhìn sang khu vườn bên kia còn lệch lạc. Một cành lá xanh rung động... một nhánh hồng thấp thoáng nghiêng... khu vườn càng đẹp khi nhìn qua màn cửa lệch lạc... hình như mái tóc em cũng xô lệch... hình như cả tâm hồn em cùng xô lệch... Giờ đây môi em còn bóng rẫy môi chàng...

Em thắng cuộc thật ư hử chị?! ... Em thắng cuộc thật ư hử chị?!

DOÃN QUỐC SỸ

MÊNH MANG

Chiều mưa vừa mới tạnh

Bãi cỏ lên màu xanh

Đôi tình nhân âu yếm

Nắng vàng, nắng vàng hanh

Dòng sông dâng đầy nước

Kẽ đá bóng sạch trơn

Không nghĩ mình Hà Nội

Gió mát như đây hôn

Buổi sáng ra nghĩa địa

Tìm thấy lòng bơ vơ

Thương bạn bè xa khuất

Cúi đầu đi, âu lo

Làm thi sĩ rất buồn

Và hôm nay buồn hơn

Những người đi ngoài lộ

Tháng ngày như cô đơn

Nắng bên kia bờ sông

Cánh bướm vui chấp chới

Cuộc đời không đi xuôi

Biết đâu mà chờ đợi.

VỜI VỢI

Buổi trưa không xúc cảm

Tôi ngủ và chiêm bao

Cuộc đời như độc ác

Lửa cháy dăng tàn bạo

Đêm trăng thật hiền từ

Người yêu quên hò hẹn

Một mình bước lang thang

Bóng cây thành bạn quen

Người ta đi thân mật

Một mình tối cô đơn

Đêm khuya và bóng tối

Giấc mơ ngợp đầy hôn

Tĩnh giấc nằng vào giường

Bơ vơ ra thư viện

Quyển sách nhiều quê hương

Nhức đầu như chinh chiến

Quyển sách không tri kỷ

Hàng cây sầu héo hon

Nắng lên buồn thi sĩ

Đơn côi về phố phường

Áo ai mầu sương khói

Buổi chiều hè phố đông

Tháng năm ôi Hà Nội

Người ngày cũ xa xăm

VƯƠNG TÂN

ANH

Tôi gọi là Anh

Vì Anh đã chết

Như mới hôm qua

Anh chết yên lành tại nhà thương thí

– nơi hằng mong ước của nhiều cuộc đời

chúng ta đều chết ở nhiều nơi mang chung ý nghĩa một nhà thương thí

Tôi không muốn nghĩ đến bệnh lao

vải liệm bát cơm quả trứng

phút cuối không người ruột thịt

chẳng đối dăng

kẻ vuốt mắt là ai xa lạ

Sẽ không xứng đáng với Anh

*Anh đón chờ những thứ ấy như người tín đồ
công giáo cầu nguyện Chúa*

Như nhà sư niệm Phật

Anh mãi nguyện qua đời

như kẻ độc hành vượt xong sa mạc

Trước đây Anh đã chết dần mòn

nôn mửa vào tháng ngày trong ba mươi năm

thở đủ thứ vi trùng

trần truồng đến có ăn cắp cũng không còn tội

Chúng nó ăn cướp của Anh

áo cơm

tự do

đến cả khí trời cũng không vừa ngực

*Anh chết như Vũ Trọng Phụng người anh đi
trước*

viết tác phẩm cuối cùng trả nợ cho đời

với ước mong nhỏ mọn

sống được ăn cơm

Anh chết như người bạn trẻ nào đang hấp hối

(dĩ nhiên cũng trong nhà thương thí

và một căn bệnh như Anh)...

khi mới rồi tập bản thảo đầu tay

*yêu năm bảy người con gái mà chưa có ai là tình
nhân*

tự nguyện làm con thiêu thân

khi chưa đầy hai mươi tuổi

Anh chết tác phẩm không hề in

mong được đăng từng bài thơ

trên trang báo của người quen biết

Anh chết túi không 1\$

khi lũ bạn có tiền

trong số có tôi

và như vậy rất humain

Tôi chỉ nghĩ đến Anh khi bắt đầu họ đêm nay

tôi không mắc bệnh lao

nhưng Saigon đã mùa mưa

146 | Sáng Tạo số 24 _ 9.1958

gian nhà trống áo không đủ ấm

Tôi nghĩ đến Anh

khi người ta chết vì nhiều thứ ở trên đời

Anh đã được là Anh

*nên Anh không hiểu chúng tôi những người đang
sống*

TRẦN LÊ NGUYỄN

MÙA XUÂN XA

Nắng hanh lên đuôi lạnh

Một chút xanh loang trời

Mùa xuân nơi đất khách

Ấm mấy cũng nao người

Chân bước mắt đắm chiều

Nhớ thương về ướm hỏi

Buồn lan trên lối phố

Gió thoảng vương tình quê.

Lỡ một ngày vui

Dằng dặc đường dài

Chí lớn ướm đài hoa

Bao giờ đơm trái lạ

148 | Sáng Tạo số 24 _ 9.1958

Những hoa dại hát rừng

Sương nâng chân hoàng anh

Đi trên màu xanh vắng

Nắng nhớ thuở song hành

Và ta hát một mình ta

Những đêm dài thăm thẳm

Và ta làm một bài ca

Bằng muôn ngày cay đắng

Ôi quê hương!

Paris 1968

VŨ NGUYỄN

NHỮNG Ý NGHĨ VÀO BUỔI CHIỀU BÃI BIỂN

Tôi đi trên bãi cát

Với giấc ngủ trong lòng

Hoàng hôn bị xử trảm

Máu bết vào không trung

Biển hàm tiếu lả tả

Từng cánh sóng mênh mang

Cõi đời cao lớn thế

Người vừa kích thước chẳng

Tôi đi không để vết

Bãi cát còn tiết trinh

Xuân thì đâu mất dạng

Bọt bèo thật mỏng manh

Vậy mà tôi bước mãi

Sóng bao giờ mới thôi

Tôi van lơn biển cả

Linh hồn quỳ chấp tay

Biển ời dù rộng lượng

Thôi cũng đừng bao la

Hãy thả tôi về với

Giải đất liền hào hoa

Tôi dùng chân chơi với

Chết đuối vào không gian

Trời cầm lòng chẳng đậu

Bưng mặt trong màu đêm

Hà Tiên 6-54

TÔ THÙY YÊN

CAO BÁ QUÁT

VIỆT TỬ

NGHIỄ đến Cao Bá Quát, tôi không thể quên được hai câu thơ của Ngô Thì Sĩ tể Nguyễn Bình Khiêm:

Ta hồ Tào vật tối vô tình,

Thực sự thánh hiền đa bất ngộ.

(Thương thay trời đất vô tình thế,

Biết bao thánh hiền xuất thế không gặp thời.)

Ngô Thì Sĩ thương tiếc Nguyễn Bình Khiêm, tiếc một đời tài hoa tuyệt đích đã bị bỏ

qua. Ông cũng thương cho ông, cho anh ông là Ngô Thời Nhiệm, tất cả dòng dõi những người tài cao mà không khuất phục được thời thế.

Có phải Á-đông quan niệm thời thế tạo anh hùng không? Nếu ở Tây phương, sau những chủ trương của Thomas Carlyle và Tolstoi, người ta đã chiết trung, thời thế và anh hùng là hai yếu tố cần thiết và hỗ tương cho một đạt-nhân, thì trái lại ở Đông-phương, vấn đề có nhiều khía cạnh đặc biệt. Cái học của Đông phương soi tỏ được tương lai, Thánh nhân Đông phương thuận theo lẽ trời tức trật tự thiên nhiên mà hành động. Họ không hành động vô ý thức, luôn luôn ngóng đợi hội rồng mây. Họ chờ đợi thời cơ dù biết rằng tài mình có thể vượt mọi trở ngại. Trường hợp Khổng Minh là một điển hình. Khổng Minh biết rằng triều đại nhà Hán chấm dứt, thiên hạ bị loạn nên đành ở ẩn trên núi Ngọa-long. Thiên mệnh đã định, thì cái thế cũng chỉ giữ được cho Lưu Bị một ngai vàng lung lay. Nhưng rồi Khổng Minh đã phải bắt đắc dĩ giúp họ Lưu. Người xưa thường sống vì

tha. Tam cổ thảo lư của Lưu Bị là cái dây trói buộc Khổng Minh. Đời Khổng Minh lại một lần nữa chứng minh rằng thánh hiền đa bất ngộ. Phải chăng họ ra đời như cái hoa thơm, ngọn đuốc sáng, đứng trên loài người để nhắc nhở con đường hướng thượng. Họ là hương thơm lấp liếm ô trọc của trần gian. Những người đó như La-sơn phu-tử, tài đức tuyệt luân có thể tạo được thời thế nhưng không bao giờ họ làm. Cũng có thể vì tâm linh vượt ra ngoài thời không gian, họ thoáng thấy kết quả của tội ác và chân ý nghĩa của cuộc đời nên ngại ngùng không muốn “vạn cốt khô” như trường hợp Tuyết giang phu tử. Một đôi khi họ đành lòng hành động vì lòng tri âm. Nhiệt tâm thành khẩn của người khác thay đổi thái độ của họ. Nhiệt thành có thể cảm thấu và biến đổi lẽ huyền vi của Tạo vật. Đây là trường hợp của Khổng Minh.

Chúng tôi phải dài dòng về lẽ xuất xứ vì có thấu đáo những chủ trương ấy ta mới hiểu nổi Cao Bá Quát. Cao Bá Quát không để lại dấu

tích gì tỏ tài kinh bang tế thế, song nếu phân tích kỹ lưỡng học thuật xưa, chúng ta phải nhận họ Cao có đủ tài năng đó. Học thuật xưa gồm toàn bộ nho, y, lý, số, đủ bách gia chư tử, binh thư chính trị, khả dĩ:

Trong lãng miếu ra tài lương đồng,

Ngoài biên thùi rạch mũi can tương.

Một người như họ Cao, thông minh xuất chúng lại ở một gia đình mấy đời hay chữ, đắm mình trong sách vở, không thể bỏ một môn nào. Trình độ hiểu biết của ông đến đâu thì thật khó biết. Dĩ nhiên, ông chưa thể đạt tới mức tuyệt đối của Trạng Trình, Khổng Minh, vì không có di tích nào chứng minh. Nhưng bảo rằng ông là người học tầm thường chưa đạt lý xuất sử cũng thiếu bằng cứ. Việc thành bại chưa đủ để luận anh hùng chi cuộc Mỹ Lương hiện chưa có tài liệu xác đáng và rõ rệt. Nhưng nhất định ông không phải là một cuồng sĩ hành động điên rồ hay bất đắc chí, vì

danh lợi mà nổi loạn. Phê bình như thế vừa thiếu sót thô thiển vừa vô ý thức thóa mạ tổ tiên.

Chúng tôi thường quan niệm rằng: muốn hiểu một người phải đặt họ vào khung cảnh thời không gian, hiểu một người là nhận xét qua hành vi động tác của người ấy, qua những tư tưởng thâm kín gửi gắm ở một vài tác phẩm thơ văn. Hiểu người nghĩa là cảm giác như người, đặt mình vào hoàn cảnh người với mức độ trí thức của người. Chúng ta đã thiếu hoàn cảnh xưa, thiếu nếp sống xưa lại không ngang bằng về trí thức nên khó lòng cởi mở những u ẩn của một linh hồn siêu việt. Chúng ta dễ dàng rơi vào hai thái cực: hoặc quá kiêu nịnh, hoặc thóa mạ tổ tiên.

Người xưa để lại cho ta những vốn liếng tinh thần bất diệt đòi ở chúng ta một công phu nghiền ngẫm, phân tích để hiểu họ. Gió Âu một ngày một quét dần những vết tích xưa nên chúng tôi mạn phép trình bày ở đây danh sách

những sách vở gối đầu của nhân tài Việt.

Nói đến sách thời xưa, người ta nghĩ ngay đến sách Tàu. Những cuộc “phần thư thanh nho” của Hán-Đường-Minh ở đất ta đã gần như quét sạch mọi tác phẩm Việt. Sách nào có đủ và người Việt cố nhiên phải học hết, nhưng sau âm u của lũy tre, người dân còn dấu diếm không biết bao nhiêu truyện lạ. Dã tâm của Tàu thường lùi bước trước thông minh của Việt. Một số tác phẩm của ta còn tồn tại, được gìn giữ như những kho tàng kín đáo. Những gia đình cự học như gia đình họ Cao có thể chép được rất nhiều sách trước tác của người Việt.

Tác giả bài này, trước nguy cơ phần thư của Việt minh khoảng 1945-46 đi thu thập sách xưa đã hết sức ngạc nhiên khi tìm thấy những cuốn “Thái ất thần kinh” dịch nôm của cụ Trạng Trình, những thiên “Du nỗ” là những phương pháp dùng binh do người Việt viết. Chỉ sau khi đã có được những sách quý báu

ấy, chúng tôi mới thêm khâm phục người xưa. Những tác phẩm của ông cha ta không phải chỉ có mấy cuốn truyện văn chương. Sách triết lý và chính trị không phải ít. Tuy rằng tư tưởng cốt yếu không ra ngoài Nho giáo, nhưng các cụ đã biến hóa để áp dụng vào mỗi thời đại mỗi hoàn cảnh. Tổ tiên ta không phải không nghĩ đến khoa học. Sách thiên văn của Tào đã được điều chỉnh trong bộ Quán-khuy. Nhiều vị - tướng lãnh viết lại những kinh nghiệm của mình, những học giả chú thích thêm vào sách Tào. Bộ Kinh Dịch có rất nhiều bản do người Việt chú thích, tiếc rằng ngày nay bị tan nát mất nhiều. Sách vở lại không được phổ thông vì thiếu phương tiện ấn loát. Nhưng thường một gia đình đã có hai ba đời khoa mục phải tập trung được một số tác phẩm của danh nho. Phần ngoại thư cũng được sĩ tử chú ý lắm, nhưng thường các cụ giấu cái học trong thái độ kín đáo dè dặt, thỏa mãn trong sự cảm thông hoàn toàn với tạo vật.

Chúng ta cũng không nên quên tính tình

và tâm lý người xưa. Khi người ta sống trong không khí đạo lý “thà ăn cơm hầm uống nước lã” còn hơn hành động trái lương tâm, lấy giải thoát tâm hồn làm mục đích, không cầu kỳ ở xa xỉ hoặc an-thích-phẩm, luôn luôn giữ tâm trong như gương sáng thì ta không thể áp dụng lý thuyết ức chế của Freud để phân tâm lý. Có một người bạn nói với tôi rằng: “người xưa bất cứ làm việc gì cũng đặt vào một chút ít chất nghệ sĩ”. Nếu ta hiểu nghệ sĩ là người lấy “gió mát trăng thanh thích thú” luôn luôn hòa mình vào thiên nhiên, cố giữ cho tâm hồn bình thản, điều hòa trí và tình, thoát vòng danh lợi tầm thường thì ta nhận các cụ ta khi làm điều gì quả có tô điểm thêm bằng chút ít chất nghệ sĩ. Lê Văn Siêu đã nhận xét đúng khi ông viết trong cuốn Văn minh Việt nam: “Ta không thể lấy tâm trạng người ăn thịt để hiểu tiềm thức kẻ ăn rau”.

Những nguyên tắc ấy đã đặt định, ta thử cố gắng tìm hiểu một phần nào tâm hồn của Cao Bá Quát. Có ai phân tích được mùi hương, một

mùi hương thô sơ muốn phân tích còn khó khăn thay nữa là mùi thơm cao đẳng của một bộ óc siêu việt. Chúng tôi nhận tài thô thiển của mình, chỉ ước mong rằng lòng chí thành sẽ dun dủi cho cảm thông với người xưa, để những lời viết ra không đến nỗi quá lảm lặc.

THỜI ĐẠI CỦA CAO BÁ QUÁT

Đỗ hương thi năm 1831, Cao Bá Quát sinh ra trước sau năm 1802. Tuy rằng không có bằng chứng cụ thể nhưng ta thử đặt định thời đại họ Cao từ 1802-1854. Đây là một thời đại giả ổn định kể theo một thời kỳ đảo lộn. Tính cách các cuộc đảo lộn tùy theo mỗi nước mà sai biệt, nhưng trên đại cương mọi biến chuyển đều ăn khớp làm cho người suy nghĩ phải sửng sốt. Bên Âu châu, đảo lộn dẫn đầu bằng cuộc đại cách mệnh Pháp, bên Mỹ có cuộc chiến đấu tranh thủ độc lập, Tuyên ngôn nhân quyền, thành lập chế độ Dân chủ. Á đông ghi dấu cuộc quật khởi của người Việt với những chính sách tân kỳ của Quang Trung.

Loài người như cùng rung động một nhịp. Âu châu tạm ổn định từ 1815, Mỹ châu từ 1783, Việt Nam từ 1802. Sau một thời đại, tinh hoa nảy nở rồi rào, nhân loại gắng sức mãnh liệt với những anh hùng cái thế, tiếp đến thời kỳ nhân loại mỗi mệt, chìm đắm trong hôn thụy. Riêng thanh niên như còn văng vẳng bên tai những cảnh chiến trường hùng vĩ, như thấm nhuần những gương tuần tiết chói lọi, gương cái thế anh hùng, kinh luân tuyệt địch, chí khí tuyệt vời.

Riêng ở đất Việt, gương trí và tính hòa hợp lại như thúc đẩy mỗi người trai tìm thấy ở mạo hiểm hành động một chất say sưa thỏa mãn cả dục vọng, quyền năng và ái tình. Quang Trung với Ngọc Hân là một bài ca tình yêu cao quý mà mê đắm. Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân là một bức họa nghiêm trang, anh dũng nhưng thấm thiết. Đến như Phạm Thái, Quỳnh Như thì đủ cả nghĩa khí anh hùng, thơ mộng lãng mạn. Dù sau năm 1802 đất nước thống nhất, tình thế tạm ổn định, nhưng người trai Việt

nào không mơ một thanh gươm Phạm Thái, tài thơ Chiêu Lý, một công việc mạo hiểm phò Lê để rồi được gặp một Quỳnh Như diễm lệ. Có lẽ chính giấc mơ ấy đã khiến Nguyễn Du viết Kiều, cho Kiều gặp Từ Hải. Sau này cũng giấc mơ ấy nung nấu Nguyễn Công Trứ vừa:

Kinh luân khởi tâm thượng. Binh giáp tàng hung trung.

Vừa:

Sầu đâu lấp cả vòm trời,

Biết chẳng, chẳng biết hỡi người tình chung.

Đó cũng là nguyên nhân thúc đẩy Cao Bá Quát, một tay muốn “xoay bạch ốc lại lâu đài” mà lòng lại lo lắng “giai nhân nan tái đắc”. Đông phương và Tây phương khác nhau ở chỗ ấy. Cùng trải qua một thời nhiễu nhương, đến một thời tạm ổn định, mà những nhà thơ lãng mạn, dù có làm chính trị như Lamartine, Vic-

tor Hugo cũng chỉ có một thứ sầu dằng dặc, một thứ thất vọng ê chề, đau khổ cay chua. Họ không thiếu gương anh dũng nhưng họ thiếu Ngọc Hân, Thị Xuân và Quỳnh Như nên trí với tình của họ xa lắc lơ, không có sự điều hòa hợp nhất. Napoléon đã gặp một Joséphine tính toán, một Marie-Louise bạc bẽo, kiêu ngạo. Marie Leezinska là một bông hoa tươi thắm, nhưng nàng là người Ba lan và Napoléon thô kệch không hiểu nổi ý nhị của một tâm hồn tế nhị.

Ta lại không nên quên gương anh dũng, chí phục hưng Bách Việt mở đầu bằng chính sách tân kỳ và mưu toan xâm chiếm Quảng Đông Quảng Tây của Quang Trung còn in trong trí óc mọi người, thỏa mãn lòng tự cao và ý chí quyền năng của mỗi thanh niên cũng như đã cởi mở nguồn sống u ẩn ở thâm tâm người Việt. Cao Bá Quát sống trong hoàn cảnh ấy, đụng chạm với cả một thế hệ những người bất mãn, bất mãn về chính sách nhà Nguyễn, vì nhớ nhà Lê, tiếc cái huy hoàng của Tây Sơn,

không thể không chịu ảnh hưởng sâu sắc.

Trong lũy tre Bắc Việt thường ấp ủ mầm mống bảo thủ và công phần: bảo thủ đến quá chấp những cảnh huy hoàng xưa, công phần vì Nguyễn Ánh nếu đủ đức tính kiên nhẫn để phục thù thì trái lại, thiếu tài trị quốc an dân. Người Bắc Việt không lúc nào chịu nhận vua Nguyễn xưng bậc thiên tử. Nhà Nguyễn chưa có võ công chống ngoại xâm. Những hành vi trả thù nhỏ nhen của quan lại Nguyễn như đổ dầu vào đám cháy. Sang thời Minh Mạng, những thiên tai dồn dập được coi như những bằng chứng hiển nhiên, vì người dân thường tin rằng trong thời Thánh quân trị quốc giới làm mưa thuận gió hòa. Trong cái là tức tối bất mãn ấy, nung nấu một chí khí phi thường, mơ màng những cuộc viễn chinh oanh liệt. Bờ cõi mở rộng đến Cà Mau, những cuộc thắng trận liên tiếp đặt đó hộ ở Cao Mên, Lào là những luồng gió mạnh thổi vào lòng tự kiêu của người Việt Không kể khuynh hướng cổ truyền “ẩn tàng nơi bồng tẩu”, sĩ phu đời Gia Long, Minh

Mạng có thể chia làm hai phái đều ngấm ngấm muốn làm truyện phi thường với cốt cách tài tử, hoặc bằng cách hợp tác với vua Nguyễn, hoặc bằng cách đi dạy học đời Thánh nhân. Đại diện cho phái thứ nhất có thể kể Nguyễn Công trứ. Phái thứ hai gồm rất nhiều những vô danh, khó lòng biết hết nhưng ta có thể tạm kể Cao bá Quát, nghề Tân, Nguyễn Văn Giai v. v...

QUÊ HƯƠNG VÀ DÒNG HỌ

Cao Bá Quát ở Phú-thị, bên quốc lộ đường đi sứ sang Tàu, trung tâm quý địa của nước Việt, phía bắc là đất Đình Bảng, Cổ Bi; phía nam là Thăng Long; phía tây là Cổ Loa với làng Gióng. Ở đất ấy, người ta ngửi mùi đế vương, sống trong không khí vương giả, nghe tiếng chuông ngân vang của nhà Lý, thồn thức với giọng quan họ, dò đưa lằng lằng trong mùi hương ngát của gạo tám soan, mơ mộng với ngòi sông Thiên Đức, bắn khoán với đất Bồ đề, lịm vào huyền ảo với truyện Thánh Gióng, Tản Viên. Đất sinh người. Người hấp thu được

bao nhiêu tinh hoa kết đọng từ bao nhiêu đời, tự hun đúc thành những thiên tài trác tuyệt. Địa linh, nhân kiệt, hình như đó là một nhận xét thường được chứng minh. Nhờ tú khí nên Phú-thị có một thổ sản đặc biệt: cây đay. Cũng là đay, nhưng đay Phú-thị tơ dài, bền, rộng, dày. Thổ ngơi đặc biệt ấy đã nung đúc một họ Cao. Ngay từ Hậu Lê, họ Cao vẫn là một cự tộc, nổi đời khoa hoạn. Đã có một cây vượt bậc: Cao Bá Hiên làm đến Binh bộ thượng thư ở triều Lê, kiêm chức Tham tụng ở Phủ Chúa. Rồi đến Cao Cửu Chiếu lĩnh giáo chức ở Gia Bình:

Ngôi Đúc thủy khai giòng kinh sử,

Phủ Cao dương treo chữ tấn thân.

Dối đời khoa bảng xuất thân,

Trăm năm lấy chữ thanh cần làm bia.

Họ Cao đã sinh sản ra những người làm quan liêm khiết, vừa có tiếng văn chương

vừa nêu gương đạo đức. Có lẽ cũng vì truyền thống đạo đức thánh hiền “trung thân bất sự nhị quân” nên thân sinh Cao Bá Quát, gặp buổi loạn lạc cuối Lê không ra thì cử, sống đời ẩn sĩ vui thú với môn đồ. Tú khí đã kết đọng, tinh hoa súc tích gạn lọc qua bao thế hệ để thúc kết thành một bọc sinh đôi: Bá Đạt và Bá Quát. Cả hai đều tuần vĩ hơn người. Dù điếm đạm, nhũn nhặn ông đồ Cao cũng không khỏi nhếch một nụ cười đắc ý, hãnh diện: “Hai đứa con ấy, có thể nối noi được tiên nghiệp của nhà họ Cao”. Dĩ nhiên là ông chăm chút cho con ông ăn học. Hai người đều xứng đáng với ước vọng của ông. Mới 14 tuổi, Bá Quát và Bá Đạt đều đã làm đủ mọi thể văn.

CAO BÁ QUÁT

Nhưng cha mẹ sinh con, trời sinh tính. Yên chí rằng “văn tức người”, ông đồ Cao vui vẻ nhận thấy Bá Đạt có thể tuần tự nối noi gia phong, trong khi Bá Quát dù “gieo châu ném vàng” nhưng chí khí ngang tàng, phóng dật lộ

lộ. Ông đã nhiều lần phải thốt ra miệng: “Văn của Bá Đạt hơn về khuôn phép nhưng kém về tài tử; văn của Bá Quát hơn về tài tử nhưng kém về khuôn phép. Dem cái tài tử của Bá Quát hợp với cái khuôn phép của Bà Đạt, sẽ có thể trở nên một cái văn tài hoàn toàn”.

Đó là một câu khen cũng là một câu chê, nhất là lo lắng. Ông lo lắng rất có lý. Ngòi bút của Bá Quát lồng lộng với mây xanh, rạt rào với sóng lớn, và và với mưa bão không thể uốn rập theo khuôn khổ, mà trường quy thời ấy nặng nề biết bao. Đã thế, Bá Quát mỗi ngày lại tăng thêm khí kiêu, những tự ví mình với thần tiên “nào kiếp Chủ Đồng đầu tá, chớ hoài chén ngọc để trần ai”, những muốn làm việc động trời “xoay bạch ốc lại lâu đài”. Sinh con ai nữ sinh lòng, ông đồ họ Cao thường chỉ âm thầm lo lắng. Đã có những bạn thơ tuy già cả nhưng cố chấp và nhiều lần mỉa mai Cụ vì Quát đã táo bạo tuyên bố: “Cả thiên hạ có bốn bồ chữ, một mình tôi chiếm hai bồ, anh tôi Bá Đạt và bạn tôi Nguyễn Văn Siêu giữ một bồ, còn một

bồ thì phân phát cho các kẻ học khác”. Cái tính kiêu ngạo ấy. Quát mang theo vào đến kinh đô. Khi làm quan ở Huế, mặc dầu Tùng Thiện vương và Tuy Lý vương hết lòng chiều chuộng. Quát vẫn một mực:

Ngán thay cái mũi vô duyên,

Câu thơ thi xã, con thuyền Nghệ an.

Không những tự kiêu, Quát còn dùng thơ văn châm chọc mọi người. Một ông lý ăn xén tiền đã bị Quát dùng con voi để bới móc:

Khen ai khéo khéo đắp đôi voi,

Đủ cả đầu đuôi, đã cả vôi.

Chỉ có cái kia ... sao chẳng đắp,

Hay là lý trưởng hót đi rồi.

Đến chơi một người bạn làm quan vì ngủ

trưa, lính không dám gọi dậy để đón tiếp, Quát cũng móc:

Một buổi hầu rồi một buổi ngồi,

Đâu còn nhớ chữ viễn phương lai.

Mới sang chường ấy, ngồi chường ấy.

Sang nữa thì ngồi biết mấy mươi.

Là tùy viên của sứ bộ mà Quát coi Chánh sứ chẳng ra gì. Rượu say, trước mặt Quát như không còn có ai:

Hữu tửu lệnh nhân tùy,

Bất tri khách thị thù.

(Có rượu để ta say,

Chẳng biết khách là ai.)

(Trúc Khê dịch)

Kiều ngạo, mĩ mai, Quát còn ngang tàng nữa. Đi thi trượt về trường quy, khi được làm giám khảo động mỗi từ tâm thương người đồng điệu. Quát không ngần ngại chữa hộ sĩ phu. Ngay trước mặt chí tôn vôi vọi, Quát cũng không nhụt khi. Vua Tự Đức phải có lượng lớn lại sốt sắng hâm mộ thi tài mới chịu được sự chế riễu trước triều đình. Ai đã làm thơ chỉ cho thơ mình là thần bút. Vua Dục tông phải đặc ý lắm mới nói thác là thần mộng và đọc cho triều thần nghe hai câu:

Viên trung oanh chuyên khê khả ngữ,

Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai

Thế mà Chu thần dám tố cáo là hai câu tam tứ ở một bài thơ khác, làm như nhà Vua đã “đạo thi người làm thơ mình”, ông lại còn đọc cả bài:

Bảo mã tây phong huếch hoác lai,

Huỳnh hoang nhân tự thúc đề hồi.

Viên trung oanh chuyển khê khà ngữ,

Dã ngoại đào hoa lấm tấm khai.

Xuân nhật bất văn sương lộp bộp,

Thu thiên chỉ kiến vũ bài nhài.

Khê khà thi tứ đa nhân thúc,

Khệnh khạng tương lai vốn tú tài.

Trúc Khê dịch:

Ngựa báu theo gió tây huếch hoác lại,

Huỳnh hoang người tự theo về.

Trong vườn, tiếng oanh hót khê khà,

Ngoài đồng hoa đào nở lấm tấm.

Ngày xuân chẳng thấy sương lộp bộp,

Trời thu chỉ những mưa bài nhài.

Khù khờ câu thơ đã nhiều người biết,

Còn khệnh khạng đem hỏi các nhà văn học.

Ta phục ứng đối nhanh, văn chương thật trác tuyệt, nhưng ta không khỏi chê là thiếu suy xét. Dù sao ở con người ấy, có cái gì làm ta bâng khuâng khó hiểu. Phải chăng, tính kiêu ngạo và ngang tàng của Quát là do một bài toán. Ở thời đại không có sở tuyên truyền, muốn tự giới thiệu mình cho dân biết để mưu đồ việc lớn, người ta đã phải dùng nhiều thủ đoạn. Nguyễn Trãi và Lê Lợi viết mỡ vào lá tre. Cao Bá Quát đã nhờ tính ngang tàng mà được nhiều người biết tiếng. Thần khí của Quát có một cái gì đặc biệt mới dám ngang nhiên trước mặt Tự Đức. Cái gì đó, có lẽ là chí khí của ông. Chí khí ấy đã bộc lộ ở hành vi và văn thơ. Chỉ cần đọc cuốn Cao Bá Quát của Trúc Khê, chúng

ta đã thấy Quát vừa hào hiệp, vừa tràn trề chí khí. Quát đã chịu đi theo hầu một ông tú để âm thầm rửa tiếng dốt cho ông. Quát đã hạ bộ cường hào bằng nhiều thủ đoạn: làm câu đối phạm thượng cho treo, xúi dùng nghi lễ thiên tử để tự mình làm hại mình, rút cục bị tội chết chém. Trong những cử chỉ ấy, ta nhận thấy một tấm lòng dũng cảm hiệp sĩ, có lẽ là những cố gắng để thực hiện chí khí: “kiến cơ nhi tác, dục vì Nghiêu Thuấn quân dân”. Cái chí “xoay bạch ốc lại lâu đài” ấy còn theo đuổi Quát vào tới ngục tù:

Một chiếc cùm lim chân có để

Ba vòng xích sắt bước thì vương.

Theo đuổi đến lúc ông ngựa cổ chịu nhát gươm kết liễu cuộc đời tài hoa:

Ba hồi trống giục đưa cha kiếp

Một nhát gươm đưa bỏ mẹ đời.

AI ĐÃ SỬA TRỊ CAO BÁ QUÁT

Để đối lại tính ngạo mạn của họ Cao, vua Tự Đức ban hai câu:

Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán,

Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh-Đường.

Tưởng như thế thì còn ai dám động đến văn chương họ Cao. Trời đất xoay vần, tang dâu biến đổi, Cao Bá Quát chết được trăm năm, hàng thi bá cũng nhiều tay cự phách nhưng chưa ai dám nói nặng đến họ Cao. Thế nhưng trong đời Quát, có lần Quát đã phải chịu tiếng dốt mà không cãi nổi. Hôm ấy, đám tang Cụ Đồ Cao, Quát làm đôi câu đối để khóc cha: “Thảng nhược bộ tùng cứu tiêu, trì trúc trượng, dục chiên Bắc Đẩu – Tùng sử phi đằng vạn trượng, giải ma y cải tịch Nam Tào”.

Câu đối treo lên, ai cũng công nhận là hay và thâm thiết nhưng “rằng hay thì thực là hay, nghe ra phạm tới thần linh khó toan”. Nhiều cụ già lắc đầu. Ở một thời đại thần quyền, treo đôi câu đối có nghĩa hoặc mình là thần nhân, hoặc mình đặc đại vụ. Cao Bá Quát không phải đến tội nặng nề, nhưng đã nhận được bài học xứng đáng. Ngày hôm sau có một cụ già chống gậy trúc đi vào, tóc bạc phơ, da dẻ hồng hào, lồ lộ tiên phong đạo cốt.

– Chúng tôi là bạn của Cụ đồ quá cố, nhân qua đây mới biết truyện buồn, xin đến phúng điếu vong linh và phân ưu cùng gia quyến.

Dù không thể biết thứ bậc một người như thế, nhưng ở nhà đám, sự đón rước dĩ nhiên phải nồng hậu. Giầu nước rồi, Cụ già xin phóng bạn đôi câu đối, nhờ ông Quát viết giùm vì tay Cụ gân cốt không còn cứng. Mặc áo sô gai, Quát ngồi trước tấm vải trắng, nghiền mực sánh, đợi chờ với cử chỉ tuy nghiêm trang nhưng người ta cũng nhận thấy cái nhếch mép kiêu hãnh.

Nếu Quát đã viết rất nhiều câu đối của mình thì Quát cũng chưa phải viết câu đối cho ai bao giờ. Quát chờ đợi để sửa lại những chữ non nớt và một lần nữa tỏ thi văn chương quân thế. Giá vào dịp khác, Quát đã có thái độ rồi. Cụ già hình như thấu hiểu tâm trạng Quát, ngồi rất ung dung trang trọng. Bỗng Cụ cất giọng sang sảng quay lại phía Quát:

– Viết đi: Chi.

Quát ngơ ngác bấm lại:

– Thưa Cụ Chi nào ạ?

Cụ già không trả lời. Cụ quỳ trước bàn thờ khóc lớn rằng:

– Ô-hô, những tưởng bạn có con khôn học giỏi để nối dõi tông đường, ai ngờ bạn vô phúc để con dốt đến không biết một chữ Chi.

Cả nhà đông đảo yên lặng như ngơ ngác,

xem một tấn tuồng mới lạ đặc biệt. Quát cúi gằm mặt. Chưa bao giờ ai dám coi thường Quát trên phương diện văn chương đến như thế. Mọi con mắt đổ dồn vào Cụ già . Khóc rồi, Cụ điềm nhiên quay lại phía Quát:

– Chỉ là chúng, là đi chứ còn Chi nào nữa.

Quát viết, Cụ lại tiếp:

– Đối sang về kia viết: Tại.

Quát băn khoăn chưa biết viết chữ tại nào, đành lại phải hỏi:

– Thừa Cụ chữ Tại nào ạ?

Cụ già lại khóc rống:

– Trời đất ôi, tôi không ngờ bạn tôi vô phúc đến thế.

Cụ quay lại Quát:

– Tại là ở.

Rồi đó. Cụ tiếp tục đọc cho Quát, cứ một chữ về bên nọ, lại một chữ về bên kia. Khi đọc xong xuôi, Cụ già kiếu từ rồi đi. Câu đối treo lên mọi người mới đọc đi đọc lại; Quát lăm lăm tìm chữ non nớt, nhưng đôi câu đối thần bút vượt mọi kỹ thuật đối liên, vượt mọi tư tưởng tầm thường:

*Chi, chi, ngũ bách niên tiền, bích thủy thanh sơn
hà xứ tại,*

*Tại, tại, tam thiên giới ngoại, đào hoa lưu thủy
cảnh hà chi.*

Tạm dịch:

*Đi, đi đâu, năm trăm năm trước, nước biếc non
xanh ở chỗ nào,*

*Ở ở, ngoài cõi thế giới ba ngàn, hoa đào nước
chảy lại đi đâu.*

Ông Cụ già đã tới, đã đi không để lại dấu vết, nhưng đôi câu đối còn đó và các Cụ đồ nho vẫn tâm niệm lời vàng ngọc. Dân trong vùng giải thích về ông già mỗi người một lối. Có người cho rằng câu đối của Quát phạm Nam-tào, Bắc đẩu nên thiên tinh thị hiện ban giáo huấn. Có người cho rằng Quát cũng là một thiên tinh giáng thế nên cảm thấu thần linh. Dù sao bài học phải thấm thía và từ đó Quát trước khi quyết định một việc gì sẽ so đo nhiều hơn. Cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương không thể là hành động nông cuồng vô ý thức được.

THIÊN TÀI CAO BÁ QUÁT

Muốn hiểu Cao Bá Quát hơn, chúng ta cần phân tích thiên tài của ông. Thiên tài ấy hiển hiện ra hai mặt: tài văn chương và tài kinh luân.

a) Tài văn chương. Lưỡi gươm đao phủ đưa Quát sang du ngoạn Bích thủy, Thanh sơn

từ hơn một trăm năm nay nhưng chưa ai dám chê văn chương Bá Quát. Dư luận dưới thời chuyên chế dĩ nhiên khắt khe, thế mà thiên hạ vẫn suy tôn loạn thần là thánh Quát. Đó là một điểm đặc biệt chưa từng thấy. Không kể thơ chữ nho, mấy bài văn nôm vẫn như mấy viên kim cương sáng ngời trên nền găm rục rở của văn chương Việt Nam. Chỉ cần đơn cử một bài ta cũng nhận thấy những vần « óng như tơ, chuốt như lụa »:

Giai nhân nan tái đắc.

Trót yêu hoa nên đan dịu với tình,

Mái Tây hiên, nguyệt gác chênh chênh,

Rầu rĩ lắm, xuân về oanh nhớ.

Phong lưu tài tử đa xuân tứ,

Trường đoạn tiêu nường nhất chỉ thư

Nước sông Tương một giải nông sờ,

Cho kẻ đẩy, người đây mong mãi.

Bút rút nhẽ, trăm đường nghìn nôi,

Chữ chung tình biết nói cùng ai.

Trót vì gần bó một hai ...

Âm điệu thật nhịp nhàng, dìu người ta vào quá khứ để nhớ tiếc, thổn thức « bút rút » với mối tình xưa. Tuy cũng có dùng điển « mái tây hiên, sông Tương » và dùng chữ, nhưng điển dễ dàng quá làm cho người ta thêm ngây ngất chứ không hại đến dòng tư tưởng đương từ từ lẫn vào mơ mộng.

Đến như cái mỉm cười của Cao Bá Quát mới thật tinh thần. Ta tạm đơn cử bài « đùa tặng một người cô đào »:

Tự cổ hồng nhan đa mệnh bạc.

*Buồn cho ai mà lại tiếc cho ai,
Duyên chông chênh, nguyệt mĩ huê cười,
Ngao ngán nhé, đào tiên lăn côi tục.
Đã gác gương toan, treo giá ngọc,
Nỡ nào chém củ đậu cành mai.
Xuân còn dài, duyên hã còn dài,
Thử đứng đỉnh để xem cơ tiền định.
Nhấn ông Nguyệt sẵn cầm dây xích,
Khách giai nhân se với khách văn nhơn,
Sắc tài ai kẻ cầm cân ...*

Thơ dễ dàng như lan tràn từ miệng trên tờ giấy, nhưng vẫn điệu nhịp nhàng và ý tứ duyên dáng biết mấy. Duyên của một cô đào thì khó lòng mà vững vàng nên phải chông chênh, đã

chông chênh thì phải lẫn lóc. Chữ đào tiên dùng cách tá-âm để chỉ cả cô đào, dẫn khởi những từ thật mới lạ. Có những chữ thường khi thô tục mà lúc Thánh Quát dùng đến cũng trở nên đậm đà thanh tao: Nữ nào chém củ đậu cành mai.

Đến những chữ dùng để diễn tả tư tưởng bay lượn như chim bằng lồng lộng trời xanh, làm cho độc giả thoát thời không gian để đi vào vô tận, vô thủy, vô chung: « Uống rượu tiêu sầu ».

Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy.

Cảnh phù du trông thấy cũng nực cười,

Thôi công đâu chuốc lấy sự đời,

Tiêu khiển một vài chung lếu láo.

Đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu,

Trầm tư bách kế bất như nhàn.

Dưới thiếu quang thấp thoáng bóng Nam san.

Ngoảnh mặt lại, cứu hoàn coi cũng nhỏ.

Khoảng trời đất cổ kim, kim cổ,

Mảnh hình hài không có, có không

Lọ là thiên tử vạn chung...

Một người thường ở thời đại không có phi cơ, hỏa tiễn không thể thoát khỏi hình hài để ngắm cảnh mênh mông ấy. Phải là một tâm hồn khác thường, một vị tiên, một Lã-đồng-Tân, một Lý-thái-Bạch:

Càn khôn vai quấy lừng lơ,

Vì ai tiên thánh thần thơ côi Hồng,

Bầu minh nguyệt, túi thanh phong,

Thơ ngâm giọng ngọt, rượu nồng chén cay,

Nồng chén cay khi say khi tỉnh,

Giọng ngọt ngâm càng vịnh càng hay.

Hãy hỏi những phi hành gia, có phải nhận thức siêu việt của Thánh Quát rất đúng sự thực nếu ta bay cao ở thượng tầng không khí:

Dưới thiếu quang thấp thoáng bóng Nam san,

Ngoảnh mặt lại cửa hoàn coi cũng nhỏ.

Phải chăng đã có lúc thần thức con người vượt khỏi thể xác chu du không gian mông lung, thời gian vô tận. Và Thánh Quát đã có những phút siêu thoát đó để thấy cảnh đời không còn vui buồn, chỉ “nực cười”, không “chuốc lấy sự đời, chỉ tiêu khiển một vài chung lếu láo”. Trong sấm Trạng Trình có câu:

Một đám mây xanh đứng giữa trời,

Xem thông nho nhỏ đánh nhau chơi.

Nguyễn Bình Khiêm coi việc đời như trò trẻ con, đứng ngấm chơi cho thêm hứng thú thì Cao Bá Quát cũng thấy cảnh “phù du mà nực cười”. Phải chăng hai tâm hồn ấy đã có lúc gặp nhau.

Đến như ngôn chí của họ Cao thì thật thế như thác chảy, mưa nguồn, sức tựa thiên binh vạn mã. Chỉ bốn câu thơ này cũng rõ khí phách của ông:

Duyệt thế nhất thân thiên lý mã,

Quan thư song nhõn vạn niên đăng,

Nhật tà thiên địa song bồng mẫn,

Xuân tịnh giang hồ nhất bạch du.

Ở bài Tài tử đa cùng phú, lời lời châu ngọc, không ai còn chối cãi. Kỳ tứ và ký văn sáng lòa mặt giấy, quyện lấy trí óc độc giả.

Đây là cảnh buồn thê lương, ai cũng đã trải qua nhưng thực chưa ai tưởng nhận được hình ảnh:

Gió giăng rơi rụng để các quỳên gày,

Sương, tuyết hắt hiu làm con nhận vồ.

Đến như ý chí vầy vùng thật lạ lòng đột ngột, ra ngoài cả “vòng trời đất, dọc ngang ngang dọc” – Lắc bầu rượu, dốc nghiêng non nước lại – Hóng túi thơ nong hết gió giăng vào – Bưng mắt trần toan đẹp của phù đồ – Giương tay Tạo rắp xoay cơn khí số...”

Cao Bá Quát ngông cuồng, ngang tàng! Rất đúng, nếu ta đứng vào cương vị thế nhân anh hùng. Nhưng nếu ta đứng vào kiếp Chủ đồng kiếp những kẻ “cầm trong tay vận mệnh và kỷ cương”:

Nhược năng liễu đạt âm dương lý,

Thiên địa đô lai nhất chưởng trung.

ta sẽ nhận thấy sở dĩ được mệnh danh là thần thi, chính vì con người đã có lúc siêu thoát vượt trần gian như thế. Lamartine có lúc cũng mở tưởng thiên giới:

L'homme est un ange déchu qui se souvient des cieux.

(Người là vị thần bị đọa đày còn nhớ đến nhà trời).

Viết đến đây, chúng tôi thấy khó lòng tìm được thuộc từ để định chân giá trị họ Cao. Dĩ nhiên, chúng tôi không dám dùng hình-dung-từ « ngông cuồng ». Một người đối với chúng ta là siêu nhân có thể chỉ là một người thường ở một trình độ cao hơn. Đứng về phương diện thơ, khi lời thơ làm ta ngây ngất quên thực tại, dẫn ta vào một thế giới u huyền, làm ta cảm được lý tưởng cao đẹp thì đó là thần thi. Vậy. Cao Bá Quát, lời lời vàng ngọc, xứng đáng là thánh Quát với những câu thơ thần, bộc lộ một tâm hồn không thường. Ta thử phân tích tâm hồn đó.

Về tiền bán thế kỷ 19, các thi sĩ Việt đều chịu ảnh hưởng Phật, Lão, Khổng. Ở Cao Bá Quát, ta chỉ thấy ảnh hưởng của Khổng, Lão. Có một lần ông nói đến Phật thì lại muốn: « Tươi nét mặt thơ sinh lồ lộ. Búng mắt trần toan đập cửa Phù-Đồ ».

Phải chăng Cao Bá Quát tự nhận là tiên giáng trần, nên thoát ngoài vòng Phật lý.

Chúng ta đã biết họ Cao kiêu ngạo và buồn nản vì đời nghèo túng: « Lều nho nhỏ kéo tấm giành lướt thướt; Ngày thê lương hạt nặng giọt mưa sa. Đèn cón con có chiếc chiếu lồi thoi; Đêm tịch mịch soi chung vùng trăng tỏ.

Áo Trọng Do bạc thếp, giải xuân thu cho đượm sắc cần lao; Cơm Phiếm mẫu hẩm sì, đôi tuế nguyệt phải ngậm mùi tân khổ ».

Xã hội lúc ấy cũng không lấy gì làm đẹp đẽ:

Ngán nhẽ kẻ tham bề khóa lợi,

Quản bao kẻ mang cái giùm danh.

Vì thế ông sinh ra chán đời, vì đời ngắn ngủi:

Nhân sinh thiên địa gian nhất nghịch lữ,

Có bao lắm ba vạn sáu ngàn ngày.

Vì đời là mộng ảo:

Vắt tay nằm nghĩ truyện đầu đầu,

Dem mộng sự độ với chân thân thì cũng hết.

Vì đời hư ảo:

Khoảng trời đất cổ kim, kim cổ,

Mảnh hình hài không có, có không.

Cũng có lúc. Ông muốn nhàn:

Thế sự thẳng trăm quân mạc vấn,

Yên hà thâm sứ hữu ngư châu.

Và tận hưởng giờ phút ngắn ngủi:

Như chiêm bao, như bóng số, như gang tay,

Sức nhớ câu: cổ nhân bình chúc.

Cao sơn lưu thủy thi thiên trực,

Minh nguyệt thanh phong tửu nhất thuyền.

Nhưng ông không hưởng nhàn mà lại tha thiết với việc đời. Ông tin vào số mệnh:

Thì đã biết cùng thông là mệnh cả,

Cũng đừng đem hình dịch lại cầu chi.

Vào nề tuần hoàn dịch lý:

Thế tự dương hồi xuân cánh tại,

Khổ hết rồi âu cũng phải cam lai.

Vào luật thừa trừ:

Trời đất có san đi mà sẻ lại,

Hội tương phùng còn lắm lúc về sau.

Vì thế nên trong cơ cực, ông đã lập chí rất rộng rãi, to tát, ngoài cả vòng trời đất: « đập cửa phù đồ, rập xoay cơn khí số ».

Ông tự tin: « Lắc bầu rượu dốc nghiêng non nước lại, Hóng túi thơ nong hết gió trăng vào. Quyết xoay bạch ốc lại lâu đài. Gánh vác giang sơn, quyết ném thanh khâm sang cấm tú ».

Ông cũng nhẫn nhục chờ thời:

Hắn bền lòng chờ chút oán vưu,

Thời chi hĩ ngư long biến hóa.

Ông dũng cảm, không sồn lòng trước trở

ngại: « Nghiêng cánh nhận, tếch mái rừng
Nhan Khổng. Chí xông pha nào quản chông
gai.

Cựa đuôi kình, toan vượt bể Trình Chu.
Tài bay nhảy ngại gì tao khổ”.

Ông quyết tâm giữ đạo lý: “Đói rau rừng,
thấy thóc chu mà giả; Đá Thủ dương chơ
chớm, xanh mắt Di nằm tốt ngày o o. Khát nước
sông, trông dòng đục không vợ. Phao Vỵ-thủy
lênh đênh, bạc đầu Lã ngồi dai ho lụ-khu.

Khét mùi thế vị chẳng thà không, thơm
nức phương danh nên mới khổ!”

Nếu so sánh với Nguyễn Công Trứ thì ta
thấy có nhiều điểm tương đồng dù một bên
thiên tình một bên thiên trí. Hai bên cùng
quyết chí kiên gan, cố giữ trong sạch, nhưng
một bên thì dộn dàng quân tướng:

Trong lãng miếu ra tài lương đóng,

Ngoài biên thùi rạch mũi can tương.

Còn một bên thì thoát ngoài vòng cương tỏa, cả gan “rắp xoay khí số”. Về mục đích, Nguyễn Công Trứ “Rắp hai chữ quân thân mà gánh vác” trong khi Cao Bá Quát “kiến cơ nhi tác, dục vi Nghiêu Thuấn quân dân”.

Chí của Cao Bá Quát to tát rộng lớn nhưng mơ hồ chưa được rõ ràng, lại bị ý thức trung thần bất sự nhị quân ràng buộc nên nhiều lúc ông chán nản, phát khùng:

Nhà trống ba gian, một thầy, một cô, một chó cái,

Học trò dăm đứa, nửa người, nửa ngợm, nửa đời ươi.

Còn Nguyễn Công Trứ cố rèn đức tài cao, nhưng chịu nép mình ở nghĩa quân thân nên thanh thản hơn.

Tưởng họ Cao đành chịu đứng ngã ba đường, nhưng rồi một yếu tố tới, cởi mở cho ông thoát khỏi kiểm tỏa của quan niệm “trung thần”, đó là cuộc đi sứ Tần gia Ba. Ta có thể coi cuộc đi sứ Tần gia Ba như nút biến chuyển trong tư tưởng Cao Bá Quát. Đứng trước cảnh xã hội suy tàn thời cuối Minh Mệnh, họ Cao muốn làm cách mạng theo kiểu Vũ Thang, lập lại trật tự Nghiêu Thuấn, nhưng Nghiêu Thuấn là tổ đạo Nho đặt phép trung thần bất sự nhị quân nên Quát đánh thức thủ. Kịp khi được chứng kiến những kiến trúc mới lạ của Tây phương, với những tư tưởng tân kỳ, ông đặt mình nhận thấy dưới vòm trời còn có cái gì khác Khổng Mạnh:

Nhai văn nhả chữ buồn ta,

Con giun còn biết đâu là cao sâu.

Tần gia từ vượt con tàu,

Mới hay vũ trụ một bầu bao la

*Giật mình khi ở xó nhà,
Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.
Không đi khắp bốn phương trời,
Vùi đầu án sách uống đời làm trai.*

(Trúc Khê dịch)

Văn minh tân kỳ ấy hiển hiện ra bằng những kiến trúc, máy móc đầy rẫy ở Tân gia Ba, ném vào tâm địa họ Cao một chút ngỡ vực lời lẽ thánh hiền. Chí muốn xoay đổi lại cơ đồ càng rõ rệt và Ông quyết định một đường tiến.

Về đến Sơn Tây, trước bi thảm của dân chúng bị thiên tai nạn châu chấu Quát coi như điềm ứng vận nhà Nguyễn hết thời. Ông đứng lên thấy như thuận thiên mệnh, và việc Mỹ Lương coi như tất yếu. Ta phải nhận được điều đó mới thấy hành động của ông không vì bắt đắc chí, hay vì bị ám ảnh bởi hình ảnh “thiên tử vận chung”

b) Tài Kinh Luân. Ở cuốn Cao là Quát, trang 3, Trúc Khê kể lại câu chuyện xảy ra khi Quát dạy học ở làng Cửu cao, huyện Văn giang. Lúc ấy Quát được một ông huyện hưu trí đón về dạy con học. Trong làng có tên cường hào cậy thế lấn trên hiếp dưới. Họ Cao lập tâm trừ hấn. Ông làm đôi câu đối cho người mang đến biểu tên cường hào để khắc vào cổng:

Đăng bình chính trực khan vương đạo,

Cao đại quang minh thị ngã tâm.

Câu đối có ý bóng ví mình như vua. Đến khi nhà có việc tế lễ, ông lại bảo người sui cường hào sắm lợn vàng. Cái khờ khạo và ngu dốt đã đưa tên đó vào tội khi quân, tiếm nghịch để phải rúng đầu. Câu chuyện này chứng tỏ họ Cao không phải không thâm trầm mưu cơ.

Đến như việc tổ chức cuộc khởi nghĩa ở Mỹ Lương, họ Cao đã tỏ ra có đủ tài ba. Cũng theo ông Trúc Khê trong cuốn Cao Bá Quát:

“Năm Tỵ Đức thứ 7 (1854) mùa thu tháng tám, quan hộ đốc Bắc Ninh là Nguyễn Quốc Hoan được tin cáo giác là Cao Bá Quát đang ngấm ngấm hoạt động trong hạt Bắc Ninh và cử người vào đảng để định nổi loạn, ước kỳ cùng kéo đến đánh úp lấy thành Hà Nội . . .

Quan lại mấy tỉnh đều chuyên chú vào việc bắt Cao Bá Quát, nhưng họ Cao trốn tránh mau lẹ, không tài nào bắt được.

Từ khi bỏ chức, Cao tìm đến giao thiệp với Lê Duy Cự và đầu mục đảng kín là bọn Nguyễn Kim Thanh cùng đồ tính việc khởi sự. Cao lại rủ thêm được mấy người hào mục trong vùng vào đảng là Đinh Công Mỹ, Bạch Công Trân v. v... Ở Sơn Tây, dàn xếp tạm yên, Cao dặn bọn Nguyễn Kim Thanh phái người xuống các huyện thuộc tỉnh Hà Nội chiêu mộ đồ đảng, còn mình thì lên về Bắc Ninh hoạt động, định quân ba tỉnh cùng nổi lên một ngày rồi kéo áp về đánh lấy thành Hà Nội để làm căn bản và trương thanh thế ...

Về Bắc Ninh, Cao kiểm được Nguyễn Khắc Quyết.

Vì sự bí mật bị tiết lộ, Cao vội từ Bắc Ninh lên sang Sơn Tây, cùng với các đồng chí hội họp, bàn sự mau gấp khởi sự. Thế là mùa đông tháng mười, cuộc loạn phát tác ở huyện Mỹ Lương là một huyện thuộc về miền núi Sơn Tây, nhiều chỗ hiểm trở dễ cho việc dụng võ. Cuộc loạn nổi lên. Lê Duy Cự được mọi người tôn lên làm minh chủ. Cao Bá Quát được tôn làm Quốc sư, Nguyễn Kim Thanh làm chức binh bộ thượng thư còn Đinh Công Mỹ, Bạch Công Trân, Nguyễn Văn Thực và các người đầu mục khác đều mỗi người xưng một chức vị...

Tờ hịch do họ Cao thảo. Cờ may bằng vóc vàng để hai dòng chữ:

Bình dương Bồ bản vô Nghiêu Thuấn,

Mục dã Minh Đế hiền hữu Võ Thang

Trước đấy vào khoảng tháng năm, tháng sáu, hai tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh có nạn châu chấu phá hại mùa màng rất dữ...

Đảng loạn ở Mỹ Lương chia ra hai chi để đi đánh phá các nơi: một chi tràn xuống phía đông, và một chi đi sang phía bắc. Tóm lược những ý chính ở trên, chúng ta chưa dám tin chắc chắn đó là sự thực vì ông Trúc Khê đã trích ở Đại Nam thực lục chính biên, một bộ sách của triều đình làm để ghi công trạng của mình. Dĩ nhiên tác giả khó lòng giữ địa vị hoàn toàn khách quan. Ít khi tác giả dám biên chép tởm mĩ những chi tiết về phe đối lập trong những cuộc nổi loạn phản kháng triều đình. Vì thế chúng tôi không đồng ý đoạn cho rằng Cao Bá Quát đến giao thiệp với Lê Duy Cự. Một người tự đắc như họ Cao không phải là người đi cầu một chân trong đảng loạn. Một người đi cầu khẩn như thế không ai lại tôn làm Quân-sư. Theo dư luận thì Lê Duy Cự đã cho người nhiều lần đến thỉnh mời Cao Bá Quát nên ông nhận lời và toàn đảng đồng thanh suy tôn ông

làm Quốc sử, một chức vị tối cao, bộc lộ một sự kính phục tuyệt đối. Nếu chúng ta nhớ rằng, xưa kia đi xin một cụ củ, tú đôi câu đối phải thành kính như thế nào thì ta hiểu một vị Quốc sử, không phải một kẻ đi xin việc. Ở đoạn (từ khi bỏ chức Cao tìm đến giao thiệp với Lê Duy Cự và đầu mục đảng kín là bọn Nguyễn Kim Thanh cùng đồ tính việc khởi sự. Cao lại rủ thêm được mấy người hào mục...) Trúc Khê muốn nói Cao bỏ việc đi tìm đến Lê Duy Cự rồi đi rủ thêm người. Thiết nghĩ không thể là hành động của họ Cao. Với ý chí “xoay bạch ốc lại lâu dài” sẵn có, họ Cao tất phải thành lập một đảng rồi mới tìm đến Lê Duy Cự, hoặc Lê Duy Cự cho người mời đến hợp tác mới hợp lý, hợp tâm trạng con người tài tử. Hoặc ta có thể hiểu sau khi mời được Quát, nhờ thanh thế ông, những hào mục trong vùng như Đinh Công Mỹ, Bạch Công Trân đều theo về. Hiểu như thế có lẽ sát nghĩa hơn. Nhưng dù hiểu theo ý nào thì cũng phải nhận Cao Bá Quát có khí phách và tài thao lược.

Cuộc khởi nghĩa được xếp đặt quy củ. Thời cơ chỉ định, bởi giặc châu chấu và thiên tai. (Đê Văn giang vỡ 18 năm liền) Công cuộc tổ chức bí mật lấy tam giác Sơn Tây, Bắc Ninh, Hà Nội làm trọng điểm. Mỹ Lương làm căn cứ xuất phát và hồi sinh địa, với núi non hiểm trở, đường giao thông tiện lợi rất hợp binh pháp thời ấy. Khi không thể dừng, phải hành động thì suy động dân chúng bằng bài hịch họ Cao coi như bản cáo trạng kết tội nhà Nguyễn. Câu đối ở cờ tuyển cáo là mục đích của Cách mệnh. Khi phát động, quân tiến hai ngả: Bắc Ninh để cô lập Hà Nội với mặt bắc, Thanh Oai để cô lập Hà Nội với mạn nam là một cuộc diễn tập có quy củ. Cao Bá Quát bị thất bại chỉ là vì dân chúng và lực lượng tổ chức chưa hoàn bị, công cuộc đã bị phát giác.

Nếu ta hiểu hai chữ Cách mệnh xưa dùng để chỉ một cuộc đảo chính đánh đổ một hôn quân, thiết lập nền trật tự Nghiêu Thuấn hay một cuộc nổi loạn đánh đổ một triều đại nguy quyền để khôi phục một triều đại chính thống

thì ta phải nhận cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương là một cuộc Cách mệnh. Ta không thể đem quan niệm cách mệnh thế kỷ 20 với tất cả những kỹ thuật, tổ chức, phương pháp, lý thuyết làm thang mực để so sánh với cuộc cách mệnh của họ Cao. Dĩ nhiên theo quan điểm thế kỷ thứ 20, cuộc nổi loạn ở Mỹ Lương không phải là một cuộc cách mệnh. Dù sao thì cuộc khởi nghĩa như đã viết ở trên được xếp đặt quy củ chứ không phải một hành động bất đắc chí hay ngông cuồng.

KẾT LUẬN

Trước đây mười năm, võ vẽ vài câu thơ Pháp, chúng tôi có lúc khinh thường họ Cao, nhưng rồi khi trở lại nghiên cứu Đông phương, tài cao của Thánh Quát như mỗi lúc một rõ rệt thêm. Chúng tôi cảm phục người tài và ngậm ngùi cho kẻ xấu số. Vừa đây, anh bạn nhân một câu truyện cho biết rằng theo khẩu truyền các

Cụ khoa bảng thì hai câu:

Quân tử ố kỳ văn chỉ trứ

Thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền.

không phải của Quát. Quát không có tị hiềm với một cá nhân nào. Đó là hai câu tranh chấp giữa Trứ và Quyền do chính hai ông đặt ra. Một tâm hồn mông mênh rộng lớn như tâm hồn Quát có khi nào coi Trứ Quyền ngang mình mà đổ kỵ. Chúng tôi đồng ý với bạn. Nếu theo khoa học thì ta chưa đủ bằng chứng, nhưng ở một nước, mọi sự đều khẩu truyền, ta phải có thái độ rộng rãi hơn. Lòng sùng kính của tôi đối với Cao Bá Quát càng tăng lên. Có cái gì thúc đẩy tôi phải viết ra để phanh phui tâm hồn siêu việt đó. Tôi bản khoản mãi, cuối cùng đành liều viết.

Càng nghĩ đến Cao Bá Quát, chúng tôi càng thấy hiển hiện cái dây chuỗi vô hình của nhân tài Việt xuất hiện từ thời đại này qua thời

đại khác. Câu của Cụ Trọng Trình: nước Nam thường có thánh tài không phải là ngoa ngôn. Tất cả các tổ tiên ta từ. Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Công Trứ, Phạm Thái, Cao Bá Quát nuôi mộng lớn, văn vũ toàn tài. Cái chuỗi dây ấy không ngừng dù có nhiều thời đại đứt quãng làm cho kẻ viết bài này như thồn thức băng khuâng nghĩ đến xưa và hân hoan nghĩ đến mai hậu. Có người gặp thời, có người thất vận, có người ở ẩn, có người hành đạo, nhưng họ đều có một điểm giống nhau: tài cái thế mà tình cảm nồng nàn. Phải chăng cuộc gặp gỡ điểm lệ, cuộc tình duyên trong sáng của Tiên Rồng ở cảnh huyền ảo Động-đình đã là yếu tố vô hình dun dủi những cuộc giải cấu Tiên Dung Đồng Tử, Tản viên Mỹ Châu, Phạm Thái Quỳnh Như, Quang Trung Ngọc Hân, Quang Diệu Thị Xuân, để hun đúc cho chúng ta một văn minh rực rỡ điều hòa tình lý, thiết thực và thơ mộng hơn bất cứ một nền văn minh nào.

Cả dòng dây ấy đã làm rạng rỡ tổ tiên,

chúng tôi xin dâng lên tất cả lòng thành kính.
Riêng đối với Cao Bá Quát, chúng tôi xin nhắc
lại đôi câu đối của Phương Đình Nguyễn Văn
Siêu, chính là bạn thân của họ Cao:

*Ta lại quán cổ tài danh, nạn đệ nan huynh, bất
thể ngẫu sinh hoàn ngẫu tử.*

*Dĩ hỹ đao đầu sự thế, khả liên khả ố, hồn trần
lưu xú diệc lưu phương.*

nghĩa là:

*Thương thay, tài diệu tốt vời, khó anh, khó em,
một cặp cùng sinh lại cùng thác.*

*Thôi nhĩ, sự cơ đến vậy, đáng thương đáng ghét,
nghìn năm dây xấu cũng dây thơm.*

VIỆT TỬ

CÓ CHĂNG MỘT BÀ HỒ XUÂN HƯƠNG?

LỮ HỒ

TRONG làng thơ nôm đã hiển hiện bao lâu những bài thơ tinh tế và sống động của một tác giả vô danh mà nhiều người vẫn gọi là: Bà Hồ Xuân Hương. Sự thật thì vấn đề minh định tác giả vẫn chưa đủ căn cứ để thỏa mãn chúng ta về sự hiện diện của người. Thơ nằm sờ sờ ra đấy mà tác giả là ai?

Ta hãy nghe học giả Dương Quảng Hàm giải bày trong *Littérature Annamite*: “Bà là con gái ông Hồ Phi Diễn, người làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, xứ Nghệ An. Nhân ông

Diễn ra dạy học ở Hải Dương, lấy người thiếp ở đấy sinh ra bà.

Thân thế của bà không có sách nào chép rõ. Nay chỉ xét thơ văn của bà mà biết được đại khái. Bà ở về đời Lê mạt, Nguyễn sơ. Cha mất sớm mẹ cho đi học. Học giỏi, thường hay lấy văn thơ thử tài các văn nhân thi sĩ thời bấy giờ. Có lẽ cũng vì sự thử thách kén chọn ấy nên duyên phận long đong. Sau bà lấy lẽ một ông Thủ khoa làm quan đến Tri phủ Vĩnh Tường (nay thuộc tỉnh Vĩnh Yên). Nhưng được ít lâu thì ông phủ mất (Khóc ông phủ Vĩnh Tường). Sau vì gia cảnh phải lấy người Cai tổng tục danh là Cóc. Không bao lâu ông Tổng Cóc cũng chết (Khóc ông Tổng Cóc). Từ bấy giờ hình như bà chán nản nỗi số phận hẩm hiu nên thường đi chơi các nơi thắng cảnh và ngâm vịnh thơ ca để khuây khỏa nỗi buồn.

Có lần hình như bà cũng muốn đi tu, nhưng một người tài tình như bà không thể giam mình trong chốn am thanh cảnh vắng

nên bà lại thôi... và trong Việt Nam văn học sử yếu, ông viết: « Bà sinh vào khoảng Lê mạt, cùng thời với Phạm Đình Hổ tức Chiêu Hổ (1768-1839). (Littérature annamite trang 17.-V.N.V.H.S.Y trang 380)

Đọc hai đoạn trên hẳn chúng ta nhận thấy những điều mơ hồ chính “không có sách nào chép rõ”, “xét thơ văn mà biết đại khái”, “có lẽ», “hình như” ... đã không cho phép chúng ta tin tưởng vào những chứng cứ trên để quả quyết rằng Hồ Xuân Hương đã có một cuộc đời như thế.

Đến ông Nguyễn Văn Ngọc trong Nam thi hợp tuyển thì lại còn bối rối hơn nữa: “... Nàng sinh vào đầu nhà Nguyễn không chắc rõ quê quán ở đâu? Có kẻ truyền tụng rằng nàng gốc tích ở Nghệ An...” Đã không chắc rõ mà lại còn nghe theo lời truyền tụng thì cũng không tránh được những sai lạc tất nhiên.

Tiếp sau là một giai thoại: « ... Nàng định

kén chồng. Nhân gặp khoa thi, nàng mở một ngôi hàng nước để rước các danh sĩ vào làm thơ, người nào trúng tuyển, thì mới chịu kết hôn. Có nhiều người làm thơ đều thất bại cả. Sau khi thi rồi người đỗ thủ khoa đi cùng người em vào xin vịnh thơ. Nàng ra đề là Thạch liên Thiên. Ông thủ khoa ngâm bút hồi lâu mới viết được bốn chữ: Thiên thạch nguyên lai rồi lại ngẫm nghĩ không ra được chữ gì. Nàng sai thị tì ra bảo: “Không làm được thì về sao lại cứ ngồi ngâm bút mãi ». Ông thủ khoa nghe nói thẹn quá, chết sững ngã xuống, người em phải chạy lại vừa cứu vừa dỗ cho hả giận... Nghe đầu chính ông, sau làm tri phủ Vĩnh Tường », (Nam thi hợp tuyển, trang 306) tên gì không rõ?

Một người đàn bà, có can đảm mở ngôi hàng để kén chồng thì không phải tay vừa. Về tài không thấy nói tới, chẳng lẽ lại ngâm những bài thơ tục hiện đang truyền tụng hay sao? Còn về sắc thì cụ Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến đã tả trong Giai Nhân Di Mặc như sau: « Hồ xuân

Hương mặt hơi rỗ hoa, da ngăm ngăm đen, không đẹp mà có duyên thầm... Có thiên tài lại giàu tình cảm ». Không hiểu cụ đã căn cứ vào đâu để tả thực như vậy? Có điều như thế nghĩa là không đẹp; mà đã xấu thì e rằng câu chuyện cụ Nguyễn Văn Ngọc đã kể trên cũng vô lý nốt.

Xem đó, về tiểu sử tác giả, những tài liệu lơ mờ trên không đủ để minh xác sự hiện diện của một người đàn bà tên thật là Hồ Xuân Hương.

Thế nhưng trong khi tiểu sử chưa xác định, nhiều học giả có lập trường cũng đã vội vàng bình luận với thiên kiến của mình. Chẳng hạn như Ông Nguyễn Văn Hạnh người đầu tiên áp dụng phương pháp bệnh lý vào việc khảo cứu văn học. Khi đọc qua thuyết Phân-tâm-học của Freud ông nhận thấy: « người ta ai cũng có sẵn dục tình. Nếu để bộc lộ tự nhiên theo sự nảy nở của cơ thể thì không sao, nhược bằng vì một lý do nào đó mà phải kiềm chế, câu thúc thì có thể xảy ra trường hợp bệnh lý gọi là ứ dục tình, khiến con bệnh sinh ra những ý

nghĩ, ngôn ngữ, hành động đặc dị tình ». Và đọc những dòng tả Hồ Xuân Hương trong Giai Nhân Di Mặc: « mặt hơi rỗ hoa, da ngăm ngăm đen, không đẹp mà có duyên thâm... thì ông vội tin ngay là người con gái kia, vốn đa tình nhưng vì kém sắc nên không được chuộng đến phải ẩn ức mà phát ra cái loại thơ kinh khủng đặc dị tình kia. Đó là giải thích về Nguồn gốc.

Còn về Công dụng thì đã có học giả Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm. Căn cứ vào lời thơ có vẻ đàn bà và dựa trên lập trường đấu tranh giai cấp ông đã khoác cho thi sĩ một chiếc áo cách mệnh. Ông cho rằng thơ Hồ Xuân Hương là lợi khí của phụ nữ chống phong kiến, chống nam quyền. Đàn bà chống đàn ông thống trị và áp bức. Khẩu hiệu đó mới hay ho làm sao? Nhưng bà chống ở điểm nào? Tức là ở chỗ luân lý Nho giáo phong kiến bắt người ta phải cưới xin hẳn hoi rồi hãy có chữa. Thật là vô lý. Cái vô lý đó đã bị nhân dân (!) xỉ vả:

Không chống mà chữa mới ngoan,

Có chồng mà chữa thế gian sự thường.

Cái sự thường đó đã thể hiện qua bài thơ:

Cả nể cho nên sự dở dang,

Nỗi niềm chàng có biết hay chẳng?

Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc?

Phận liễu sao đà nẩy nét ngang.

Cái tội trăm năm chàng chịu cả.

Mảnh tình một khối thiếp xin mang!

Quản bao miệng thế lời chênh lệch.

Những kẻ không mà có, mới ngoan.

(Chửa hoang)

Hồ xuân Hương cách mệnh, Hồ xuân
Hương cải tạo xã hội, Hồ xuân Hương chống

nam quyền bằng cách cố động các hành vi để sinh lý lên trên đạo lý. Không biết con đường cách mệnh ấy sẽ đưa nhân loại tới đâu? Tóm lại, một khi tài liệu chưa đủ để minh xác cuộc đời của tác giả, thái độ cần thiết là sưu cứu để chứng minh hay phủ nhận chứ không phải căn cứ vào thơ văn để tô son điểm phấn hay lợi dụng.

* * *

Tuy nhiên thơ Hồ xuân Hương hiển hiện như hào quang trong bóng tối đọa đầy của một nền văn học ngoại dịch. Không ai chối cãi về sự hiện diện của loại thơ đã được hầu hết các giới hoan nghênh và suy tụng. Thơ Hồ Xuân Hương nằm ngang ra đó. Nhưng ai là Tác giả? Ai đã phóng ám khí vào văn học?

Rất có thể đó là Nho sĩ. Nghĩa là đàn ông đã làm ra chứ không phải là của một bà tên gọi Hồ xuân Hương, đã là bà đó ẩn ức dục tình, bị ám ảnh bởi cái giống, hay cách mệnh cũng thế.

Chúng có: Về phương diện tâm lý, ta tìm gặp lòng tự tôn và tỉnh xô xiên của nho sĩ đối với phụ nữ.

Trong Việt sử và khẩu truyền, các công nghiệp của nam giới thường được các cụ tô điểm bằng những nét thật hùng tráng và anh dũng. Chẳng hạn như khi Trần Bình Trọng bị quân Nguyên bắt, chúng dụ hàng thì người quắc mắt trả lời: “Ta thà làm quỷ nước Nam, không thềm làm vương đất Bắc”. Ghê thay lời can đảm! Trần Hưng Đạo biết vua Trần nào núng trước sức mạnh quân thù liền tâu: “Xin bệ hạ hãy chém đầu thần đi đã rồi tính chuyện hàng”. Thật là bất hủ. Và Lê Lợi, Lê Lai, Nguyễn Trãi trong mười năm đổ máu kháng Minh, lòng yêu nước, chí quật cường còn long lanh trong Bình Ngô Đại Cáo, Lam Sơn Thực Lục. Quang Trung thét lớn ở Nghệ An: “Chết hay ăn tết” và trực quân Thanh ra khỏi Bắc Hà, hàn gắn niềm khổ đau của nước Việt hơn mấy trăm năm chia cắt... Còn nhiều, còn nhiều nữa những nét thẩm tươi.

Nhưng khi chép về phụ nữ thì sao? Đại nam quốc sử diễn ca đã chép về nguyên do cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng:

Bà Trưng quê ở châu Phong,

Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.

Chị em nặng một lời nguyên,

Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân...

Trưng Vương vì thù chồng mà đứng lên vì nợ nước thì cũng khá thâm thúy. Nhưng đây còn nhẹ nhàng. Đến như Triệu Ẩu mới thật tệ. Khi tướng Ngô là Lục Dân đem quân dày xéo non sông, không có lấy một người đàn ông lo việc đối kháng để cho nhi nữ phải ra tay. Vị nữ anh hùng đem thắng lợi cho nước nhà đã được các cụ ghi vào lịch sử với một chi tiết tiểu lâm: vú dài ba thước !!! Ôi! Bà Triệu có phải là dòng giống Lạc Hồng không? Thêm vào đó cái chết của bà cũng không kém phần bi thảm, nhục

nhã. Số là Lục Dận bị thua mãi bèn điều tra cái danh hiệu Triệu trinh nương (người con gái trong trắng họ Triệu) và thiết kế cho ba trăm tên quân hỏa thể ra trận. Thoạt trông thấy cảnh như bắn, bà bùng mặt chạy dài và rút gươm tự tận. Vị nữ tướng bách chiến giai thành lại thảm bại trong trường hợp dễ dàng và đơn giản thế thôi ư? Không tin được. Đọc tới câu chuyện trên hẳn một số các bạn khâm phục lòng cao khiết của Bà Triệu mà có khi quên không để ý tới sự xuyên tạc sâu sắc của người chép sử.

Đây là chúng cơ về nữ tướng. Còn trong văn giới thì sao?

Ai đã đọc qua Tự Thán của Ngọc Hân công chúa, em vua Chiêu Thống, vợ vua Quang Trung đều phải kính phục lòng thảm thiết của nữ thi sĩ. Trang quốc sắc ấy, vâng mệnh phụ hoàng là vua Cảnh Hưng kết duyên với Bắc bình Vương Nguyễn Huệ khi ngài ra Bắc diệt Trịnh phù Lê. Mỗi lương duyên đó đã đưa bà lên địa vị hoàng hậu sủng ái vô cùng nhưng

đồng thời cũng chịu bao đau khổ vì những biến thiên chính trị. Khi vua Quang Trung bắt hạnh bằng hà; Gia Long lần mò về đoạt lấy cơ đồ của Tây Sơn đang lung lay trong bàn tay bọn loạn tướng của vua Quang Toản, sau bao năm chạy trốn chết vì quá sợ. Việc đầu tiên của ông là cho trị tội bọn tôi cũ “Ngụy triều”, đào mả Quang Trung lấy sọ xiềng xích đem giam vào ngục tối, lại dùng thuốc độc giết chết ba con nhỏ của công chúa với Quang Trung, kết quả của mối tình dang dở. Lúc bấy giờ công chúa đã cải trang làm thường dân trốn vào Quảng Nam, không bao giờ gặp mặt kẻ giết chồng, hại nước.

Trần trọc suốt đêm sâu ngày tối,

Biết cùng ai dập nổi bi thương.

Trông mong luống những mơ màng,

Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say.

Khi trận gió hoa bay, thấp thoáng.

Ngõ hương trời bảng lảng còn đâu.

Vội vàng sửa áo lên châu,

Thương ôi quanh quẽ trước lầu nhện chăng.

Khi bóng trăng lả in lấp lánh,

Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.

Vội vàng dạo bước tới nơi,

Thương ôi, vắng vẻ giữa trời tuyết sa...

một mối thất tình tha thiết như vậy mà từ lâu, sử cũ vẫn chép là bà đã kết duyên với vua Gia Long sau khi y đã quật mả chồng và giết hết con mình. Sự ám muội đó phải đợi tới năm 1949 mới được Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm cải chính trong Văn học Tây Sơn.

Đó là những chứng cứ rõ ràng trong lịch

sử. Ngoài ra những chuyện lưu truyền còn nhan nhản trong dã sử và tiểu lâm nữa. Những tài liệu này tuy không đủ cho ta quyết đoán nhưng cũng trình bày ra một khía cạnh tâm lý của người xưa về khuynh hướng trọng nam khinh nữ.

Trong Văn giới ta, có được bao nhiêu văn nhân khả dĩ dám so với bà Đoàn Thị Điểm. Ngay như tác phẩm Chinh phụ ngâm của Đặng Trần Côn cũng không được phổ biến bằng bản dịch của nữ sĩ Hồng Hà. Tác phẩm dịch không những cô đọng được cả một vườn lên của văn nôm toàn thịnh mà cuộc đời dịch giả cũng biểu lộ một nếp sống tài đức kiêm toàn. Thế mà, vị nữ sĩ đó lại được ghép đi đôi với Trạng Quỳnh, tên nho sĩ vô hạnh, phản ánh tinh thần phóng túng, và đạo của các cụ. (Xin đọc Trạng Quỳnh đi sứ của Doãn Quốc Sỹ. Sáng Tạo số 19 tháng 7-1957) Vài chi tiết: “Một hôm bà Điểm đang tắm. Trạng Quỳnh nằng nặc đòi vào xem. Túng quá bà ra câu đối, hể Trạng đối được thì vào. “Da trắng vỗ bì bạch”, (Bì bạch còn có nghĩa

là Da trắng) Trạng đối không được, bỏ đi. Lần khác, vua ta tiếp sứ Tàu. Vì muốn bịp sứ giả, vua sai Trạng giả làm lái đò và bà Điểm làm cô hàng nước. Cái chuyện thi đua làm tục giữa sứ với Trạng ở dưới đò xin miễn nói tới. Chỉ xin kể rằng: Khi vào quán, thấy đôi mắt có hàng đong đưa, tình tứ, có ý lả lơ, sứ Tàu ghét ra câu đối: “Ân nam nhất thốn thổ, bất tri kỷ nhân canh” và bà Điểm liền đối ngay “Bắc quốc đại thượng phu, giai do thử đồ xuất” (Một tấc đất nước Nam không biết mấy người cày (ám chỉ tính lẳng lơ). Đối lại: Đại trượng phu nước Tàu đều do đường ấy mà ra cả. Trích: Chinh phụ ngâm khúc dẫn giải của Nguyễn Đỗ Mục.). Sứ Tàu sợ quá, cho rằng tên lái đò, cô hàng nước còn giỏi như thế đến bọn nho sĩ thì lại giỏi tới đâu!

Thuở bé, đọc chuyện trên, tôi phục về tài mẫn tiệp của bà Đoàn Thị Điểm hết sức. Nhưng bây giờ nghĩ lại mới ngán cho cái lối xỏ ngọt đàn bà của các cụ. Mỗi khi đọc những câu:

Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.

Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng.

Trước hoa, dưới nguyệt trong lòng xiết đau.

thì ta cũng thấy lời thơ tình tứ thật, nhưng đâu đến nỗi đong đưa, lả lơi, như khi tiếp sứ Tàu?

Xem đó, ta thấy các cụ đã tự vẽ tô với những nét thật tươi và kể chuyện đàn bà với những lời thật ác. Từ đó mà suy, ta có thể nghi rằng trong khi các cụ có thiên về lý trí (Tư vô tà) cố không nghĩ tới điều xằng, thì tình cảm và bản năng đã khiến hiện ra loại thơ tục và vì sợ mang tiếng tiểu nhân, các cụ gán luôn cho đàn bà với cái biệt hiệu là Hồ Xuân Hương. Vậy Hồ Xuân Hương là tên một loại thơ, thể thi rất luật mà hơi thì rất ca dao, chứ vị tất là tên của một người đàn bà.

Một chứng cứ thứ hai nữa là các nho sĩ thường trọng Hán văn mà khinh miệt Văn-nôm một cách quá đáng.

Trong khi khảo cứu Văn học Việt nam, một vị Linh mục ngoại quốc có phát biểu: “Văn học Việt nam mà bỏ hết phần Hán văn thì thật không còn gì nữa”. Đứng trên địa vị một người ngoài, vị Linh mục kia đã cho ta thấy một nhận xét tuy quá đáng nhưng không phải là hoàn toàn vô lý. Nếu ngày trước những học giả yêu tiếng Việt mỗi khi vào thư viện trường Viễn đông bác cổ Hà Nội hay Quốc tử giám Huế để tìm tài liệu thì hẳn đều nhận thấy những tác phẩm nôm rất lơ thơ và vô căn cứ. Ngày xưa, bao nhiêu tâm lực của các cụ đều phóng cả vào việc từ chương khoa cử, nếu không thì cũng dồn toàn lực vào việc sáng tác bằng Hán văn. Văn nôm chỉ là một lối chơi trong lúc trà dư tửu hậu. Trong lịch sử chỉ có hai lần văn nôm được trọng dụng là Hồ Quý Ly và Quang Trung, nhưng lại tiếc hai triều đại trên đều quá

ngắn ngủi, cho nên việc phổ biến cũng chỉ le lói rồi tắt phụt.

Mang danh hiệu “Nôm na là cha mách què”, các cụ không bỏ được mặc cảm khinh rẻ chữ nôm. Đã không ưa thì dù có vì sự thúc giục của bản năng dân tộc các cụ có làm ra thì cũng chối bỏ. Không mấy khi tên tác giả được ghi theo tác phẩm, cho nên mới xảy ra cái tai nạn thường xuyên là tam sao thất bản, đem râu ông nọ chấp cằm bà kia. Mãi cho tới sau cuộc quật khởi 1789 của Quang Trung văn nôm mới khá được để ý và bộc phát chói lọi trong thời Nguyễn sơ cho tới ngày nay. Xét đó mà biết, vậy thì cái loại thơ tục tĩu của Hồ xuân Hương, hay thì hay thật nhưng thử hỏi nho sĩ có dám đặt tên mình vào đó chẳng? Đã chối bỏ, đã lợi dụng đề tài và địa vị của đàn bà để sáng tác cho dễ thì nho sĩ còn ngại ngần gì mà không đặt cho loại thơ ấy một tên hiệu có vẻ “đàn bà” là Hồ xuân Hương.

Cái chứng cứ thứ ba để trả lại loại thơ Hồ xuân Hương cho nho sĩ là sức đàn áp của luân lý nho giáo.

Tâm hồn cá nhân xây dựng trên ba yếu tố căn bản: Bản năng, tình cảm và lý trí. Đạo Nho lấy lý trí vụ luân lý (Trai: tam cương, ngũ thường. Gái: tứ đức, tam tòng) để chế ngự bản năng và hướng dẫn tình cảm cho hợp với đạo thánh hiền. Ai theo lý trí Nho giáo là quân tử, ai theo bản năng, tình cảm là tiểu nhân. Thơ Hồ xuân Hương là tiếng nói trung thành của tình cảm dồi dào, của dục vọng sôi nổi, xây dựng trên một đề tài nhất trí là sinh lý, là cái phần mà nho sĩ cho là tệ hơn cả trong dục vọng loài người. Đã thế, bản năng và tình cảm là hai thằng giặc khó trị, thường hay xuất phát bất ngờ. Chiến thắng nghìn vạn quân địch dễ, tự thắng ta mới khó. Thế nên trong một phút xiềng xích lý trí Nho giáo lỏng lẻo. Tính năng đã hiển hiện ra huy hoàng trong loại thơ kia. Sức tỉnh cơn mê thì sự đã rồi, nho sĩ liền chối bỏ vì không muốn là tiểu nhân dù rằng:

Hiền nhân quân tử ai là chẳng?

Mỗi gói chôn chân cũng phải trèo.

Sống theo tình cảm, bản năng là sống theo tự nhiên, sống theo luân lý là khuôn khổ. Tất nhiên là không nhận sự thái quá về một khía cạnh nào của tâm hồn. Thiết tưởng ba chứng cứ nhỏ mọn trên cũng đủ cho ta tin tưởng về chủ nhân của loại thơ Hồ xuân Hương. Nhưng ở đây một vấn đề khác được đặt ra là: Tác giả loại thơ này là một hay nhiều người?

Đã là một loại thơ tất phải là của nhiều người. Nhưng có một điều lạ, rất lạ: Tính cách nhất trí về đề tài khiến ta có ảo tưởng là sản phẩm của một cá nhân, một nho sĩ. Thơ Hồ xuân Hương có loại Tự tình khóc than vì thiếu chân gói; loại Xã hội chế diễu những kẻ ngựa ngề, những tay đạo đức giả không dám để sinh lý trên luân lý; loại Hoạt cảnh tả thú vui vật chất, loại Tĩnh vật và loại Phong cảnh chuyên tả cái hình ảnh kín đáo của phái nữ. Dù đề tài

có khác từ một vật vô tri giác như “Cái quạt cho tới một phong cảnh như đèo « Ba đội » ý tưởng trong thơ đều biến hóa, thoát hình để trở về với đề tài vô trung sinh hữu mà thôi (Xin đọc Thơ tục Hồ xuân Hương. Sáng Tạo số 16 tháng Giêng 1958). Thế nhưng lý lẽ này sẽ không vững khi ta đọc bài Vịnh Cảnh Hoa Đào sau đây:

Trời để trời nuông trời phải dạy,

Dẫu rằng bé bỏng khéo kiêng khem.

Trải bao đêm vắng cùng mưa móc,

Vẫn một màu son với chị em.

Cười trợn gió đông hăng hái thổi,

Thương con bướm trắng phất phơ thềm.

Xin ai thương đến đừng ham mó,

Hễ mó tay vào ố nhọ nhem.

Giọng thơ đặc Hồ xuân Hương này chính

của Tản Đà. Đấy! Sau bao nhiêu năm, một nhà nho thất thế còn làm được hai bài thơ trên, thử hỏi ngày trước trong không khí ngọt ngào của nho giáo thì sao? Có người nói: « Thơ Hồ xuân Hương là sản phẩm thời Lê-mạt, phản ánh thời đại cực loạn trong lịch sử Việt Nam. Chính trị thối nát, đất nước bị xé nát dưới bàn tay các lãnh chúa: Trịnh, Nguyễn, Mạc, Tây Sơn, Lê, Trương Phúc Loan, Kiêu binh v. v.. Cả một hệ thống tổ chức xã hội đảo lộn, trí thức nho sĩ phân tán tinh thần, xu hướng đến cực độ. Chính hoàn cảnh xã hội trên đã đẻ ra loại thơ quý quái đó ».

Vâng. Thì cũng đúng một phần; nhưng chúng ta đừng quên rằng: Với thân trí và hồn tính vững vàng, dân tộc Việt đã trào phúng thường xuyên, tiểu lâm thường xuyên, bất chấp thời loạn hay trị.

Hãy đọc vài vế trong bài “Ngã Ba Hạc Phú » của Nguyễn Bá Lân (1701-1785) nho sĩ:

Vui thay! Ngã ba Hạc. Vui thay! Ngã ba Hạc.

Dưới hạp một giòong, trên chia ba gác.

*Ngóc ngách khôn đo rộng hẹp; dòng biếc lẫn
dòng đào.*

*Lênh lang dễ biết nông sâu; nước đen pha nước
bạc.*

*. . . Ba góc bờ chia vành vạch, huyết Kim quy
hẻm đá rộng hông hênh.*

*Hai bờ cỏ mọc lâm râm, Hang Anh vũ giữa giòong
huyệtch hoác.*

Mọi thú mọi vui, mỗi chiều một khác.

*Lơ thơ đầu ông Lã thả cần, trần trụi móc Chũ
đồng ngâm nước,*

*Bè khách thương hạ bến, cắm neo quỳ gối lắc
cày xuôi; thuyền ngư phủ thuận giòong, giường*

nách khom lưng chèo tếch ngược.

*Dùi điểm thùng thùng trống gọi, cửa tuần rộn rã
khách chen vai*

*chày đâm văng vẳng chuông đưa, nền Phật-tự
lao xao người rén bước...*

*Ai hữu tình ngấm lại mà coi; kẻ làm cực nhân
gian chi khoái lạc.*

Duyệt qua những hoài nghi, những chứng cứ, những lý do trên, mục đích chúng tôi không gì hơn là kêu gọi các học giả uyên thâm xúc tiến việc minh định văn học cho hoàn bị và đặt ra những giả thuyết trên cùng để mong được xét lại, riêng cho Hồ xuân Hương và chung cho cả Văn học sử Việt Nam.

LỮ HỒ

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của: Thái Tuấn – Thanh Nam – Duy
Thanh – Hà Nam

TRIỂN LÃM NGUYỄN V PHƯƠNG

Tại hội quán Việt Nam P.E.N Club đã bắt đầu trưng bày một số họa phẩm của họa sĩ Phương.

Thoạt bước vào phòng tranh, tất sẽ một người choáng mắt về những màu sắc rực rỡ và khuôn khổ to lớn của các bức họa. Nhưng những cảm giác đó qua đi rất chóng, như khi người ta nhìn một thiếu nữ xấu khéo đánh phấn trong khi còn đi ngoài tầm mắt. Tất cả các bức họa được đem trưng bày không một bức nào gây nổi cái không khí cổ kính của Việt Nam. Họa sĩ Phương trong khi nhận mình ở

phát hiện thực đã nhầm lẫn, và bởi sự nhầm lẫn nên căn bản họa sĩ dùng để xây dựng các họa phẩm đã không đứng vững, cũng vì vậy mà bị phá sản từ nền móng.

Vậy thì hiện thực là cái gì? Một tác phẩm hội họa, nghệ thuật là một cảm xúc do chúng ta nhận được của sự vật đồng thời cũng là sự diễn tả của tâm hồn chúng ta. Bởi vậy nó là thực, là lý tưởng. Có những họa sĩ hạn chế cái nhìn, cái cảm nghĩ của mình trước sự vật. Lại có những họa sĩ cho rằng cảm xúc mà sự vật đưa lại cho mình chỉ là khởi điểm của trí tưởng tượng. Nếu một họa sĩ hiện thực cố gắng ghi chép khách quan tất cả mọi chi tiết của sự vật không hề lựa chọn, không hề diễn tả cái phản ứng của tâm hồn mình thì những họa phẩm đó cũng chẳng hơn gì tấm ảnh chụp. Nhưng nếu căn cứ vào sự thực mà không nắm vững được cái thực, rồi quên mất những cảm xúc đầu tiên để đi lạc quá xa vào một thế giới mơ hồ trừu tượng thì tác phẩm sẽ chỉ còn là những lược

đồ, những biểu tượng không ở trong địa hạt của nghệ thuật.

Họa sĩ Phương mà đặt cho đúng chỗ là ở phái lý tưởng (idéaliste) nhưng dù vậy cũng không làm được đúng vai trò mình. Những cảnh “Ngày xuân ở văn miếu”, “Môn sinh chúc tết”, “Xuân về đẹp Thăng Long” v. v... chỉ là những sự thực (mà lại không thực) được họa sĩ lý tưởng hóa đi. Lý tưởng hóa có thể là một đường đi, là một mục đích nhưng không thể lý tưởng hóa một sự không phải là sự thực. Tôi nghĩ rằng vấn đề trở về để gây lại những cái đẹp cổ kính là một vấn đề khá gay go; cần phải có công phu nghiên cứu sử liệu, cần phải nắm được sự thật, sống lại cái không khí cổ kính qua thi ca, văn chương và âm nhạc (bởi chúng ta đã không từng được sống ở thời kỳ đó); thì cái việc lý tưởng hóa của chúng ta mới thành mới đạt.

Công việc đã không thể coi là một trò đùa. Không thì chỉ mặc cái váy cái yếm đã thành

được có thôn nữ. Ông Đồ trong bức tranh “Bài chúc tết của môn sinh” làm người ta nghĩ đến “ông già Noel” với bộ râu bằng bông gòn dính lờm chớm. Đề tài màu sắc trong các bức họa nghèo nàn đến độ gần như là một công thức. Bất cứ cảnh nào cũng từng ấy màu sắc, từng ấy con người giống nhau như đúc cùng một khuôn khổ, cho đến những hình thể của các chiếc thắt lưng màu đỏ cũng hình như được can đi can lại.

Có thể kết luận là các bức họa đó đã xuyên tạc sự thật của nghệ thuật, nó cũng không có được giá trị của sự minh họa bởi nó thiếu cái sườn là sự thực nên nó thiếu luôn sự sống.

Thái Tuấn

TRIỂN LÃM SƠN DẦU của HỌA SĨ BON NGUYEN

Điểm qua hơn 100 bức họa của họa sĩ Bon Nguyen trưng bày tại phòng Thông tin đô thành, điều làm tôi nhận rõ hơn cả là: họa sĩ chưa tạo cho mình được một bút pháp (style) riêng biệt, độc đáo. Trong hơn một trăm bức họa, thực ra lần đầu tiên dân chúng đô thành Saigon mới được thưởng ngoạn nhưng mọi người đều có cảm tưởng là lối vẽ ấy, những bức họa ấy mình đã từng được xem nhiều lần lắm rồi. Bởi nó chau chuốt quá nên đi đến khô khan, bởi vì nó bị gò vắn ép điệu nên dễ thành khuôn sáo. Một bức họa đạt được, phải đem lại cho người xem có cảm giác rằng mình mới được nhìn bức họa đó lần đầu tiên. Sự xúc động sẽ giảm đi hoặc không có nữa trước những cảnh quá quen thuộc.

Ở phòng tranh có người nói rằng: “họa sĩ đã vẽ người vẽ cảnh ngoại quốc nên người thưởng thức khó thông cảm”. Tôi không đồng

ý về điểm đó. Vì bất cứ một đề tài nào cũng có thể gây cảm hứng cho người xem tranh, miễn là họa sĩ biết nhìn bằng chính lối nhìn riêng biệt của mình, biết rung động bằng các rung động của tâm hồn mình trong khi sáng tác.

Tranh của họa sĩ Bon Nguyen không gây được một cảm hứng gì cho người xem không phải vì những đề tài họa sĩ đã dùng, chính là vì bút pháp không có. Những bức phong cảnh, những bức chân dung và cả những bức họa khỏa thân chỉ là cái cớ để họa sĩ biểu diễn về kỹ thuật; một thứ kỹ thuật khuôn sáo và chưa tiến bộ kịp về các đề tài mà họa sĩ lựa chọn để vẽ. Tôi nhận thấy họa sĩ đã nhìn bằng con mắt nhà du lịch ở một xứ lạ, cố ghi chép lấy một ít kỷ niệm đẹp; tuyệt đối thiếu hẳn con mắt và tâm hồn của một nghệ sĩ đi tìm những vẻ đẹp sâu động bên trong. Những con người trong tranh của họa sĩ không biểu lộ một chút gì để ta có thể hiểu về họ. Ta chỉ thấy đó là những mẫu người câm lặng có bộ mặt xa lạ. Bức tranh số 116 “Thiếu nữ đội nón” đã chứng tỏ lời tôi

vừa nói ở trên. Thiếu nữ đó có một làn da trắng bột, khô lạnh như của một pho tượng thạch cao, nét mặt thản nhiên đến cái độ lạnh lùng.

Phần màu sắc, không ai chê được họa sĩ về cách hòa hợp màu sắc; nhưng thử hỏi rằng: trên một trăm bức tranh mà bức nào cũng đều theo một công thức hòa hợp về màu sắc thì tâm hồn họa sĩ phải thản nhiên, lạnh lùng đến mức nào trong khi sáng tác? Lối vẽ của họa sĩ cũng không rõ rệt, lúc thì là “ấn tượng” khi thì là “hiện thực ánh sáng” (luministe). Tôi thì tôi cho rằng cổ điển hay tân tiến cũng đều được cả, nhưng quan trọng là nghệ sĩ không phải một tên nô lệ cho các luật tắc. Luật tắc là các khung xe giữ cho đứa bé khi mới tập đi. Nhón lên nó phải đi bằng chính hai chân của nó. Những bức họa của họa sĩ Bon Nguyên nếu có một phần nào giá trị, thì cũng không ngoài cái giá trị của các “bài làm kiểu mẫu” trong phạm vi: vấn đề kỹ thuật của hội họa.

Thái Tuấn

HOA BÊN VƯỜN CŨ

của TRẦN PHƯƠNG NHƯ

Trần Phương Như là một cây viết mới. Hoa bên vườn cũ là tác phẩm đầu tay của ông, gồm mười ba truyện ngắn. Ngoài một truyện nói về loài vật (Vàng và Mực) còn thì hầu hết đều là những mẫu tiểu thuyết hồi ký. Trong những truyện đó, tác giả viết về đời sống thơ ấu của mình. Hình ảnh những chia ly, tan vỡ, xa cách, đầy rẫy trên gần hai trăm trang sách. Mở đầu là truyện ngắn Hoa bên vườn cũ, truyện chính và cũng là truyện được tác giả chọn làm tên in ngoài bìa sách. Người ta đã nhận thấy rõ cái dụng ý của tác giả khi chọn tên đó. Vì toàn thể những truyện sau đều chung một rung động của truyện đầu. Ở đây, người ta đã gặp một chuỗi sầu dĩ vãng của tác giả. Những băng khuâng, thương tiếc, ngậm ngùi được nhắc nhở đến quá nhiều. Nếu ở truyện đầu (Hoa bên vườn cũ) tác giả nói đến những sót xa, thương tiếc của

mình đối với những cánh hoa xưa, vườn cũ thì ở những truyện sau, những sót xa, thương tiếc ấy cũng đã được nhắc lại đầy đủ. Như người đọc đã gặp trong Đồi bàn tay mẹ, Chì Sắc, Lạc loài, Chiều v. v...

Sự thất bại của Trần Phương Như là đã không tạo được một không khí dĩ vãng trong những truyện ngắn kể lại đoạn đời thơ ấu của mình. Người đọc không tìm thấy trong Hoa bên vườn cũ, những thiết tha của một Hồ Dz-ếnh trong “Chân trời cũ”, những sôi nổi u ất của một Nguyên Hồng trong “Những ngày thơ ấu”, nỗi đau thương của Mạnh Phú Tư trong “Sống Nhờ” và nhịp điệu hồn nhiên, thơ mộng của Tô Hoài trong “Cỏ Dại”, “Xóm giếng” ngày xưa.

Tôi vẫn quan niệm rằng hồi ký tiểu thuyết là một loại văn vừa khó viết mà lại vừa khó thành công. Dem những kỷ niệm của riêng mình viết ra để làm rung động được tâm hồn người đọc không phải là một chuyện dễ dàng.

Vì vậy, tôi không lấy làm lạ khi thấy Hoa bên vườn cũ là một thất bại của Trần Phương Như. Nếu có ngạc nhiên thì chỉ ngạc nhiên về chỗ tác giả đã chọn tập tiểu thuyết này để giới thiệu mình với người đọc.

Trần Phương Như có một lối viết dễ dãi, tự nhiên. Nhiều đoạn ảnh hưởng nặng nề của nhóm Tự Lực thời tiền chiến:

Chàng dụi mắt ngược nhìn khung cửa sổ hai cánh vừa bị mở rộng: tia nắng soi thẳng vào mặt Tuấn làm mắt chàng chớp khê. Bóng cành dừa ngoài chấn song là hình ảnh nét đậm nhất giữa nền trời xanh lơ. Những hình mây trắng xấp, sau tàu dừa nằm im không xê chuyển. Không gian lặng lẽ và trong bóng nắng chiều rung nhè nhẹ. Tuấn cố lắng nghe: những tiếng xao động bé nhỏ, tiếng ào xào của cây lá, tiếng chiêm chiếp của đôi chim sẻ kiếm ăn trở về. Xa một chút, bên kia bờ rào, tiếng đôi guốc bỏ lững giữa nền hè. Cái gáo dừa chạm khê vào thành vại tiếp theo tiếng vo gạo san sát trong

chiếc rá nan... (trang 122)

Cứ thế, chiều nào cũng giống chiều nào, đoàn người đan một vệt bóng mờ dài chập chờn đi ngang qua nhà tôi khi trời sập tối. Từ độ đầu tháng sáu cho tới cuối tháng tám ta, gần suốt sáu bảy mươi buổi chiều, đoàn người ấy là hình ảnh quen thuộc của cảnh vật nơi này và của cả chính lòng tôi. Có nhiều lúc tôi mong ngày chóng xế để sớm thấy họ, im lặng đi ngang trước mắt mình, trước nhà mình.

Có buổi không thấy họ về, tôi đã băng khuâng đi dọc theo con đường mòn đến chập tối. Trời lúc bấy giờ tím xẫm. Leo lét gần xa những ánh đèn. Phong cảnh hai bên tôi trở thành nhạt nhẽo, vô vị. Tôi cảm thấy thiếu, thấy trống, hình như trên con đường này, ở chặng đường này, mỗi khi bóng tối lùa về, trong vắng lặng phải có tiếng kiu kịt và hình dạng một đôi quang gánh đường rừng quẩy lại. (Trang 35-36)

Những truyện khá trong Hoa bên vườn cũ:
Hoa bên vườn cũ, Chiều. Đôi bàn tay mẹ, Lạc
loài.

Dù không mấy vừa lòng với tác phẩm đầu
tay của một cây viết mới này, song tôi nghĩ rằng
nên khen tác giả một câu:

Ông còn tiến xa hơn nữa và sự thất bại của
Hoa bên vườn cũ sẽ chỉ là một khởi điểm trên
chặng đường tiến tới thành công sau này của
ông.

Thanh Nam

TRIỂN LÃM PHẠM KIM KHẢI

Tại hội quán Văn hóa Á châu đường Lê Văn Duyệt có cuộc triển lãm của họa sĩ trẻ tuổi Phạm Kim Khải. Mặc dầu tấm biển đề ngoài chỉ mang những chữ mằm non hội họa và Phạm Kim Khải còn là học sinh nhưng tôi hy vọng với thời gian anh sẽ trở thành một họa sĩ thực thụ.

Không theo học ở trường hội họa nào, anh Khải chỉ thấy thích vẽ và mạnh dạn bước chân vào nghề để diễn tả cảm xúc của mình lên khung vải bằng sắc màu hoàn toàn theo ý riêng. 24 họa phẩm sơn dầu trưng bày tuy chưa đạt tới độ cao của nghệ thuật nhưng đủ nói rõ thiện chí của nhà họa sĩ trẻ tuổi này với ngành mỹ thuật.

Lỗi về của anh Khải còn rối rắm, bất nhất, tuy vậy người ta đó cảm thấy phần tâm hồn của anh cũng khá phong phú. Nhà họa sĩ có

ý muốn gửi gắm “một cái gì” trong từng tác phẩm. Dù chỉ như thế Phạm Kim Khải đã đáng nên khuyến khích lắm rồi, huống chỉ anh còn có công ra mắt những tác phẩm mình trước quần chúng một cách rất tự nhiên.

Nhận xét về tranh ảnh tôi chỉ thấy anh còn ngập ngừng giữa hai nguồn ảnh hưởng Âu châu, của một vài họa sĩ cổ điển và của phái Ấn tượng thế kỷ 19. Nét bút anh có phần buông thả, phóng túng nhưng cũng có bức còn rụt rè muốn tìm lối thoát mà chưa thấy.

Nói chung Phạm Kim Khải vẫn chưa thấy đích xác con đường định đi. Tôi muốn nói sự độc đáo mà mỗi họa sĩ cần phải có. Tất nhiên chúng ta không thể đòi hỏi gì nhiều ở một họa sĩ mới bước chân vào nghề nhưng tôi đặt hy vọng. Nếu anh Khải chịu khó đẩy tới cách nhìn toàn diện một bức tranh, lối vẽ từng tảng lớn, bỏ bớt những chi tiết vụn vặt anh sẽ tiến xa nữa. Anh mới có tâm hồn nhưng còn thiếu phần kỹ thuật. Tôi tưởng cách diễn tả bằng

bút sơn cũng là một điều quan trọng. Ngoài ra anh Khải nên chú ý tới phần hình họa, nhất là ở những tấm vẽ người. Sự tương xứng ở cơ thể con người cũng là điều không nên bỏ qua. Vượt khỏi những trở ngại này, anh Khải sẽ còn tiến xa trên đường nghệ thuật.

Duy Thanh

TRIỂN LÃM VÔ MINH NGHIÊM

Hội quán Pháp văn đồng minh - 22 Gia Long

Nhà họa sĩ này đã dùng đủ mọi phương tiện để diễn tả cảm xúc: phấn màu, sơn dầu, thuốc nước, chì than v.v.. Và cuộc triển lãm của ông có thể nói khá rồi rào về lượng vì có tới gần 70 họa phẩm trưng bày.

Tôi nhận thấy trong những tranh vẽ cảnh bằng phấn màu họa sĩ đã gây được cái không khí của sự vật, do đó cảm giác của người xem cũng thoải mái. Ông Võ Minh Nghiêm thành công ở một đa số những tranh bằng phấn màu (pastels) hơn những tranh bằng sơn dầu. Ngoài ra có thể kể đến vài tấm tranh nho nhỏ bằng thuốc nước với những con thuyền đi trên sông nhẹ nhàng êm ái. Về kỹ thuật vẽ chì, họa sĩ tuy chưa tránh khỏi một vài công thức nhà trường song phần hình họa của ông rất đáng chú ý: mạnh mẽ và dễ dàng.

Dù sao ở những tranh vẽ về người tôi vẫn cho rằng ông Võ Minh Nghiêm chưa thành công lắm. Nhân vật của ông còn câu thúc trong nhiều dáng điệu cứng nhắc như những bức Mẹ con, Giấc ngủ trên vông chẳng hạn.

Ngoài ra tôi còn chưa đồng ý hẳn với họa sĩ ở một số tranh có tính chất lập thể mà ông gọi là bố cục. Theo tôi đấy chỉ là những thí nghiệm nhỏ, tôi thấy sở trường của ông Võ Minh Nghiêm chính là trong những phong cảnh núi rừng mây nước. Ông là một họa sĩ du lịch nhiều, những tranh về cảnh Trung Nam, Bắc đã chứng tỏ điều đó. Những kinh nghiệm kỹ thuật cũng có phần sắc sảo của một họa sĩ hành nghề lâu năm.

Duy Thanh

THUYỀN THƠ THI TUYỂN của ĐÔNG XUYỀN

Tôi vẫn nghĩ rồi mai đây thế hệ con cháu mình chúng sẽ không còn thế nào thưởng ngoạn nổi cái đẹp của chiếc khăn xếp, tà áo the thâm. Từ một ý nghĩ vẫn vương tôi đi đến hành động dần vật thái độ chối từ phục vụ các thi pháp cổ điển của mình.

Tập Thuyền Thơ của Đông Xuyên trao tặng tôi, tôi nhận được đã lâu những cảm thấy đọc nó mệt lả thành ra tôi cất đi và rồi gần như quên lãng ở cõi đời này có một tập thơ mới xuất bản.

Một buổi tối trời nóng quá, không ngủ được, và muốn đi vào giấc ngủ dễ dãi hơn, tôi mang tập Thuyền Thơ ra đọc. Hai bài giới thiệu của Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê đã cho tôi biết thêm, sau chiếc khăn xếp, sau tà áo the thâm

trang nghiêm chứng chắc; Đông Xuyên là một thi sĩ rất thi sĩ.

Cuộc phiêu lưu để thưởng ngoạn nghệ thuật của Đông Xuyên bắt đầu như vậy. Thái độ của tôi thật đáng kết tội. Thơ Đông Xuyên đã rung cảm được tôi, rung cảm rất sâu sắc. Những bài: Thuyền Thơ, Đêm Sao Đóm, Tái Ngộ, Xóm Bàn Cờ của Đông Xuyên rất xứng đáng là những bài thơ, thơ hay.

Chất thơ Đông Xuyên là chất thơ ẩn tượng hơi nghiêng về hiện thực. Tôi thú vị các bàng bạc mung lung đi ra ngoài cõi đời, đổi thay thực tại của Đông Xuyên bao nhiêu. thì tôi cũng ngấy chán chất hiện thực của tác giả Thuyền Thơ bấy nhiêu.

Thi phái cổ điển đã đưa Đông Xuyên đi vào thế giới của thơ, thì nó cũng lại dặt thi sĩ lưu lạc vào mảnh đất riêng tư của “cá nhân chủ nghĩa”. Hiện tượng này biểu hiện rõ rệt nhất trong những bài thơ thù tạc của Đông Xuyên.

Với một thi sĩ đã sống già nửa đời người, sống âm thầm với thi ca, tôi thấy tập Thuyền Thơ quả là trường hợp khó hiểu.

Đông Xuyên sao lại làm ít thơ thế, cho thơ dịch lẫn với thơ sáng tác thật không đẹp cho tập thơ một chút nào (tôi không phủ nhận giá trị thơ dịch của Đông Xuyên, tác giả Thuyền Thơ dịch thì có kỹ thuật, bài Trên sông Khúc. Đông Xuyên dịch Đỗ Phủ thật tuyệt.)

Tôi không muốn tìm một cái gì ở Đông Xuyên, nhưng tôi đã thấy ở tác giả Thuyền Thơ một con người Việt Nam hồn nhiên. Đông Xuyên luôn làm mới tâm hồn mình mặc dầu vẫn giữ nếp sống khấn xếp, áo the thâm, một nếp sống đã quá quen thuộc với tác giả Thuyền Thơ. Tôi không đồng ý vấn đề “Bình cũ rượu mới” của Lỗ Tấn đặt ra do Giản Chi nhắc lại trong bài tựa của tập Thuyền Thơ, vì tôi nghĩ nghệ thuật là một toàn thể sinh động.

Nhưng tôi tán thành Đông Xuyên làm thơ cổ điển. Nếp sống của Đông Xuyên cũng như ý thức hệ của tác giả. Thuyền Thơ phải như thế.

Thái độ của người nghệ sĩ hôm nay, là thái độ có mặt trong không khí trường thành của nghệ thuật thời đại, một thứ nghệ thuật tiến bộ so với quá khứ. Vấn đề đặt ra là ai đứng ở vị trí nghệ thuật riêng của người ấy nếu nếp sống và ý thức hệ chưa đổi thay. Đổi thay thường đòi hỏi người ta phải chịu đựng những dằn vặt xáo trộn ghê gớm. Tuổi tác và năm tháng chính là những cản trở rất lớn cho công cuộc cách mạng nghệ thuật. Hân hoan gặp lại cố nhân hay bỏ ngõ trở về với một lâu đài cổ kính, tôi nghĩ như vậy sau khi đọc Thuyền Thơ.

Hồ Nam

GIỚI THIỆU SỐ ĐẶC BIỆT

Nhân dịp kỷ niệm đệ nhị chu niên Sáng Tạo, chúng tôi sẽ cho phát hành vào tháng sau một số đặc biệt (tức số 25 tháng 10-58) lấy tên là: số HÀ NỘI, gồm toàn những sáng tác mới nhất viết về Hà Nội của:

Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Người Sông Thương, Mặc Đỗ, Vũ Khắc Khoan, Thanh Nam, Tạ Tỵ, Duy Thanh, Nguyễn Sỹ Tế, Trần THiệp, Mai Thảo, Đinh Hùng, Kiêm Minh, Trần Lê Nguyễn, Vũ Hoàng Chương, Vương Tân, Tô Thùy Yên, Phạm Nguyên Vũ, Ngọc Dũng, Nguyễn Sa, Sao Băng. Mai Trung Tĩnh v. v...

Bạn đọc sẽ tìm thấy trong giai phẩm kỷ niệm này một công trình nghệ thuật trình bày trang trọng, ấn loát công phu và những áng thơ văn mới lạ nhất về tâm trạng, đời sống và tư tưởng của người Hà Nội.

Một phần giai phẩm sẽ được dành riêng cho những sáng tác viết về Hà Nội của bạn đọc. Bài vở xin gửi về cho chúng tôi trước ngày 20 tháng 9-1958

Sáng Tạo

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

Sáng Tạo giới thiệu các báo bạn:

ĐẠI HỌC

Nguyệt san nghiên cứu văn hóa và triết học
của Viện Đại Học Huế

do Nguyễn Văn Trung chủ trương.

GIÓ MỜI

Bán nguyệt san. Với sự hợp tác thường xuyên của Thanh Nam, Đinh Hùng, Lê Huy Oanh, Thế Viên, Nguyễn Thiệu Lâu v. v...

TRUYỆN PHIM

Tuần báo điện ảnh... kịch trường đề cập tới mọi vấn đề chính yếu và mới lạ nhất của màn bạc, sân khấu Việt Nam và Quốc Tế.

RẠNG ĐÔNG

Tuần báo văn học, nghệ thuật, xã hội, chính trị xuất bản tại Huế.

Chủ nhiệm: Lê Hữu Mục

Chủ bút: Võ Long Tề.

HỘP THƯ

Các bạn: Dương Luân Phương, Tú Sỹ, Vũ Nguyên, CCV. 57, V.P.Đ. Minh, Hoàng xuân Nguyễn, Cung Hoàng, Hoàng trúc Linh, Thanh Lân, Hùng vĩ Lê, Hoàng bình Sơn, Thanh Thanh Thảo, Hoài Lữ, Tô Ngọc, Tô Nam.

Đã nhận được thơ văn các bạn. Đang xem. Thân ái.

Bạn Ngọc Bích: Sẽ đăng “Câu chuyện khiếm đề” vào một số tới.

Bạn Trường Phong: Sẽ đăng “Hành lang u tối”. Thân ái.

Anh Tuấn Huy: Rất vui lòng. Vậy có gặp xin đừng ngần ngại.

Một bài thơ đã đăng số này. Hai bài kia không đăng. Thân ái.

Bạn Đặng thiện Lê: Cảm tạ. Chùng nào cần có sự hợp tác thực sự của bạn, Ban kịch sẽ đến gặp. Thân ái.

Lưu Hoàng Hoa: “Từ khúc bình minh xưa” sẽ đăng. “Ngất ngất” không đăng. Thân ái.

Thạch Trân: Đã nhận được thư. Cảm ơn. Thơ hồi này câu kỳ quá hóa hỏng đi đấy.

Ông Lê Khang: Xin ghi nhận những ý kiến về mấy chuyện ngán và cảm tình ông đã đăng cho S.T. Sẽ có thư riêng trả lời những điểm thắc mắc ông nêu lên trong thư.

